TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 1 - Khối 6

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A6001	Huỳnh Nguyễn Khánh	An	Nữ	01/03/2012	6A2	
2	A6002	Lưu Tấn	An	Nam	11/02/2012	6A1	
3	A6003	Nguyễn Hoài	An	Nữ	15/10/2012	6A10	
4	A6004	Nguyễn Hoài	An	Nữ	04/11/2012	6A11	
5	A6005	Nguyễn Trúc An	An	Nữ	25/06/2012	6A12	
6	A6006	Phạm Bảo	An	Nữ	31/12/2012	6A13	
7	A6007	Phạm Tấn Bình	An	Nữ	03/03/2012	6A8	
8	A6008	Võ Nhật Bình	An	Nam	02/11/2012	6A5	
9	A6009	Vũ Xuân Bảo	An	Nam	29/04/2011	6A8	
10	A6010	Bùi Ngọc	Anh	Nữ	13/02/2012	6A7	
11	A6011	Châu Ngọc	Anh	Nữ	26/06/2012	6A11	
12	A6012	Danh Huỳnh Kim	Anh	Nữ	12/03/2012	6A1	
13	A6013	Đào Nhật Kim	Anh	Nữ	19/09/2012	6A5	
14	A6014	Đào Thế	Anh	Nam	31/05/2012	6A6	
15	A6015	Đỗ Trần Vân	Anh	Nữ	11/03/2012	6A3	
16	A6016	Hà Bảo	Anh	Nam	04/12/2012	6A14	
17	A6017	Hà Hoàng	Anh	Nam	18/08/2012	6A17	
18	A6018	Hoàng Kỳ	Anh	Nam	30/12/2012	6A13	
19	A6019	Hồ Qúy	Anh	Nam	16/07/2012	6A8	
20	A6020	Lê Gia	Anh	Nam	02/04/2012	6A3	
21	A6021	Lê Kim	Anh	Nữ	19/09/2012	6A4	
22	A6022	Lê Kim	Anh	Nữ	28/11/2012	6A16	
23	A6023	Lê Ngọc Như	Anh	Nữ	09/12/2012	6A10	
24	A6024	Lê Nguyễn Hoàng	Anh	Nam	16/01/2012	6A3	
25	A6025	Lê Quỳnh	Anh	Nữ	06/10/2012	6A12	
26	A6026	Lê Tuấn	Anh	Nam	10/05/2010	6A4	
27	A6027	Mai Phương	Anh	Nam	10/02/2012	6A1	
28	A6028	Nguyễn Công	Anh	Nam	01/01/2012	6A12	
29	A6029	Nguyễn Đỗ Trâm	Anh	Nữ	02/10/2012	6A13	
30	A6030	Nguyễn Hoài	Anh	Nữ	26/07/2012	6A9	
31	A6031	Nguyễn Hoàng Lan	Anh	Nữ	04/06/2012	6A10	
32	A6032	Nguyễn Huỳnh Quốc	Anh	Nam	22/10/2012	6A16	
33	A6033	Nguyễn Kim	Anh	Nữ	23/05/2012	6A18	
34	A6034	Nguyễn Ngọc	Anh	Nữ	22/10/2012	6A1	
35	A6035	Nguyễn Phùng	Anh	Nam	09/03/2011	6A11	
36	A6036	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	30/04/2012	6A18	
37	A6037	Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	22/05/2012	6A6	
38	A6038	Nguyễn Quỳnh Kim	Anh	Nữ	22/11/2012	6A14	
39	A6039	Nguyễn Thị Hà	Anh	Nữ	03/04/2012	6A9	
40	A6040	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	22/08/2012	6A2	
41	A6041	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	10/08/2012	6A15	
42	A6042	Nguyễn Thị Mỹ	Anh	Nữ	11/08/2012	6A9	
43	A6043	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	16/12/2011	6A17	
44	A6044	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	Nam	12/05/2012	6A9	
45	A6045	Nguyễn Thị Trâm	Anh	Nữ	04/11/2012	6A15	
46	A6046	Nguyễn Trần Ngọc	Anh	Nữ	30/08/2012	6A8	
47	A6047	Phạm Hùng	Anh	Nam	19/11/2012	6A9	

Danh sách này có 47 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 2 - Khối 6

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A6048	Phạm Nguyễn Thế	Anh	Nam	20/11/2012	6A1	
2	A6049	Phạm Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	20/11/2012	6A1	
3	A6050	Phạm Vũ Nhật	Anh	Nam	19/09/2012	6A13	
4	A6051	Phan Nguyễn Vân	Anh	Nữ	02/01/2011	6A4	
5	A6052	Phan Nhật	Anh	Nam	23/11/2012	6A7	
6	A6053	Trần Công	Anh	Nam	03/08/2012	6A10	
7	A6054	Trần Nguyễn Ngọc Vân	Anh	Nữ	15/08/2012	6A11	
8	A6055	Trần Quỳnh	Anh	Nữ	16/11/2012	6A17	
9	A6056	Võ Hoàng Tuấn	Anh	Nam	19/07/2012	6A15	
10	A6057	Võ Kỳ	Anh	Nam	12/12/2012	6A2	
11	A6058	Võ Nguyễn Trâm	Anh	Nữ	15/02/2012	6A16	
12	A6059	Trần Thị Ngọc	Ánh	Nữ	13/10/2012	6A3	
13	A6060	Trương Hồng	Ánh	Nữ	04/09/2012	6A2	
14	A6061	Hà Thiên	Ân	Nam	06/05/2011	6A4	
15	A6062	Lương Gia	Ân	Nam	04/05/2012	6A5	
16	A6063	Phạm Ngọc Thiên	Ân	Nữ	09/01/2012	6A14	
17	A6064	Phan Phi	Ân	Nam	17/09/2012	6A3	
18	A6065	Vũ Minh	Ân	Nam	19/10/2012	6A18	
19	A6066	Bùi Lê Gia	Bảo	Nam	19/03/2012	6A13	
20	A6067	Dương Gia	Bảo	Nam	07/06/2011	6A12	
21	A6068	Đinh Quốc	Bảo	Nam	11/05/2012	6A14	
22	A6069	Đoàn Gia	Bảo	Nam	13/08/2012	6A17	
23	A6070	Hồ Gia	Bảo	Nam	02/07/2012	6A9	
24	A6071	Lê Viết	Bảo	Nam	08/07/2012	6A5	
25	A6072	Lý Gia	Bảo	Nam	17/11/2012	6A16	
26	A6073	Mai Gia	Bảo	Nam	31/08/2012	6A7	
27	A6074	Nguyễn Gia	Bảo	Nam	27/06/2012	6A16	
28	A6075	Nguyễn Hoàng Gia	Bảo	Nam	21/09/2012	6A8	
29	A6076	Nguyễn Huỳnh Gia	Bảo	Nam	21/11/2012	6A15	
30	A6077	Nguyễn Thái	Bảo	Nam	20/08/2012	6A6	
31	A6078	Nguyễn Thanh Dương Gia	Bảo	Nam	03/08/2012	6A11	
32	A6079	Phan Gia	Bảo	Nam	10/05/2012	6A4	
33	A6080	Trần Tiến	Bảo	Nam	01/04/2011	6A18	
34	A6081	Trương Gia	Bảo	Nam	02/03/2012	6A7	
35	A6082	Võ Hoài Gia	Bảo	Nam	09/10/2012	6A10	
36	A6083	Vũ Hoàng Gia	Bảo	Nam	12/08/2012	6A1	
37	A6084	Nguyễn Thị Hòa	Bắc	Nữ	19/03/2012	6A4	
38	A6085	Lê Khánh	Băng	Nữ	22/06/2012	6A11	
39	A6086	Nguyễn Huỳnh Băng	Băng	Nữ	02/08/2012	6A5	
40	A6087	Phạm Như	Băng	Nữ	08/10/2012	6A6	
41	A6088	Hà Anh	Bình	Nam	01/11/2012	6A12	
42	A6089	Nguyễn An	Bình	Nam	29/08/2012	6A2	
43	A6090	Phạm Đặng Thanh	Bình	Nữ	13/11/2012	6A6	
44	A6091	Phạm	Cao	Nam	28/06/2011	6A12	
45	A6092	Bùi Thị Thi	Cát	Nữ	17/01/2012	6A8	
46	A6093	Trần Nguyệt	Cát	Nữ	19/01/2012	6A7	
47	A6094	Nguyễn Thị Bích	Chân	Nữ	02/02/2012	6A16	

Danh sách này có 47 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 3 - Khối 6

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A6095	Nguyễn Điền Minh	Châu	Nam	26/12/2012	6A14	
2	A6096	Trần Băng	Châu	Nữ	24/09/2012	6A9	
3	A6097	Trương Ngọc	Châu	Nữ	20/08/2012	6A16	
4	A6098	Đặng Thị Linh	Chi	Nữ	19/07/2012	6A10	
5	A6099	Huỳnh Lan	Chi	Nữ	29/09/2012	6A9	
6	A6100	Ngô Quỳnh	Chi	Nữ	16/04/2012	6A12	
7	A6101	Nguyễn Khánh	Chi	Nữ	12/03/2012	6A11	
8	A6102	Nguyễn Ngọc Diệp	Chi	Nữ	27/10/2012	6A13	
9	A6103	Lê Đặng Thành	Công	Nam	29/10/2012	6A4	
10	A6104	Nguyễn Thành	Công	Nam	30/10/2012	6A3	
11	A6105	Lương Kim	Cương	Nữ	13/06/2012	6A14	
12	A6106	Nguyễn Văn	Cường	Nam	17/02/2012	6A6	
13	A6107	Nguyễn Việt	Cường	Nam	08/02/2012	6A5	
14	A6108	Trương Hoàng	Diễn	Nam	04/05/2012	6A7	
15	A6109	Nguyễn Trần Ngọc	Diệp	Nữ	17/02/2012	6A15	
16	A6110	Phạm Khắc	Doãn	Nam	06/12/2012	6A8	
17	A6111	Nguyễn Phạm Thiên	Du	Nam	10/11/2012	6A9	
18	A6112	Bùi Huy	Dũng	Nam	14/12/2010	6A15	
19	A6113	Bùi Quang	Dũng	Nam	09/09/2011	6A6	
20	A6114	Bùi Quốc	Dũng	Nam	09/09/2012	6A10	
21	A6115	Lê Trần Đại	Dũng	Nam	14/02/2012	6A11	
22	A6116	Nguyễn Hùng	Dũng	Nam	19/06/2012	6A14	
23	A6117	Nguyễn Quốc	Dũng	Nam	30/05/2012	6A13	
24	A6118	Trần Việt	Dũng	Nam	13/10/2011	6A12	
25	A6119	Đào Nhựt	Duy	Nam	16/12/2011	6A4	
26	A6120	Lê Đức	Duy	Nam	25/11/2012	6A5	
27	A6121	Nguyễn Hoàng Thiên	Duy	Nam	01/12/2012	6A4	
28	A6122	Nguyễn Khắc	Duy	Nam	12/07/2010	6A5	
29	A6123	Nguyễn Quang	Duy	Nam	12/10/2012	6A3	
30	A6124	Trần Hữu	Duy	Nam	05/04/2012	6A6	
31	A6125	Võ Nhật	Duy	Nam	04/08/2012	6A2	
32	A6126	Đỗ Thị Mỹ	Duyên	Nữ	14/02/2012	6A4	
33	A6127	Huỳnh Ngọc Kỳ	Duyên	Nữ	14/11/2012	6A12	
34	A6128	Lê Thị Mỹ	Duyên	Nữ	22/03/2012	6A5	
35	A6129	Vũ Thị Mỹ	Duyên	Nữ	13/10/2012	6A3	
36	A6130	Đoàn	Dự	Nam	05/09/2012	6A5	
37	A6131	Đỗ Thị Thùy	Dương	Nữ	14/02/2012	6A18	
38	A6132	Hoàng Ánh	Dương	Nam	30/03/2012	6A18	
39	A6133	Nguyễn Đặng Thái	Dương	Nam	19/06/2012	6A17	
40	A6134	Nguyễn Lê Ngọc Ánh	Dương	Nữ	14/08/2012	6A2	
41	A6135	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	02/12/2012	6A16	
42	A6136	Phạm Bảo	Dương	Nam	10/04/2012	6A18	
43	A6137	Phạm Thị Thùy	Dương	Nữ	29/10/2012	6A17	
44	A6138	Thái Trịnh Nam	Dương	Nam	10/11/2012	6A16	
45	A6139	Trần Đặng Thùy	Dương	Nữ	01/09/2012	6A1	
46	A6140	Sơn Trang Lin	Đa	Nữ	26/06/2012	6A6	
47	A6141	Nguyễn Ngọc Tấn	Đại	Nam	04/04/2012	6A8	

Danh sách này có 47 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 4 - Khối 6

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A6142	Phan Đình	Đại	Nam	23/01/2012	6A7	
2	A6143	Hoang Đức	Đan	Nam	21/06/2012	6A9	
3	A6144	Nguyễn Thị	Đan	Nữ	24/05/2011	6A7	
4	A6145	Phạm Hoài Linh	Đan	Nữ	10/10/2012	6A7	
5	A6146	Phạm Linh	Đan	Nữ	11/10/2012	6A8	
6	A6147	Nguyễn Hồng	Đào	Nữ	28/08/2012	6A9	
7	A6148	Trịnh Anh	Đào	Nữ	20/10/2012	6A10	
8	A6149	Dương Phạm Quốc	Đạt	Nam	01/05/2012	6A16	
9	A6150	Hồ Tiến	Đạt	Nam	30/11/2012	6A4	
10	A6151	Lê Minh	Đạt	Nam	16/11/2012	6A9	
11	A6152	Lê Quốc	Đạt	Nam	20/11/2012	6A2	
12	A6153	Lê Văn	Đạt	Nam	03/02/2012	6A1	
13	A6154	Nguyễn Quốc	Đạt	Nam	27/08/2012	6A3	
14	A6155	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	04/07/2011	6A12	
15	A6156	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	25/07/2012	6A14	
16	A6157	Phạm Thành	Đạt	Nam	14/10/2012	6A18	
17	A6158	Phạm Tiến	Đạt	Nam	26/09/2011	6A17	
18	A6159	Trần Quang	Đạt	Nam	12/08/2012	6A5	
19	A6160	Trịnh Văn Thành	Đạt	Nam	21/07/2012	6A6	
20	A6161	Khương Hải	Đăng	Nam	05/08/2012	6A10	
21	A6162	Nguyễn Chí Hải	Đăng	Nam	08/07/2012	6A13	
22	A6163	Nguyễn Mai Hải	Đăng	Nam	09/10/2012	6A13	
23	A6164	Phùng Sĩ	Đăng	Nam	02/05/2012	6A12	
24	A6165	Trần Minh Hải	Đăng	Nam	24/03/2012	6A11	
25	A6166	Đặng Hồng	Đệ	Nam	12/02/2012	6A17	
26	A6167	Dương Đình	Đình	Nữ	07/12/2012	6A11	
27	A6168	Dương Long	Định	Nam	17/10/2012	6A1	
28	A6169	Nguyễn Thành	Đô	Nam	24/04/2012	6A7	
29	A6170	Bùi Minh	Đức	Nam	17/06/2011	6A17	
30	A6171	Đoàn Minh	Đức	Nam	23/06/2012	6A9	
31	A6172	Lê Minh	Đức	Nam	11/06/2012	6A11	
32	A6173	Lê Trung	Đức	Nam	11/12/2012	6A8	
33	A6174	Nguyễn Minh	Đức	Nam	19/11/2012	6A14	
34	A6175	Nguyễn Nguyên	Đức	Nam	13/02/2012	6A15	
35	A6176	Trần Anh	Đức	Nam	27/12/2011	6A10	
36	A6177	Từ Minh	Đức	Nam	08/10/2012	6A12	
37	A6178	Ngô Thành	Được	Nam	15/01/2012	6A13	
38	A6179	Trần Huỳnh	Em	Nam	11/02/2012	6A14	
39	A6180	Đoàn Đình	Giang	Nam	17/02/2012	6A16	
40	A6181	Mai Hương	Giang	Nữ	16/12/2012	6A12	
41	A6182	Nguyễn Hà Hương	Giang	Nữ	16/06/2012	6A14	
42	A6183	Nguyễn Hương	Giang	Nữ	14/01/2012	6A7	
43	A6184	Phí Trường	Giang	Nam	24/09/2012	6A15	
44	A6185	Võ Nhật Thu	Giang	Nữ	22/10/2012	6A15	
45	A6186	Vũ Thị Hương	Giang	Nữ	21/08/2012	6A13	
46	A6187	Phạm Lê Thanh	Hà	Nữ	19/02/2012	6A16	
47	A6188	Phan Thanh	Hà	Nữ	31/08/2012	6A5	

Danh sách này có 47 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 5 - Khối 6

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A6189	Trần Ngọc	Hà	Nữ	18/12/2012	6A17	
2	A6190	Nguyễn Hồng Vy	Hạ	Nữ	15/08/2012	6A18	
3	A6191	Đỗ Đức	Hải	Nam	02/09/2012	6A17	
4	A6192	Nguyễn Minh	Hải	Nam	28/08/2012	6A18	
5	A6193	Nguyễn Thanh	Hải	Nam	13/06/2012	6A1	
6	A6194	Nguyễn Mỹ	Hạnh	Nữ	16/09/2011	6A2	
7	A6195	Cao Nhật	Hào	Nam	09/04/2011	6A3	
8	A6196	Tăng Nhựt	Hào	Nam	20/11/2012	6A4	
9	A6197	Nguyễn Gia	Hạo	Nam	07/03/2012	6A5	
10	A6198	Nguyễn Mạnh	Hạo	Nam	28/12/2011	6A6	
11	A6199	Bùi Thị Thanh	Hằng	Nữ	18/08/2012	6A4	
12	A6200	Nguyễn Ngọc Minh	Hằng	Nữ	28/07/2012	6A15	
13	A6201	Nguyễn Thị Minh	Hằng	Nữ	21/08/2012	6A10	
14	A6202	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	Nữ	10/08/2012	6A11	
15	A6203	Trần Thị Thu	Hằng	Nữ	04/11/2012	6A12	
16	A6204	Bùi Phạm Gia	Hân	Nữ	09/10/2012	6A4	
17	A6205	Dương Gia	Hân	Nữ	17/09/2012	6A2	
18	A6206	Đặng Ngọc	Hân	Nữ	27/08/2012	6A9	
19	A6207	Đinh Thị Ngọc	Hân	Nữ	27/11/2011	6A3	
20	A6208	Đỗ Ngọc	Hân	Nữ	21/03/2012	6A3	
21	A6209	Hong Gia	Hân	Nữ	21/09/2012	6A1	
22	A6210	Lê Ngọc	Hân	Nữ	31/12/2012	6A2	
23	A6211	Nguyễn Gia	Hân	Nữ	04/06/2011	6A7	
24	A6212	Trần Hoài Thảo	Hân	Nữ	21/04/2012	6A9	
25	A6213	Trần Ngọc Bảo	Hân	Nữ	22/12/2011	6A8	
26	A6214	Trần Nguyễn Bảo	Hân	Nữ	11/08/2012	6A5	
27	A6215	Trần Thị Ngọc	Hân	Nữ	14/07/2012	6A6	
28	A6216	Đào Ngọc	Hậu	Nam	24/09/2012	6A7	
29	A6217	Đỗ Văn	Hậu	Nam	22/03/2012	6A15	
30	A6218	Châu Ngọc	Hiền	Nữ	18/04/2012	6A15	
31	A6219	Đỗ Thu	Hiền	Nữ	18/12/2012	6A16	
32	A6220	Lê Thị Thanh	Hiền	Nữ	04/06/2012	6A13	
33	A6221	Nguyễn Diệu	Hiền	Nữ	25/05/2012	6A14	
34	A6222	Hồ Đình	Hiếu	Nam	13/03/2012	6A1	
35	A6223	Hồ Quang	Hiếu	Nam	15/07/2012	6A3	
36	A6224	Lường Hữu Công	Hiếu	Nam	09/07/2012	6A10	
37	A6225	Nguyễn Đức	Hiếu	Nam	30/06/2012	6A12	
38	A6226	Phan Trung	Hiếu	Nam	13/09/2012	6A9	
39	A6227	Trần Minh	Hiếu	Nam	21/03/2012	6A8	
40	A6228	Võ Văn	Hiếu	Nam	09/11/2012	6A11	
41	A6229	Nghiêm Thị Kiều	Hoa	Nữ	30/06/2012	6A17	
42	A6230	Nguyễn Ngọc Hương	Hoa	Nữ	21/04/2012	6A1	
43	A6231	Phạm Thanh	Hoa	Nữ	29/03/2012	6A18	
44	A6232	Lê Văn	Hòa	Nam	22/04/2011	6A13	
45	A6233	Nguyễn Phúc	Hòa	Nam	30/10/2012	6A14	
46	A6234	Bùi Thị Ánh	Hoài	Nữ	10/08/2012	6A15	

Danh sách này có 46 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 6 - Khối 6

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A6235	Đinh Huy	Hoàng	Nam	19/11/2012	6A2	
2	A6236	Lê Huy	Hoàng	Nam	22/01/2012	6A17	
3	A6237	Nguyễn Tiến	Hoàng	Nam	01/05/2012	6A15	
4	A6238	Trần Minh	Hoàng	Nam	13/05/2011	6A16	
5	A6239	Chống Kim	Hùng	Nam	15/03/2012	6A18	
6	A6240	Lê Vũ Minh	Hùng	Nam	19/02/2012	6A1	
7	A6241	Nguyễn Phi	Hùng	Nam	29/02/2012	6A9	
8	A6242	Dương Ngọc	Huy	Nam	31/07/2011	6A15	
9	A6243	Dương Quang	Huy	Nam	12/09/2012	6A11	
10	A6244	Giang Minh	Huy	Nam	08/03/2012	6A10	
11	A6245	Hồ Gia	Huy	Nam	21/06/2012	6A9	
12	A6246	Huỳnh Quốc	Huy	Nam	09/10/2012	6A8	
13	A6247	Lê Trần Nhật	Huy	Nam	18/04/2012	6A7	
14	A6248	Lương Gia	Huy	Nam	21/10/2012	6A18	
15	A6249	Nguyễn Chí	Huy	Nam	20/05/2012	6A12	
16	A6250	Nguyễn Huỳnh	Huy	Nam	01/10/2012	6A14	
17	A6251	Nguyễn Khang	Huy	Nam	25/07/2012	6A1	
18	A6252	Nguyễn Nhựt	Huy	Nam	03/02/2012	6A16	
19	A6253	Phạm Gia	Huy	Nam	12/12/2012	6A13	
20	A6254	Phạm Thanh	Huy	Nam	17/06/2012	6A9	
21	A6255	Phùng Hoàng	Huy	Nam	05/05/2012	6A12	
22	A6256	Vương Nguyễn Minh	Huy	Nam	15/05/2012	6A8	
23	A6257	Lê Thị Khánh	Huyền	Nữ	29/08/2011	6A4	
24	A6258	Vũ Trần Ngọc	Huyền	Nữ	15/11/2012	6A3	
25	A6259	Trần Như	Huỳnh	Nữ	29/06/2012	6A5	
26	A6260	Trần Như	Huỳnh	Nữ	01/01/2012	6A14	
27	A6261	Bùi Gia	Hưng	Nam	12/09/2012	6A5	
28	A6262	Hoàng Quốc	Hưng	Nam	20/09/2011	6A11	
29	A6263	Nguyễn Chấn	Hưng	Nam	06/12/2012	6A3	
30	A6264	Nguyễn Dương Gia	Hưng	Nam	14/02/2012	6A4	
31	A6265	Trịnh Đình	Hưng	Nam	24/04/2012	6A2	
32	A6266	Huỳnh	Hương	Nam	18/02/2012	6A6	
33	A6267	Lê Thị Tuyết	Hường	Nữ	23/10/2012	6A2	
34	A6268	Abdul	Kashif	Nam	21/11/2012	6A1	
35	A6269	Huỳnh Chí	Kha	Nam	15/03/2012	6A2	
36	A6270	Dương	Khang	Nam	30/09/2012	6A3	
37	A6271	Huỳnh Võ Tấn	Khang	Nam	11/10/2012	6A10	
38	A6272	Lê Bảo	Khang	Nam	12/06/2012	6A6	
39	A6273	Lương Tuấn	Khang	Nam	17/03/2012	6A7	
40	A6274	Nguyễn	Khang	Nam	02/06/2012	6A8	
41	A6275	Nguyễn Lê Minh	Khang	Nam	19/05/2012	6A14	
42	A6276	Nguyễn Minh	Khang	Nam	26/12/2012	6A9	
43	A6277	Nguyễn Nhất	Khang	Nam	10/08/2012	6A15	
44	A6278	Nguyễn Tiến	Khang	Nam	25/07/2012	6A5	
45	A6279	Nguyễn Trọng	Khang	Nam	17/04/2012	6A4	
46	A6280	Nguyễn Trọng	Khang	Nam	04/10/2012	6A12	

Danh sách này có 46 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 7 - Khối 6

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A6281	Nguyễn Vũ Bảo	Khang	Nam	16/05/2012	6A3	
2	A6282	Nông Chí	Khang	Nam	25/03/2012	6A14	
3	A6283	Phạm Minh	Khang	Nam	09/05/2011	6A11	
4	A6284	Phan Hoàng	Khang	Nam	06/09/2012	6A13	
5	A6285	Nguyễn Tuấn	Khanh	Nam	14/09/2012	6A16	
6	A6286	Huỳnh Quốc	Khánh	Nam	03/09/2012	6A1	
7	A6287	Nguyễn Duy	Khánh	Nam	03/12/2012	6A6	
8	A6288	Nguyễn Quốc	Khánh	Nam	02/09/2012	6A18	
9	A6289	Phạm Duy	Khánh	Nam	08/11/2012	6A7	
10	A6290	Phạm Duy	Khánh	Nam	10/01/2012	6A10	
11	A6291	Trương Công Gia	Khánh	Nam	16/12/2011	6A17	
12	A6292	Đặng Anh	Khoa	Nam	19/10/2012	6A3	
13	A6293	Lê Hoàng Đăng	Khoa	Nam	24/12/2012	6A6	
14	A6294	Nguyễn	Khoa	Nam	11/06/2012	6A5	
15	A6295	Nguyễn Anh	Khoa	Nam	16/06/2012	6A8	
16	A6296	Nguyễn Thế Anh	Khoa	Nam	11/11/2012	6A4	
17	A6297	Trần Nguyễn Anh	Khoa	Nam	13/05/2012	6A9	
18	A6298	Trịnh Đăng	Khoa	Nam	13/06/2012	6A9	
19	A6299	Võ Đăng	Khoa	Nam	01/08/2012	6A1	
20	A6300	Võ Nguyên	Khoa	Nam	17/01/2012	6A2	
21	A6301	Hà Nguyễn Minh	Khôi	Nam	14/04/2012	6A12	
22	A6302	Lê Đăng	Khôi	Nam	07/06/2012	6A17	
23	A6303	Nghiêm Đăng	Khôi	Nam	04/05/2012	6A10	
24	A6304	Nguyễn Đăng	Khôi	Nam	17/10/2012	6A13	
25	A6305	Nguyễn Huỳnh Đăng	Khôi	Nam	07/11/2012	6A11	
26	A6306	Võ Minh	Khôi	Nam	26/09/2011	6A5	
27	A6307	Liêu Hoàng	Khôn	Nam	23/11/2012	6A14	
28	A6308	Dương Thị Bích	Khuê	Nữ	29/02/2012	6A16	
29	A6309	Lê Đức	Kiên	Nam	10/10/2012	6A16	
30	A6310	Nguyễn Trung	Kiên	Nam	11/11/2012	6A8	
31	A6311	Nguyễn Trung	Kiên	Nam	04/06/2012	6A15	
32	A6312	Lê Phan Tuấn	Kiệt	Nam	16/12/2012	6A1	
33	A6313	Nguyễn Lê Anh	Kiệt	Nam	07/03/2012	6A17	
34	A6314	Nguyễn Tuấn	Kiệt	Nam	07/09/2012	6A2	
35	A6315	Nguyễn Tuấn	Kiệt	Nam	23/12/2012	6A18	
36	A6316	Trương Anh	Kiệt	Nam	21/09/2011	6A3	
37	A6317	Nguyễn Băng	Kiều	Nữ	01/06/2012	6A17	
38	A6318	Lương Lý Thiên	Kim	Nữ	14/08/2012	6A6	
39	A6319	Nguyễn Dương Thiên	Kim	Nữ	28/11/2012	6A7	
40	A6320	Phạm Nguyễn Mỹ	Kim	Nữ	15/04/2012	6A8	
41	A6321	Đoàn Quốc	Kỳ	Nam	17/05/2012	6A4	
42	A6322	Ngô Bảo	Kỳ	Nam	04/02/2012	6A5	
43	A6323	Võ Ngọc Gia	Kỳ	Nữ	27/02/2012	6A13	
44	A6324	Lê Kiều	Lam	Nữ	09/01/2012	6A9	
45	A6325	Phạm Huỳnh	Lam	Nữ	13/10/2012	6A2	
46	A6326	Phan Nguyễn Trúc	Lam	Nữ	03/04/2012	6A11	

Danh sách này có 46 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 8 - Khối 6

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A6327	Thạch Thúy	Lam	Nữ	09/07/2012	6A10	
2	A6328	Đào Ngọc	Lan	Nữ	13/04/2012	6A12	
3	A6329	Hồ Thị Hồng	Lan	Nữ	07/02/2012	6A12	
4	A6330	Nguyễn Bảo	Lâm	Nam	08/10/2012	6A6	
5	A6331	Nguyễn Bảo	Lâm	Nam	24/08/2012	6A10	
6	A6332	Nguyễn Đăng	Lâm	Nam	05/05/2012	6A8	
7	A6333	Nguyễn Hoàng	Lâm	Nam	06/05/2012	6A7	
8	A6334	Trần Ngọc	Lâm	Nam	02/07/2012	6A9	
9	A6335	Huỳnh Ngọc	Lân	Nam	23/03/2012	6A12	
10	A6336	Nguyễn Ngọc	Lân	Nam	19/05/2012	6A11	
11	A6337	Lê Thanh	Lập	Nam	07/08/2012	6A13	
12	A6338	Dương Thị Mai Tuyết	Liên	Nữ	05/07/2012	6A13	
13	A6339	Bùi Ngọc Phương	Linh	Nữ	27/07/2012	6A17	
14	A6340	Bùi Ngọc Thùy	Linh	Nữ	27/07/2012	6A17	
15	A6341	Cao Thị Tuyết	Linh	Nữ	05/01/2012	6A3	
16	A6342	Chu Ngọc Khánh	Linh	Nữ	06/07/2012	6A4	
17	A6343	Đinh Nguyễn Phương	Linh	Nữ	05/04/2012	6A1	
18	A6344	Đồng Nguyễn Phương	Linh	Nữ	28/05/2012	6A2	
19	A6345	Hoàng Ngọc Khánh	Linh	Nữ	11/05/2012	6A18	
20	A6346	Lê Phạm Nhật	Linh	Nữ	18/11/2012	6A15	
21	A6347	Lê Thị Phương	Linh	Nữ	16/06/2012	6A12	
22	A6348	Nguyễn Duy	Linh	Nam	16/12/2012	6A17	
23	A6349	Nguyễn Hà Phương	Linh	Nữ	02/08/2012	6A7	
24	A6350	Nguyễn Thị Khánh	Linh	Nữ	21/09/2012	6A14	
25	A6351	Phạm Thị Hoàng	Linh	Nam	29/04/2012	6A15	
26	A6352	Quách Hoàng Phương	Linh	Nữ	10/11/2012	6A5	
27	A6353	Trần Gia	Linh	Nữ	22/03/2012	6A6	
28	A6354	Trần Thanh Tuấn	Linh	Nam	03/07/2012	6A14	
29	A6355	Trần Thị Thái Thùy	Linh	Nữ	30/11/2012	6A12	
30	A6356	Võ Ngọc Diệu	Linh	Nữ	21/11/2012	6A14	
31	A6357	Vương Gia	Linh	Nữ	01/09/2012	6A15	
32	A6358	Lư Thị Bích	Loan	Nữ	03/04/2012	6A9	
33	A6359	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	14/08/2012	6A12	
34	A6360	Võ Thuỳ	Loan	Nữ	31/05/2012	6A8	
35	A6361	Cao Bảo	Long	Nam	30/07/2012	6A1	
36	A6362	Dương Trần Bảo	Long	Nam	14/05/2012	6A15	
37	A6363	Đỗ Trịnh Minh	Long	Nam	12/12/2012	6A15	
38	A6364	Hoàng Bảo	Long	Nam	21/12/2012	6A5	
39	A6365	Hồng Thiên	Long	Nam	29/03/2012	6A6	
40	A6366	Lại Phương	Long	Nam	02/10/2012	6A17	
41	A6367	Lê Hoàng	Long	Nam	06/06/2011	6A8	
42	A6368	Lê Khắc Thành	Long	Nam	05/12/2012	6A4	
43	A6369	Lê Ngọc Thành	Long	Nam	26/05/2012	6A16	
44	A6370	Lê Văn	Long	Nam	19/11/2012	6A5	
45	A6371	Lữ Vương Thái	Long	Nam	06/12/2012	6A4	
46	A6372	Nguyễn Duy	Long	Nam	07/04/2012	6A6	

Danh sách này có 46 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 9 - Khối 6

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A6373	Nguyễn Hải	Long	Nam	19/05/2012	6A14	
2	A6374	Nguyễn Huỳnh	Long	Nam	16/09/2012	6A2	
3	A6375	Nguyễn Hữu Hoàng	Long	Nam	10/06/2012	6A3	
4	A6376	Nguyễn Phi	Long	Nam	17/05/2012	6A3	
5	A6377	Nguyễn Thái Nhật	Long	Nam	27/08/2012	6A15	
6	A6378	Phạm Ngọc Thiên	Long	Nam	01/01/2012	6A13	
7	A6379	Phạm Nhật	Long	Nam	13/06/2012	6A11	
8	A6380	Phạm Phi	Long	Nam	12/03/2012	6A7	
9	A6381	Phạm Phi	Long	Nam	08/01/2012	6A17	
10	A6382	Phan Tấn	Long	Nam	01/12/2012	6A18	
11	A6383	Tạ Kim	Long	Nam	05/07/2012	6A2	
12	A6384	Tiêu Gia	Long	Nam	28/08/2012	6A9	
13	A6385	Trần Hoàng	Long	Nam	25/12/2012	6A7	
14	A6386	Trần Hoàng Phi	Long	Nam	17/04/2012	6A16	
15	A6387	Trần Tô Bảo	Long	Nam	17/04/2012	6A10	
16	A6388	Trương Đại	Long	Nam	07/08/2012	6A8	
17	A6389	Trương Hoàng	Long	Nam	05/10/2012	6A4	
18	A6390	Võ Nguyễn Hoàng	Long	Nam	19/01/2012	6A12	
19	A6391	Châu Ân	Lộc	Nam	13/03/2012	6A16	
20	A6392	Trương Thành	Lộc	Nam	14/03/2012	6A17	
21	A6393	Nguyễn Huỳnh Duy	Lợi	Nam	25/06/2012	6A18	
22	A6394	Nguyễn Tấn	Lợi	Nam	18/11/2012	6A1	
23	A6395	Trần Tiến	Lợi	Nam	21/06/2012	6A18	
24	A6396	Nguyễn Châu Á	Luân	Nam	31/10/2012	6A7	
25	A6397	Nguyễn Văn	Luật	Nam	17/09/2011	6A8	
26	A6398	Diệp Thành	Lương	Nam	09/02/2012	6A13	
27	A6399	Bùi Nhật	Ly	Nữ	01/07/2012	6A15	
28	A6400	Bùi Trần Trúc	Ly	Nữ	18/03/2012	6A16	
29	A6401	Kiều Thị Trúc	Ly	Nữ	20/06/2012	6A10	
30	A6402	Lê Thị Cẩm	Ly	Nữ	07/02/2012	6A11	
31	A6403	Ngô Thị Trúc	Ly	Nữ	15/03/2012	6A13	
32	A6404	Nguyễn Kha	Ly	Nữ	08/06/2012	6A12	
33	A6405	Vũ Thị Cẩm	Ly	Nữ	26/02/2012	6A14	
34	A6406	Phạm Hải	Lý	Nữ	16/11/2012	6A9	
35	A6407	Nguyễn	Mai	Nam	02/08/2012	6A13	
36	A6408	Nguyễn Ngọc	Mai	Nữ	24/12/2012	6A17	
37	A6409	Quách Thị Như	Mai	Nữ	03/07/2012	6A18	
38	A6410	Lê Nhật	Minh	Nam	19/11/2012	6A10	
39	A6411	Nguyễn Đức Anh	Minh	Nam	01/04/2012	6A13	
40	A6412	Nguyễn Nam	Minh	Nam	18/10/2012	6A12	
41	A6413	Phan Ngọc	Minh	Nữ	09/05/2012	6A1	
42	A6414	Phùng Cao Bảo	Minh	Nam	05/11/2012	6A11	
43	A6415	Trần Bình	Minh	Nam	12/05/2012	6A2	
44	A6416	Trần Công	Minh	Nam	23/11/2009	6A10	
45	A6417	Trương Lê Duy	Minh	Nam	04/08/2012	6A6	
46	A6418	Đỗ Ngọc Hà	My	Nữ	11/07/2009	6A2	

Danh sách này có 46 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 10 - Khối 6

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A6419	Nguyễn Hà	My	Nữ	30/04/2012	6A4	
2	A6420	Nguyễn Ngọc Khải	My	Nữ	10/11/2012	6A8	
3	A6421	Nguyễn Ngọc Quỳnh	My	Nữ	02/06/2012	6A9	
4	A6422	Nguyễn Vũ Hà	My	Nữ	29/07/2012	6A7	
5	A6423	Phạm Thị Trà	My	Nữ	02/11/2012	6A3	
6	A6424	Trần Lê Thảo	My	Nữ	12/07/2012	6A2	
7	A6425	Trần Ngọc Diễm	My	Nữ	07/12/2012	6A6	
8	A6426	Võ Hà	My	Nữ	09/09/2012	6A5	
9	A6427	Trần Thái Mỹ	Mỹ	Nữ	09/12/2012	6A13	
10	A6428	Trần Ly	Na	Nữ	02/06/2012	6A10	
11	A6429	Lê Nhật	Nam	Nam	11/04/2012	6A14	
12	A6430	Lê Nho Bảo	Nam	Nam	09/03/2012	6A3	
13	A6431	Nguyễn Bảo	Nam	Nam	10/01/2012	6A16	
14	A6432	Nguyễn Đức	Nam	Nam	13/06/2011	6A18	
15	A6433	Nguyễn Minh	Nam	Nam	28/04/2012	6A18	
16	A6434	Trần Nhật	Nam	Nam	24/12/2011	6A15	
17	A6435	Trương Bảo	Nam	Nam	16/11/2012	6A17	
18	A6436	Nguyễn Huỳnh Linh	Nga	Nữ	05/08/2012	6A12	
19	A6437	Nguyễn Ngọc Phương	Nga	Nữ	15/05/2012	6A11	
20	A6438	Cao Nguyễn Bảo	Ngân	Nữ	17/10/2012	6A17	
21	A6439	Lê Thanh	Ngân	Nữ	29/10/2012	6A4	
22	A6440	Lý Huỳnh Thúy	Ngân	Nữ	18/11/2011	6A18	
23	A6441	Nguyễn Đỗ Kim	Ngân	Nữ	15/11/2012	6A6	
24	A6442	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	Nữ	15/02/2012	6A13	
25	A6443	Nguyễn Phạm Thiên	Ngân	Nữ	16/03/2011	6A14	
26	A6444	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	01/01/2012	6A3	
27	A6445	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	01/05/2012	6A16	
28	A6446	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	07/11/2012	6A18	
29	A6447	Nguyễn Trịnh Kim	Ngân	Nữ	26/12/2012	6A2	
30	A6448	Phạm Kim	Ngân	Nữ	15/11/2012	6A1	
31	A6449	Thạch Thị Thanh	Ngân	Nữ	14/06/2012	6A15	
32	A6450	Trần Thị Kim	Ngân	Nữ	30/10/2012	6A5	
33	A6451	Lâm Thảo	Nghi	Nữ	24/12/2011	6A8	
34	A6452	Nguyễn Thị Phương	Nghi	Nữ	13/06/2012	6A7	
35	A6453	Trương Đỗ Mộng	Nghi	Nam	17/09/2012	6A3	
36	A6454	Nguyễn Hiếu	Nghĩa	Nam	15/06/2012	6A2	
37	A6455	Trần Trọng	Nghĩa	Nam	01/06/2010	6A1	
38	A6456	Đặng Thị Mỹ	Ngọc	Nữ	28/06/2012	6A1	
39	A6457	Đinh Thị Thanh	Ngọc	Nữ	29/01/2012	6A11	
40	A6458	Lê Huỳnh Như	Ngọc	Nữ	26/05/2012	6A14	
41	A6459	Lưu Bảo	Ngọc	Nữ	19/07/2012	6A3	
42	A6460	Lý Huỳnh Thúy	Ngọc	Nữ	18/11/2011	6A18	
43	A6461	Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	07/02/2012	6A11	
44	A6462	Nguyễn Hồ Khánh	Ngọc	Nữ	28/08/2012	6A12	
45	A6463	Nguyễn Hồng	Ngọc	Nữ	01/07/2012	6A4	
46	A6464	Nguyễn Hồng	Ngọc	Nữ	04/01/2012	6A10	

Danh sách này có 46 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 11 - Khối 6

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A6465	Nguyễn Như	Ngọc	Nữ	02/06/2012	6A18	
2	A6466	Nguyễn Thanh	Ngọc	Nữ	23/08/2012	6A2	
3	A6467	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	Nữ	01/12/2012	6A13	
4	A6468	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	Nữ	03/03/2012	6A2	
5	A6469	Trần Bảo	Ngọc	Nữ	05/07/2012	6A10	
6	A6470	Trần Mai Bảo	Ngọc	Nữ	24/12/2012	6A9	
7	A6471	Trương Hoàng	Ngọc	Nữ	16/07/2012	6A15	
8	A6472	Trương Thị Vân	Ngọc	Nữ	02/09/2012	6A16	
9	A6473	Đoàn Lê Khôi	Nguyên	Nam	09/10/2012	6A5	
10	A6474	Lưu Thị Hạnh	Nguyên	Nữ	19/04/2012	6A6	
11	A6475	Nguyễn Duy Thảo	Nguyên	Nữ	11/12/2012	6A7	
12	A6476	Nguyễn Khánh	Nguyên	Nam	26/04/2011	6A3	
13	A6477	Nguyễn Xuân	Nguyên	Nam	19/01/2012	6A4	
14	A6478	Trần Đình Hải	Nguyên	Nam	15/08/2012	6A6	
15	A6479	Trịnh Tạ Hạnh	Nguyên	Nữ	17/03/2012	6A5	
16	A6480	Dương Thành	Nhân	Nam	07/01/2011	6A8	
17	A6481	Huỳnh Trí	Nhân	Nam	02/01/2012	6A9	
18	A6482	Nguyễn Chí	Nhân	Nam	12/03/2012	6A7	
19	A6483	Nguyễn Ngọc Khả	Nhân	Nữ	15/12/2011	6A8	
20	A6484	Nguyễn Trọng	Nhân	Nam	28/06/2012	6A7	
21	A6485	Lý Huỳnh Ngọc	Nhẫn	Nam	21/10/2012	6A14	
22	A6486	Đào Lê Minh	Nhật	Nam	19/04/2012	6A16	
23	A6487	Mai Trọng	Nhật	Nam	30/03/2012	6A11	
24	A6488	Nguyễn Minh	Nhật	Nam	03/11/2012	6A6	
25	A6489	Nguyễn Phúc	Nhật	Nam	20/08/2012	6A2	
26	A6490	Phan Huy	Nhật	Nam	30/04/2012	6A3	
27	A6491	Trần Minh	Nhật	Nam	29/04/2012	6A10	
28	A6492	Chu Ngọc	Nhi	Nữ	10/10/2012	6A3	
29	A6493	Lâm Yến	Nhi	Nữ	28/07/2012	6A16	
30	A6494	Lê Đặng Thanh	Nhi	Nữ	07/03/2012	6A6	
31	A6495	Lê Ngọc Yến	Nhi	Nữ	04/06/2012	6A15	
32	A6496	Lê Thị An	Nhi	Nữ	19/12/2011	6A11	
33	A6497	Lê Thị Uyên	Nhi	Nữ	29/09/2012	6A2	
34	A6498	Nguyễn Lê Yến	Nhi	Nữ	11/04/2012	6A16	
35	A6499	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Nhi	Nữ	13/12/2012	6A5	
36	A6500	Nguyễn Ngọc Vân	Nhi	Nữ	15/10/2012	6A9	
37	A6501	Nguyễn Phương	Nhi	Nữ	27/10/2012	6A10	
38	A6502	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	27/11/2012	6A9	
39	A6503	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	23/02/2012	6A14	
40	A6504	Nguyễn Thiên	Nhi	Nữ	03/03/2012	6A5	
41	A6505	Nguyễn Võ Yến	Nhi	Nữ	29/12/2011	6A1	
42	A6506	Phạm Thanh	Nhi	Nữ	19/01/2012	6A17	
43	A6507	Phan Hồng Tú	Nhi	Nữ	09/02/2012	6A12	
44	A6508	Phan Nguyễn Hiền	Nhi	Nữ	19/12/2012	6A13	
45	A6509	Trần Ngọc Uyên	Nhi	Nữ	13/11/2012	6A18	
46	A6510	Trần Ngọc Yến	Nhi	Nữ	29/05/2012	6A1	

Danh sách này có 46 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 12 - Khối 6

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A6511	Trịnh Linh	Nhi	Nữ	02/02/2012	6A4	
2	A6512	Trương Yến	Nhi	Nữ	09/07/2012	6A5	
3	A6513	Vũ Hoàng Vân	Nhi	Nữ	14/11/2012	6A8	
4	A6514	Vũ Yến	Nhi	Nữ	16/10/2012	6A7	
5	A6515	Nguyễn Hạo	Nhiên	Nam	24/06/2012	6A13	
6	A6516	Thạch Thị Hồng	Nhiên	Nữ	19/12/2012	6A11	
7	A6517	Trịnh Thị Kiều	Nhiên	Nữ	14/04/2011	6A10	
8	A6518	Đinh Thị	Nhung	Nữ	29/11/2012	6A6	
9	A6519	Phạm Thị Hồng	Nhung	Nữ	08/12/2012	6A8	
10	A6520	Cao Lê Tâm	Như	Nữ	12/10/2011	6A3	
11	A6521	Dương Bảo	Như	Nữ	13/07/2012	6A1	
12	A6522	Đặng Thị Quỳnh	Như	Nữ	10/09/2012	6A14	
13	A6523	Hà Yến	Như	Nữ	27/03/2012	6A2	
14	A6524	Hoàng Ý	Như	Nữ	23/09/2012	6A18	
15	A6525	Lâm Tâm	Như	Nữ	30/11/2011	6A16	
16	A6526	Nguyễn Ngọc Khánh	Như	Nữ	25/02/2012	6A13	
17	A6527	Nguyễn Thị Châu	Như	Nữ	02/10/2012	6A15	
18	A6528	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	Nữ	08/02/2011	6A18	
19	A6529	Nguyễn Thụy Vi	Như	Nữ	29/07/2012	6A12	
20	A6530	Phạm Quỳnh	Như	Nữ	20/10/2012	6A4	
21	A6531	Trần Kim	Như	Nữ	20/01/2011	6A5	
22	A6532	Trần Nguyễn Quỳnh	Như	Nữ	01/09/2012	6A17	
23	A6533	Hồ Thanh	Nhựt	Nam	05/07/2012	6A15	
24	A6534	Lê Anh	Nhựt	Nam	29/11/2012	6A18	
25	A6535	Ngô Tú	Nữ	Nữ	15/07/2012	6A7	
26	A6536	Bùi Xuân	Phát	Nam	23/03/2012	6A7	
27	A6537	Cao Danh	Phát	Nam	19/11/2012	6A2	
28	A6538	Hà Đoàn Tấn	Phát	Nam	11/06/2012	6A16	
29	A6539	Hồ Gia	Phát	Nam	20/06/2012	6A18	
30	A6540	Lê Đỗ Nhất	Phát	Nam	15/12/2012	6A8	
31	A6541	Nguyễn Đức	Phát	Nam	22/01/2012	6A6	
32	A6542	Nguyễn Hữu	Phát	Nam	07/05/2012	6A7	
33	A6543	Nguyễn Nhật Thành	Phát	Nam	10/02/2012	6A1	
34	A6544	Nguyễn Tấn	Phát	Nam	29/05/2011	6A5	
35	A6545	Nguyễn Thành	Phát	Nam	04/12/2009	6A4	
36	A6546	Nguyễn Trần Tấn	Phát	Nam	25/11/2012	6A3	
37	A6547	Sơn Ngọc	Phát	Nữ	26/11/2011	6A8	
38	A6548	Trần Tấn	Phát	Nam	04/12/2012	6A17	
39	A6549	Trần Hoàng	Phi	Nam	10/07/2011	6A9	
40	A6550	Văn Hoàng	Phi	Nam	16/05/2012	6A10	
41	A6551	Bùi Thanh	Phong	Nam	11/05/2012	6A13	
42	A6552	Đoàn Hải	Phong	Nam	29/01/2012	6A11	
43	A6553	Huỳnh Phi	Phong	Nam	26/08/2012	6A13	
44	A6554	Lê Trịnh	Phong	Nam	17/06/2012	6A12	
45	A6555	Vũ Đức	Phong	Nam	03/11/2012	6A11	
46	A6556	Hồ Quang	Phú	Nam	16/06/2012	6A14	

Danh sách này có 46 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 13 - Khối 6

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A6557	Lý Thiên	Phú	Nam	23/01/2012	6A11	
2	A6558	Nguyễn Trọng	Phú	Nam	16/10/2012	6A10	
3	A6559	Phan Thiên	Phú	Nam	10/05/2012	6A18	
4	A6560	Huỳnh Trọng	Phúc	Nam	18/09/2012	6A2	
5	A6561	Nguyễn Hoàng	Phúc	Nam	13/09/2012	6A14	
6	A6562	Nguyễn Thái Hoàng	Phúc	Nam	22/01/2012	6A1	
7	A6563	Nguyễn Trần Gia	Phúc	Nam	08/01/2012	6A3	
8	A6564	Nguyễn Trần Hồng	Phúc	Nam	07/01/2012	6A15	
9	A6565	Nguyễn Xuân	Phúc	Nam	03/08/2012	6A16	
10	A6566	Phan Hồng	Phúc	Nam	02/10/2012	6A5	
11	A6567	Quảng Hồng	Phúc	Nam	04/03/2012	6A7	
12	A6568	Thân Trọng	Phúc	Nam	27/12/2012	6A17	
13	A6569	Trần Hoàng Như	Phúc	Nữ	20/04/2012	6A9	
14	A6570	Phạm Ngọc Kim	Phụng	Nữ	01/01/2012	6A11	
15	A6571	Phạm Vũ Kiều	Phụng	Nữ	02/01/2012	6A10	
16	A6572	Vương Kim	Phụng	Nữ	11/06/2012	6A12	
17	A6573	Phạm Tuấn	Phước	Nam	13/12/2012	6A4	
18	A6574	Trần Hạo	Phước	Nam	03/10/2012	6A5	
19	A6575	Bùi Nguyễn Hà	Phương	Nữ	14/07/2012	6A13	
20	A6576	Dương Thị Mai	Phương	Nữ	14/05/2012	6A17	
21	A6577	Lê Hồng	Phương	Nữ	01/01/2012	6A14	
22	A6578	Lê Thu	Phương	Nữ	03/09/2012	6A15	
23	A6579	Nguyễn Trần Quốc	Phương	Nam	07/05/2012	6A6	
24	A6580	Trần Thanh	Phương	Nam	10/05/2012	6A7	
25	A6581	Trần Thị Ngọc	Phương	Nữ	28/03/2012	6A16	
26	A6582	Lưu Đại	Quang	Nam	25/02/2012	6A13	
27	A6583	Phạm Văn	Quang	Nam	26/03/2012	6A12	
28	A6584	Lê Minh	Quân	Nam	01/02/2012	6A11	
29	A6585	Lê Văn Mạnh	Quân	Nam	22/10/2012	6A10	
30	A6586	Nguyễn Minh	Quân	Nam	01/03/2012	6A9	
31	A6587	Trần Minh	Quân	Nam	07/12/2012	6A8	
32	A6588	Võ Văn Thanh	Qúi	Nam	01/04/2012	6A14	
33	A6589	Lê	Quốc	Nam	10/07/2012	6A15	
34	A6590	Nguyễn Quốc	Quy	Nam	15/09/2012	6A18	
35	A6591	Bùi Minh	Quý	Nam	08/01/2011	6A18	
36	A6592	Huỳnh Phú	Quý	Nam	16/09/2012	6A17	
37	A6593	Trần Phú	Quý	Nam	27/01/2012	6A16	
38	A6594	Hồ Thị Mỹ	Quyên	Nữ	07/07/2011	6A1	
39	A6595	Tào Thục	Quyên	Nữ	26/11/2012	6A18	
40	A6596	Trần Thị Hà	Quyên	Nữ	01/08/2012	6A2	
41	A6597	Nguyễn Đỗ Như	Quỳnh	Nữ	04/05/2012	6A4	
42	A6598	Nguyễn Hương	Quỳnh	Nữ	25/01/2012	6A2	
43	A6599	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	27/01/2012	6A6	
44	A6600	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	Nữ	04/09/2011	6A6	
45	A6601	Trần Ngọc	Quỳnh	Nữ	20/05/2012	6A5	
46	A6602	Võ Ngọc	Quỳnh	Nữ	01/01/2012	6A3	

Danh sách này có 46 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 14 - Khối 6

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A6603	Lê Ngọc	Sang	Nữ	11/02/2012	6A7	
2	A6604	Lê Thanh	Sang	Nam	09/07/2012	6A2	
3	A6605	Nguyễn Ngọc	Sang	Nam	13/09/2012	6A1	
4	A6606	Phan Thanh	Sang	Nam	09/09/2012	6A3	
5	A6607	Nguyễn Ngọc Trường	Sơn	Nam	14/03/2012	6A4	
6	A6608	Nguyễn Ngọc	Sương	Nữ	02/06/2012	6A8	
7	A6609	Lê Anh	Tài	Nam	16/08/2012	6A5	
8	A6610	Nguyễn Hà Chí	Tài	Nam	24/07/2012	6A8	
9	A6611	Phan Thành	Tài	Nam	27/10/2012	6A4	
10	A6612	Trần Minh	Tài	Nam	28/06/2011	6A6	
11	A6613	Danh Hoài	Tâm	Nam	16/08/2012	6A8	
12	A6614	Nguyễn Hoàng Diệu	Tâm	Nữ	06/04/2012	6A10	
13	A6615	Nguyễn Thị Mỹ	Tâm	Nữ	21/03/2012	6A11	
14	A6616	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	21/08/2012	6A9	
15	A6617	Trần Hoài	Tâm	Nam	10/06/2012	6A9	
16	A6618	Trần Khánh	Tâm	Nam	15/01/2012	6A7	
17	A6619	Trần Nhật	Tâm	Nam	13/03/2012	6A8	
18	A6620	Trương Minh	Tâm	Nam	22/03/2012	6A10	
19	A6621	Lê Minh	Tân	Nam	05/05/2012	6A11	
20	A6622	Đào Ngọc	Tel	Nam	06/10/2012	6A12	
21	A6623	Đỗ Văn	Thạch	Nam	01/01/2012	6A13	
22	A6624	Hà Minh	Thái	Nam	19/12/2012	6A15	
23	A6625	Phạm Hoàng	Thái	Nam	07/07/2012	6A16	
24	A6626	Phạm Ngọc	Thái	Nam	08/05/2012	6A14	
25	A6627	Sơn Hoàng	Thái	Nam	03/10/2012	6A17	
26	A6628	Lầu Thiên	Thanh	Nữ	24/08/2012	6A13	
27	A6629	Nguyễn Ngọc Thiên	Thanh	Nữ	22/05/2012	6A17	
28	A6630	Nguyễn Thị Ngọc	Thanh	Nữ	17/10/2012	6A12	
29	A6631	Hồ Hữu	Thành	Nam	22/09/2012	6A3	
30	A6632	Huỳnh Minh	Thành	Nam	02/09/2012	6A9	
31	A6633	Lê Duy Phú	Thành	Nam	06/01/2012	6A4	
32	A6634	Nguyễn Hải	Thành	Nam	21/01/2012	6A11	
33	A6635	Hồ Phương	Thảo	Nữ	10/07/2012	6A14	
34	A6636	Lê Phương	Thảo	Nam	04/02/2012	6A8	
35	A6637	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	01/06/2012	6A5	
36	A6638	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	17/05/2012	6A15	
37	A6639	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	26/11/2012	6A16	
38	A6640	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	29/04/2012	6A18	
39	A6641	Trịnh Thanh	Thảo	Nữ	20/09/2012	6A17	
40	A6642	Trịnh Thị Thanh	Thảo	Nam	21/03/2012	6A15	
41	A6643	Ngô Thị Hồng	Thắm	Nữ	30/08/2011	6A10	
42	A6644	Hồ Hoàng	Thắng	Nam	29/07/2012	6A1	
43	A6645	Lê Phú	Thắng	Nam	22/12/2012	6A14	
44	A6646	Lê Quang	Thắng	Nam	11/08/2012	6A18	
45	A6647	Nguyễn Việt	Thắng	Nam	22/08/2012	6A2	
46	A6648	Nguyễn Lê Hoàng	Thi	Nam	15/05/2012	6A6	

Danh sách này có 46 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 15 - Khối 6

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A6649	Nguyễn Ngọc Bảo	Thi	Nữ	12/03/2012	6A2	
2	A6650	Nguyễn Võ Xuân	Thi	Nữ	16/07/2012	6A1	
3	A6651	Đỗ Chí	Thiên	Nam	10/06/2012	6A9	
4	A6652	Nguyễn Thanh	Thiên	Nam	20/03/2012	6A8	
5	A6653	Nguyễn Thế Hào	Thiên	Nam	04/08/2012	6A14	
6	A6654	Bùi Hồng	Thiện	Nữ	04/02/2012	6A3	
7	A6655	Đoàn Đức	Thiện	Nam	17/03/2012	6A12	
8	A6656	Hà Ngọc	Thiện	Nam	14/11/2012	6A6	
9	A6657	Lương Minh	Thiện	Nam	25/05/2012	6A10	
10	A6658	Nguyễn Hữu	Thiện	Nam	16/11/2012	6A15	
11	A6659	Nguyễn Tiến	Thiện	Nam	25/12/2012	6A11	
12	A6660	Nguyễn Võ Minh	Thiện	Nam	14/01/2012	6A13	
13	A6661	Đinh Thế	Thịnh	Nam	13/05/2012	6A6	
14	A6662	Lê Phú	Thịnh	Nam	05/09/2012	6A17	
15	A6663	Lê Quốc	Thịnh	Nam	17/05/2012	6A7	
16	A6664	Liêu Phúc	Thịnh	Nam	20/11/2012	6A3	
17	A6665	Lương Đức	Thịnh	Nam	21/07/2012	6A4	
18	A6666	Nguyễn Cường	Thịnh	Nam	18/09/2012	6A2	
19	A6667	Nguyễn Phước	Thịnh	Nam	29/05/2012	6A4	
20	A6668	Nguyễn Quốc	Thịnh	Nam	16/01/2012	6A7	
21	A6669	Nguyễn Quốc	Thịnh	Nam	16/01/2012	6A15	
22	A6670	Phan Hưng	Thịnh	Nam	11/07/2012	6A16	
23	A6671	Trần Quốc	Thịnh	Nam	26/12/2012	6A18	
24	A6672	Trương Phước	Thịnh	Nam	19/07/2012	6A5	
25	A6673	Nguyễn Thị Liên	Thông	Nữ	25/09/2012	6A5	
26	A6674	Nguyễn Thị Kim	Thơ	Nữ	16/03/2012	6A3	
27	A6675	A Nguyễn	Thuận	Nam	08/01/2011	6A4	
28	A6676	Nguyễn Minh	Thuận	Nam	15/08/2011	6A2	
29	A6677	Nguyễn Trọng	Thuận	Nam	21/09/2012	6A6	
30	A6678	Trần Thị Phương	Thuý	Nữ	15/09/2012	6A16	
31	A6679	Đoàn Thị Thu	Thủy	Nam	22/10/2012	6A8	
32	A6680	Phạm Ngọc	Thúy	Nữ	05/12/2012	6A17	
33	A6681	Đoàn Thị Anh	Thư	Nữ	11/10/2012	6A7	
34	A6682	Huỳnh An	Thư	Nữ	26/02/2012	6A16	
35	A6683	Lê Anh	Thư	Nữ	21/12/2012	6A10	
36	A6684	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	Nữ	26/08/2012	6A14	
37	A6685	Nguyễn Thị Minh	Thư	Nữ	05/10/2012	6A11	
38	A6686	Ninh Thị Anh	Thư	Nữ	23/10/2012	6A8	
39	A6687	Phạm Kiều	Thư	Nữ	03/03/2012	6A16	
40	A6688	Tô Anh	Thư	Nữ	14/09/2012	6A1	
41	A6689	Trần Anh	Thư	Nữ	18/07/2012	6A13	
42	A6690	Trần Minh	Thư	Nữ	07/03/2012	6A9	
43	A6691	Trương Thị Thanh	Thư	Nữ	04/09/2012	6A6	
44	A6692	Danh Nguyễn Tình	Thương	Nam	22/04/2011	6A7	
45	A6693	Nguyễn Lưu Hoài	Thương	Nữ	03/03/2012	6A14	
46	A6694	Lê Huỳnh Nghi	Thường	Nữ	05/05/2012	6A15	

Danh sách này có 46 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 16 - Khối 6

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A6695	Huỳnh An	Thy	Nữ	15/01/2012	6A2	
2	A6696	Nguyễn An	Thy	Nữ	11/01/2012	6A11	
3	A6697	Nguyễn Anh	Thy	Nữ	28/06/2012	6A18	
4	A6698	Nguyễn Đinh Khánh	Thy	Nữ	05/11/2012	6A1	
5	A6699	Lê Thị Mỹ	Tiên	Nữ	18/11/2012	6A3	
6	A6700	Nguyễn Ngọc Thuỷ	Tiên	Nữ	30/01/2012	6A4	
7	A6701	Huỳnh Ngọc	Tiền	Nữ	21/08/2012	6A6	
8	A6702	Phùng Thị Thanh	Tiền	Nữ	20/03/2012	6A5	
9	A6703	Phan Hồng	Tiến	Nam	04/08/2011	6A9	
10	A6704	Huỳnh Minh	Tính	Nam	28/12/2012	6A5	
11	A6705	Trần Đức	Tính	Nam	29/08/2012	6A2	
12	A6706	Nguyễn Dương Minh	Tới	Nam	19/02/2012	6A10	
13	A6707	Nguyễn Thị Thanh	Trà	Nữ	28/09/2012	6A7	
14	A6708	Đặng Thảo	Trang	Nữ	18/07/2012	6A9	
15	A6709	Đinh Thị Thảo	Trang	Nữ	08/07/2012	6A10	
16	A6710	Đỗ Quỳnh	Trang	Nữ	15/11/2012	6A12	
17	A6711	Hứa Ngọc Uyên	Trang	Nữ	11/06/2012	6A8	
18	A6712	Kiều	Trang	Nam	04/09/2012	6A11	
19	A6713	Lê Nguyễn Bảo	Trang	Nữ	18/10/2012	6A8	
20	A6714	Lê Thùy	Trang	Nữ	17/05/2012	6A18	
21	A6715	Ngô Hà	Trang	Nữ	08/04/2012	6A17	
22	A6716	Ngô Phương	Trang	Nữ	05/12/2012	6A6	
23	A6717	Nguyễn Trần Đoan	Trang	Nữ	05/04/2012	6A13	
24	A6718	Phạm Quỳnh	Trang	Nữ	04/11/2012	6A10	
25	A6719	Phạm Thị Quỳnh	Trang	Nữ	03/06/2012	6A7	
26	A6720	Quảng Thị Kim	Trang	Nữ	13/03/2012	6A14	
27	A6721	Trần Nguyễn Minh	Trang	Nữ	21/10/2012	6A11	
28	A6722	Vũ Thiên	Trang	Nữ	25/02/2012	6A4	
29	A6723	Vy Thị Uyên	Trang	Nữ	20/05/2011	6A15	
30	A6724	Đỗ Thuỳ	Trâm	Nữ	19/03/2012	6A14	
31	A6725	Huỳnh Ngọc Bảo	Trâm	Nữ	18/09/2011	6A11	
32	A6726	Lê Nguyễn Bảo	Trâm	Nữ	13/03/2012	6A17	
33	A6727	Nguyễn Ngọc Bảo	Trâm	Nữ	12/07/2012	6A11	
34	A6728	Phạm Hoàng Bích	Trâm	Nữ	14/10/2012	6A8	
35	A6729	Phan Bảo	Trâm	Nữ	17/12/2011	6A10	
36	A6730	Trần Nguyễn Mỹ	Trâm	Nữ	13/05/2012	6A9	
37	A6731	Trương Thị Ngọc	Trâm	Nữ	26/05/2012	6A13	
38	A6732	Danh Ngọc	Trân	Nữ	23/09/2011	6A5	
39	A6733	Đinh Thùy Bảo	Trân	Nữ	14/10/2012	6A15	
40	A6734	Lê Huyền	Trân	Nữ	26/03/2012	6A3	
41	A6735	Lê Thị Bảo	Trân	Nữ	03/03/2011	6A4	
42	A6736	Ngô Ngọc Bảo	Trân	Nữ	31/01/2012	6A17	
43	A6737	Nguyễn Bảo	Trân	Nữ	08/03/2012	6A18	
44	A6738	Nguyễn Hoàng Bảo	Trân	Nữ	26/01/2012	6A1	
45	A6739	Nguyễn Mai Bảo	Trân	Nữ	01/06/2012	6A16	
46	A6740	Phạm Thị Thùy	Trân	Nữ	18/06/2012	6A12	

Danh sách này có 46 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 17 - Khối 6

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A6741	Phạm Trần Bảo	Trân	Nữ	10/09/2012	6A1	
2	A6742	Võ Quỳnh	Trân	Nữ	20/06/2012	6A2	
3	A6743	Phạm Phan Anh	Trí	Nam	30/01/2012	6A12	
4	A6744	Đặng	Triết	Nam	01/10/2012	6A13	
5	A6745	Phan Nguyễn Danh	Triều	Nam	28/02/2012	6A14	
6	A6746	Cao Đức Hải	Triều	Nam	13/07/2012	6A7	
7	A6747	Nguyễn Đặng Hải	Triều	Nam	04/03/2012	6A16	
8	A6748	Võ Minh	Triều	Nam	29/01/2012	6A15	
9	A6749	Nguyễn Quang	Triệu	Nam	27/07/2012	6A10	
10	A6750	Huỳnh Ngọc	Trinh	Nữ	09/06/2012	6A16	
11	A6751	Nguyễn Thị Tú	Trinh	Nữ	24/08/2012	6A17	
12	A6752	Trần Quốc	Trọng	Nam	12/12/2012	6A17	
13	A6753	Đỗ Thanh	Trúc	Nữ	21/11/2012	6A13	
14	A6754	Lê Thị Thanh	Trúc	Nữ	05/11/2011	6A1	
15	A6755	Võ Ngọc	Trúc	Nữ	27/11/2012	6A18	
16	A6756	Đỗ Thành	Trung	Nam	30/05/2012	6A1	
17	A6757	Lữ Đạt Trí	Trung	Nam	09/05/2012	6A4	
18	A6758	Nguyễn Hoàng	Trung	Nam	29/03/2012	6A18	
19	A6759	Trịnh Quang Tài	Trung	Nam	08/02/2012	6A17	
20	A6760	Lưu Thị Cẩm	Tú	Nữ	25/02/2012	6A2	
21	A6761	Lê Văn	Tuân	Nam	29/04/2012	6A1	
22	A6762	Dương Minh	Tuấn	Nam	03/07/2012	6A3	
23	A6763	Lê Thanh	Tuấn	Nam	08/02/2012	6A10	
24	A6764	Triệu Anh	Tuấn	Nam	20/04/2012	6A4	
25	A6765	Đào Đình	Tùng	Nam	20/03/2012	6A7	
26	A6766	Hoàng Mạnh	Tùng	Nam	17/11/2012	6A6	
27	A6767	Vũ Xuân	Tùng	Nam	03/05/2012	6A5	
28	A6768	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	Nữ	06/12/2011	6A4	
29	A6769	Tô Phan Hồng	Tuyết	Nữ	04/12/2012	6A5	
30	A6770	Lê Minh	Tươi	Nam	29/08/2010	6A1	
31	A6771	Huỳnh Như Cát	Tường	Nữ	18/05/2012	6A3	
32	A6772	Trần Ngọc	Tỷ	Nam	23/01/2011	6A8	
33	A6773	Lâm Minh	Út	Nam	24/01/2011	6A9	
34	A6774	Trần Đoàn Mỹ	Uyên	Nữ	28/12/2012	6A3	
35	A6775	Hồ Nguyễn Tường	Vân	Nữ	20/12/2012	6A7	
36	A6776	Lê Hoàng	Vân	Nữ	24/11/2012	6A6	
37	A6777	Nguyễn Ngọc Thanh	Vân	Nữ	07/11/2012	6A15	
38	A6778	Nguyễn Thị Thảo	Vân	Nữ	12/11/2012	6A8	
39	A6779	Trần Ngọc Khánh	Vân	Nữ	15/10/2012	6A9	
40	A6780	Võ Ngọc Thảo	Vân	Nữ	17/05/2012	6A6	
41	A6781	Bùi Thị Tường	Vi	Nữ	27/01/2012	6A10	
42	A6782	Huỳnh Nguyễn Tường	Vi	Nữ	12/01/2012	6A11	
43	A6783	Nguyễn Nguyễn Lạc	Vi	Nữ	02/06/2012	6A12	
44	A6784	Nguyễn Thảo	Vi	Nữ	01/01/2012	6A13	
45	A6785	Nguyễn Quốc	Việt	Nam	02/01/2012	6A11	
46	A6786	Thạch Hoàng	Việt	Nam	23/03/2012	6A10	

Danh sách này có 46 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 18 - Khối 6

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A6787	Đinh Thế	Vinh	Nam	25/10/2012	6A12	
2	A6788	Lê Hoàng A	Vũ	Nam	04/11/2012	6A12	
3	A6789	Nguyễn Thanh	Vũ	Nam	23/07/2012	6A14	
4	A6790	Trần Phong	Vũ	Nam	30/10/2012	6A13	
5	A6791	Bùi Minh	Vy	Nam	07/10/2012	6A15	
6	A6792	Bùi Ngọc Khánh	Vy	Nữ	21/10/2012	6A5	
7	A6793	Đinh Nguyễn Tường	Vy	Nữ	24/03/2012	6A8	
8	A6794	Hoàng Vũ Tường	Vy	Nữ	08/01/2012	6A4	
9	A6795	Hồ Thảo	Vy	Nữ	23/09/2012	6A18	
10	A6796	Lê Tường	Vy	Nữ	20/11/2012	6A15	
11	A6797	Nguyễn Bảo	Vy	Nữ	02/07/2012	6A1	
12	A6798	Nguyễn Đỗ Lâm	Vy	Nữ	23/10/2012	6A3	
13	A6799	Nguyễn Minh	Vy	Nữ	13/10/2012	6A17	
14	A6800	Nguyễn Ngọc Thiên	Vy	Nữ	03/09/2012	6A10	
15	A6801	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	Nữ	19/08/2011	6A6	
16	A6802	Nguyễn Thảo	Vy	Nữ	26/03/2012	6A16	
17	A6803	Nguyễn Thị Ngọc	Vy	Nữ	15/05/2012	6A4	
18	A6804	Phạm Lê	Vy	Nữ	19/01/2012	6A2	
19	A6805	Phạm Thị Tường	Vy	Nữ	27/10/2012	6A11	
20	A6806	Phan Nguyễn Phương	Vy	Nữ	13/09/2012	6A18	
21	A6807	Sử Nhật	Vy	Nữ	07/04/2012	6A13	
22	A6808	Trần Ngọc	Vy	Nữ	25/12/2012	6A7	
23	A6809	Trần Thị Tường	Vy	Nữ	30/07/2012	6A5	
24	A6810	Trần Tuyết	Vy	Nữ	25/12/2012	6A7	
25	A6811	Trương Tường	Vy	Nữ	03/02/2012	6A14	
26	A6812	Võ Ngọc Phương	Vy	Nữ	10/04/2012	6A9	
27	A6813	Lâm Ngọc	Xuân	Nam	15/01/2012	6A16	
28	A6814	Lê Mỹ	Xuyên	Nữ	21/09/2011	6A12	
29	A6815	Vũ Hoàng Như	Ý	Nữ	04/10/2012	6A13	
30	A6816	Huỳnh Như	Ý	Nữ	28/01/2011	6A14	
31	A6817	Nguyễn Ngọc Như	Ý	Nữ	19/12/2012	6A1	
32	A6818	Nguyễn Ngọc Như	Ý	Nữ	16/04/2012	6A14	
33	A6819	Nguyễn Ngọc Như	Ý	Nữ	18/01/2012	6A18	
34	A6820	Nguyễn Ngọc Như	Ý	Nữ	06/05/2012	6A17	
35	A6821	Nguyễn Thành	Ý	Nam	02/08/2012	6A12	
36	A6822	Nguyễn Thị Như	Ý	Nữ	29/06/2011	6A3	
37	A6823	Nguyễn Thị Như	Ý	Nữ	18/04/2012	6A15	
38	A6824	Phan Ngọc Như	Ý	Nữ	06/11/2012	6A17	
39	A6825	Trịnh Nguyễn Như	Ý	Nữ	02/12/2012	6A9	
40	A6826	Võ Ngọc Như	Ý	Nữ	22/04/2012	6A16	
41	A6827	Huỳnh Hải	Yến	Nữ	04/10/2012	6A2	
42	A6828	Lưu Hoàng Bảo	Yến	Nữ	24/04/2012	6A6	
43	A6829	Nguyễn Hoàng	Yến	Nữ	15/07/2012	6A8	
44	A6830	Phạm Kim	Yến	Nữ	12/12/2012	6A3	
45	A6831	Trắc Thị Hải	Yến	Nữ	01/11/2012	6A4	
46	A6832	Trần Phụng Hoàng	Yến	Nữ	07/08/2012	6A5	

Danh sách này có 46 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 1 - Khối 7

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A7001	Lìu Nhữ	Ái	Nữ	01/07/2010	7A18	
2	A7002	Nguyễn Ngọc	Ái	Nữ	19/09/2011	7A2	
3	A7003	Đỗ Gia	An	Nữ	06/03/2011	7A11	
4	A7004	Lê Gia	An	Nam	09/11/2009	7A6	
5	A7005	Lê Thị An	An	Nữ	20/07/2011	7A15	
6	A7006	Lê Tống Bảo	An	Nữ	24/01/2011	7A10	
7	A7007	Nguyễn Dương Bình	An	Nam	12/07/2011	7A20	
8	A7008	Nguyễn Hoài	An	Nam	07/05/2011	7A8	
9	A7009	Nguyễn Hồ Hoàng	An	Nữ	01/11/2011	7A18	
10	A7010	Nguyễn Huỳnh Thúy	An	Nữ	22/07/2011	7A2	
11	A7011	Nguyễn Mai Thanh	An	Nữ	28/10/2011	7A8	
12	A7012	Nguyễn Ngọc Bình	An	Nữ	05/08/2011	7A12	
13	A7013	Nguyễn Thị Thanh	An	Nữ	14/01/2010	7A11	
14	A7014	Phạm Thiên	An	Nam	03/11/2011	7A6	
15	A7015	Phạm Văn Bảo	An	Nam	11/02/2010	7A2	
16	A7016	Trần Duy	An	Nam	21/07/2011	7A9	
17	A7017	Trần Khổng Thái	An	Nam	04/05/2011	7A20	
18	A7018	Trương Nguyễn Xuân	An	Nam	06/01/2011	7A17	
19	A7019	Võ Nguyễn Thúy	An	Nữ	31/03/2011	7A1	
20	A7020	Đoàn Võ Quốc	Anh	Nam	12/07/2010	7A14	
21	A7021	Đỗ Ngọc Kim	Anh	Nữ	08/02/2011	7A6	
22	A7022	Đỗ Nhật Tuấn	Anh	Nam	28/06/2010	7A20	
23	A7023	Đỗ Trần Hà	Anh	Nữ	26/01/2011	7A5	
24	A7024	Hà Thị Hoài	Anh	Nữ	22/12/2011	7A16	
25	A7025	Hoàng Ngọc Kiều	Anh	Nữ	21/08/2011	7A20	
26	A7026	Lê Mai Quỳnh	Anh	Nữ	07/01/2011	7A1	
27	A7027	Lê Thị Hồng	Anh	Nữ	09/10/2011	7A2	
28	A7028	Lê Thị Huỳnh	Anh	Nữ	29/09/2011	7A2	
29	A7029	Lê Thị Quỳnh	Anh	Nữ	10/07/2011	7A12	
30	A7030	Lê Tuấn	Anh	Nam	08/05/2011	7A20	
31	A7031	Lư Phạm Quỳnh	Anh	Nữ	24/12/2011	7A12	
32	A7032	Lý Kim	Anh	Nữ	20/06/2011	7A17	
33	A7033	Mã Trần Hải	Anh	Nam	29/08/2011	7A7	
34	A7034	Nguyễn Đại Quốc	Anh	Nam	18/03/2011	7A2	
35	A7035	Nguyễn Hoàng	Anh	Nam	22/11/2011	7A11	
36	A7036	Nguyễn Lê Ngọc	Anh	Nữ	01/02/2011	7A19	
37	A7037	Nguyễn Minh	Anh	Nữ	30/04/2011	7A12	
38	A7038	Nguyễn Phúc Phương	Anh	Nữ	01/06/2011	7A11	
39	A7039	Nguyễn Quốc	Anh	Nam	05/03/2011	7A8	
40	A7040	Nguyễn Quốc	Anh	Nam	03/05/2011	7A17	
41	A7041	Nguyễn Thị Hà	Anh	Nữ	30/03/2011	7A16	
42	A7042	Nguyễn Thị Kim	Anh	Nữ	24/12/2011	7A6	
43	A7043	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	17/09/2011	7A11	
44	A7044	Nguyễn Trâm	Anh	Nữ	25/06/2011	7A8	
45	A7045	Nguyễn Trần Quỳnh	Anh	Nữ	02/12/2011	7A16	
46	A7046	Phạm Hải	Anh	Nữ	28/12/2011	7A14	
47	A7047	Quách Nhật	Anh	Nữ	05/07/2011	7A18	
48	A7048	Tạ Minh	Anh	Nữ	27/07/2011	7A2	

Danh sách này có 48 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 2 - Khối 7

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A7049	Tằng Đức	Anh	Nam	30/03/2011	7A20	
2	A7050	Trần Duy	Anh	Nam	19/09/2011	7A14	
3	A7051	Trần Ngọc	Anh	Nữ	27/05/2011	7A12	
4	A7052	Trần Nguyễn Trâm	Anh	Nữ	12/04/2011	7A20	
5	A7053	Trần Quỳnh	Anh	Nữ	22/10/2011	7A10	
6	A7054	Trần Thị Quỳnh	Anh	Nữ	08/07/2011	7A20	
7	A7055	Trịnh Vũ Hoàng	Anh	Nam	05/08/2011	7A1	
8	A7056	Trương Hồng	Anh	Nữ	11/12/2011	7A3	
9	A7057	Vũ Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	12/12/2011	7A6	
10	A7058	Vũ Tuấn	Anh	Nam	20/07/2011	7A14	
11	A7059	Vy Diệp	Anh	Nữ	26/09/2010	7A19	
12	A7060	Hồ Minh	Ánh	Nữ	27/10/2011	7A17	
13	A7061	Phạm Minh	Ánh	Nữ	27/03/2011	7A15	
14	A7062	Dương Gia	Bảo	Nam	07/08/2011	7A18	
15	A7063	Dương Nguyễn Gia	Bảo	Nam	18/01/2011	7A9	
16	A7064	Đỗ Quốc	Bảo	Nam	06/06/2010	7A18	
17	A7065	Hoàng Lê Gia	Bảo	Nam	03/03/2011	7A20	
18	A7066	Hồ Gia	Bảo	Nam	23/08/2011	7A12	
19	A7067	Lê Gia	Bảo	Nam	05/12/2010	7A12	
20	A7068	Lê Gia	Bảo	Nam	05/09/2011	7A20	
21	A7069	Mạnh Gia	Bảo	Nam	20/09/2010	7A7	
22	A7070	Ngô Gia	Bảo	Nam	19/06/2011	7A18	
23	A7071	Nguyễn Duy Gia	Bảo	Nam	07/02/2011	7A18	
24	A7072	Nguyễn Gia	Bảo	Nam	15/03/2011	7A3	
25	A7073	Nguyễn Gia	Bảo	Nam	26/09/2010	7A6	
26	A7074	Nguyễn Gia	Bảo	Nam	09/12/2011	7A9	
27	A7075	Nguyễn Gia	Bảo	Nam	25/12/2011	7A19	
28	A7076	Nguyễn Huỳnh Từ	Bảo	Nam	18/10/2011	7A13	
29	A7077	Nguyễn Khánh	Bảo	Nam	29/11/2011	7A19	
30	A7078	Nguyễn Lương Gia	Bảo	Nam	25/12/2010	7A12	
31	A7079	Nguyễn Thái	Bảo	Nam	23/09/2011	7A8	
32	A7080	Nguyễn Xuân Gia	Bảo	Nam	17/12/2011	7A3	
33	A7081	Phạm Gia	Bảo	Nam	07/05/2011	7A12	
34	A7082	Thân Văn Gia	Bảo	Nam	07/06/2011	7A9	
35	A7083	Trần Danh Gia	Bảo	Nam	22/03/2011	7A7	
36	A7084	Trần Gia	Bảo	Nam	20/06/2011	7A8	
37	A7085	Trần Gia	Bảo	Nam	11/02/2011	7A9	
38	A7086	Trần Thái	Bảo	Nam	23/07/2010	7A5	
39	A7087	Nguyễn Kim	Bắc	Nam	10/11/2011	7A8	
40	A7088	Dương Thị Băng	Băng	Nữ	11/07/2011	7A20	
41	A7089	Trịnh Khánh	Băng	Nữ	07/10/2011	7A13	
42	A7090	Lê Hữu	Bằng	Nam	25/03/2011	7A11	
43	A7091	Hoàng Thành	Bình	Nam	28/05/2011	7A6	
44	A7092	Hoàng Vũ Y	Bình	Nữ	08/11/2011	7A17	
45	A7093	Nguyễn Thanh	Bình	Nam	16/07/2011	7A18	
46	A7094	Bạch Thị Ngọc	Bội	Nữ	20/07/2011	7A5	
47	A7095	Trần Hồng	Châm	Nữ	17/08/2011	7A13	
48	A7096	Lê Kim Bảo	Châu	Nữ	10/07/2011	7A3	

Danh sách này có 48 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 3 - Khối 7

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A7097	Nguyễn Bảo	Châu	Nam	23/10/2011	7A3	
2	A7098	Nguyễn Hoàng	Châu	Nữ	05/11/2011	7A1	
3	A7099	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	Nữ	11/07/2011	7A13	
4	A7100	Nguyễn Thạch Bảo	Châu	Nam	30/08/2011	7A1	
5	A7101	Phạm Minh	Châu	Nữ	12/06/2011	7A6	
6	A7102	Trịnh Vũ Bảo	Châu	Nữ	12/11/2011	7A7	
7	A7103	Đinh Thảo Linh	Chi	Nữ	17/08/2011	7A5	
8	A7104	Hoàng Thị Kim	Chi	Nữ	06/11/2010	7A2	
9	A7105	Mai Sỹ	Chiến	Nam	02/02/2011	7A10	
10	A7106	Nguyễn Thành	Chuẩn	Nam	27/05/2011	7A7	
11	A7107	Bùi Thành	Công	Nam	10/05/2011	7A13	
12	A7108	La Chí	Công	Nam	08/03/2011	7A13	
13	A7109	Lê Văn	Công	Nam	15/03/2011	7A1	
14	A7110	Nguyễn Chính	Công	Nam	27/02/2011	7A13	
15	A7111	Đặng Nhật	Cường	Nam	13/05/2011	7A3	
16	A7112	Đinh Lê Trọng	Cường	Nam	08/01/2011	7A9	
17	A7113	Đinh Tuấn	Cường	Nam	20/10/2011	7A14	
18	A7114	Đỗ Mạnh	Cường	Nam	21/06/2010	7A2	
19	A7115	Lê Nhật	Cường	Nam	04/05/2011	7A8	
20	A7116	Mai Đức	Cường	Nam	09/03/2011	7A8	
21	A7117	Phạm Trịnh Phú	Cường	Nam	06/03/2011	7A15	
22	A7118	Phan Phi	Cường	Nam	27/10/2009	7A12	
23	A7119	Trương Thế	Cường	Nam	11/08/2011	7A13	
24	A7120	Lê Công	Danh	Nam	23/11/2010	7A19	
25	A7121	Châu Hiếu	Dâng	Nữ	12/12/2011	7A19	
26	A7122	Đinh Ngọc Kiều	Diễm	Nữ	24/04/2011	7A2	
27	A7123	Lê Nguyễn Hoàng	Diễm	Nữ	29/08/2011	7A19	
28	A7124	Phan Trần Ngọc	Diệp	Nam	01/09/2011	7A19	
29	A7125	Châu Nguyễn	Doãn	Nữ	22/11/2009	7A7	
30	A7126	Nguyễn Ngọc Mỹ	Dung	Nữ	09/08/2011	7A16	
31	A7127	Nguyễn Trần Ngọc	Dung	Nữ	22/06/2011	7A8	
32	A7128	Trần Mỹ	Dung	Nữ	07/11/2011	7A3	
33	A7129	Đỗ Tấn	Dũng	Nam	23/12/2011	7A20	
34	A7130	Hoàng Tiến	Dũng	Nam	06/06/2011	7A8	
35	A7131	Lê Đặng Hoàng	Dũng	Nam	09/03/2011	7A2	
36	A7132	Nguyễn Tấn	Dũng	Nam	29/11/2011	7A7	
37	A7133	Nguyễn Tấn	Dũng	Nam	10/10/2011	7A19	
38	A7134	Vòng Cảnh	Dũng	Nam	21/11/2011	7A20	
39	A7135	Vương Tuấn	Dũng	Nam	06/12/2011	7A19	
40	A7136	Đỗ Lê Thanh	Duy	Nam	24/09/2011	7A18	
41	A7137	Ìn Phúc	Duy	Nam	18/11/2011	7A10	
42	A7138	Lương Hoàng	Duy	Nam	13/08/2011	7A14	
43	A7139	Mai Hà Đức	Duy	Nam	08/03/2011	7A15	
44	A7140	Nguyễn Bảo	Duy	Nam	05/09/2010	7A2	
45	A7141	Nguyễn Hoàng Anh	Duy	Nam	04/07/2011	7A9	
46	A7142	Nguyễn Hoàng Đức	Duy	Nam	07/07/2011	7A15	
47	A7143	Nguyễn Lê Hoàng	Duy	Nam	02/03/2009	7A15	
48	A7144	Phan Hoàng	Duy	Nam	28/10/2011	7A10	

Danh sách này có 48 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 4 - Khối 7

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A7145	Trần Anh	Duy	Nam	24/10/2011	7A4	
2	A7146	Trần Anh	Duy	Nam	18/05/2011	7A20	
3	A7147	Đinh Thị Mỹ	Duyên	Nữ	28/01/2011	7A11	
4	A7148	Nguyễn Ngọc Khánh	Duyên	Nữ	14/08/2011	7A6	
5	A7149	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	07/03/2010	7A12	
6	A7150	Đỗ Minh	Dương	Nam	05/12/2011	7A4	
7	A7151	Hoàng Thái	Dương	Nam	08/12/2011	7A11	
8	A7152	Lê Công Bảo	Dương	Nam	01/03/2011	7A14	
9	A7153	Lê Nguyễn Công	Dương	Nam	24/01/2011	7A4	
10	A7154	Nguyễn Ánh	Dương	Nữ	31/05/2011	7A8	
11	A7155	Nguyễn Ngọc Thái	Dương	Nam	28/06/2011	7A11	
12	A7156	Nguyễn Trùng	Dương	Nữ	30/09/2011	7A3	
13	A7157	Phạm Sơn	Dương	Nam	17/12/2011	7A9	
14	A7158	Phan Ánh	Dương	Nữ	17/05/2011	7A20	
15	A7159	Thái Bình	Dương	Nam	24/02/2011	7A11	
16	A7160	Võ Thùy	Dương	Nữ	06/03/2011	7A14	
17	A7161	Đỗ Thị Lin	Đa	Nữ	01/11/2010	7A11	
18	A7162	Lê Thị Linh	Đa	Nữ	23/11/2011	7A10	
19	A7163	Lý Quốc	Đại	Nam	03/08/2011	7A10	
20	A7164	Nguyễn Trọng	Đại	Nam	09/02/2011	7A13	
21	A7165	Đặng Linh	Đan	Nữ	05/11/2010	7A15	
22	A7166	Lê Hoàng Khánh	Đan	Nữ	04/08/2011	7A11	
23	A7167	Phạm Ngọc Linh	Đan	Nữ	06/01/2011	7A11	
24	A7168	Võ Thị Anh	Đào	Nữ	08/05/2010	7A4	
25	A7169	Đỗ Tiến	Đạt	Nam	10/03/2010	7A1	
26	A7170	Hà Trọng Bá	Đạt	Nam	05/07/2011	7A15	
27	A7171	Mai Bảo	Đạt	Nam	04/05/2011	7A9	
28	A7172	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	01/10/2009	7A3	
29	A7173	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	18/10/2010	7A4	
30	A7174	Tống Duy	Đạt	Nam	09/03/2011	7A14	
31	A7175	Trương Duy	Đạt	Nam	25/10/2011	7A1	
32	A7176	Trương Minh	Đạt	Nam	17/09/2011	7A20	
33	A7177	Bế Hải	Đăng	Nam	01/09/2011	7A3	
34	A7178	Tống Kim	Đăng	Nam	17/09/2011	7A10	
35	A7179	Trần Hải	Đăng	Nam	17/04/2011	7A12	
36	A7180	Trần Minh	Đăng	Nam	28/02/2011	7A7	
37	A7181	Nguyễn	Đình	Nam	25/02/2011	7A8	
38	A7182	Lê Thanh	Đồng	Nam	08/11/2011	7A15	
39	A7183	Bùi Hoàng Anh	Đức	Nam	22/12/2010	7A2	
40	A7184	Bùi Mạnh	Đức	Nam	07/08/2011	7A15	
41	A7185	Bùi Minh	Đức	Nam	14/07/2011	7A8	
42	A7186	Hoàng Đình	Đức	Nam	27/01/2011	7A16	
43	A7187	Bùi Nguyễn Thiên	Giang	Nữ	02/02/2011	7A3	
44	A7188	Huỳnh Thị Trúc	Giang	Nữ	12/10/2011	7A3	
45	A7189	Lê Nguyễn Nhật	Giang	Nam	16/10/2011	7A13	
46	A7190	Lưu Hương	Giang	Nữ	17/04/2011	7A9	
47	A7191	Nguyễn Hương	Giang	Nữ	11/08/2011	7A14	
48	A7192	Nguyễn Hương	Giang	Nữ	18/07/2011	7A17	

Danh sách này có 48 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 5 - Khối 7

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A7193	Phóng Trường	Giang	Nam	28/01/2011	7A16	
2	A7194	Lê Ngọc	Giáp	Nam	13/04/2011	7A11	
3	A7195	Lâm Thị Ngọc	Giàu	Nữ	20/09/2011	7A9	
4	A7196	Nguyễn Trần Hoàng	Gôn	Nam	13/04/2011	7A3	
5	A7197	Hồ Ngọc	Hà	Nữ	01/02/2011	7A7	
6	A7198	Hồ Ngọc Bích	Hà	Nữ	13/08/2011	7A12	
7	A7199	Nguyễn Hoàng Việt	Hà	Nữ	08/11/2011	7A17	
8	A7200	Nguyễn Lê Thanh	Hà	Nữ	21/07/2011	7A1	
9	A7201	Nguyễn Ngọc	Hà	Nữ	21/04/2011	7A1	
10	A7202	Trịnh Ngọc	Hà	Nữ	15/06/2011	7A19	
11	A7203	Hoàng Minh	Hải	Nam	03/02/2011	7A9	
12	A7204	Lê Ngọc Tứ	Hải	Nam	26/05/2011	7A18	
13	A7205	Nguyễn Chí	Hải	Nam	12/09/2010	7A7	
14	A7206	Trần Minh	Hải	Nam	02/06/2010	7A10	
15	A7207	Hồ Nguyễn Hữu	Hạnh	Nữ	19/08/2011	7A19	
16	A7208	Trần Nguyên Ngọc	Hạnh	Nữ	10/11/2011	7A6	
17	A7209	La Nhựt	Hào	Nam	31/03/2011	7A17	
18	A7210	Lý Quốc	Hào	Nam	31/07/2011	7A9	
19	A7211	Nguyễn Nhựt	Hào	Nam	07/09/2011	7A20	
20	A7212	Trần Đỗ Anh	Hào	Nam	30/04/2011	7A16	
21	A7213	Trần Vủ	Hào	Nam	17/06/2011	7A3	
22	A7214	Trà Hoàng	Hảo	Nam	15/01/2010	7A4	
23	A7215	Lê Gia	Hạo	Nam	20/08/2011	7A19	
24	A7216	Trần Thiên	Hạo	Nam	23/10/2011	7A9	
25	A7217	Lê Thị Diễm	Hằng	Nữ	14/07/2011	7A4	
26	A7218	Phạm Thị Bích	Hằng	Nữ	23/04/2011	7A9	
27	A7219	Đỗ Phạm Ngọc	Hân	Nữ	30/08/2011	7A14	
28	A7220	Hoàng Gia	Hân	Nữ	12/03/2011	7A6	
29	A7221	Hoàng Kiều Ngọc	Hân	Nữ	30/06/2011	7A11	
30	A7222	Lâm Gia	Hân	Nữ	22/12/2011	7A7	
31	A7223	Lê Bảo	Hân	Nữ	06/01/2010	7A12	
32	A7224	Lê Hoàng Gia	Hân	Nữ	15/05/2011	7A10	
33	A7225	Lê Lâm Bảo	Hân	Nữ	14/08/2011	7A7	
34	A7226	Lê Ngọc Bảo	Hân	Nữ	16/02/2011	7A5	
35	A7227	Lê Thị Ngọc	Hân	Nữ	01/01/2011	7A20	
36	A7228	Nguyễn Đỗ Gia	Hân	Nữ	01/07/2011	7A19	
37	A7229	Nguyễn Gia	Hân	Nữ	12/08/2011	7A2	
38	A7230	Nguyễn Ngọc	Hân	Nữ	28/07/2011	7A20	
39	A7231	Nguyễn Thị Gia	Hân	Nữ	19/04/2011	7A9	
40	A7232	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	08/04/2011	7A10	
41	A7233	Phạm Gia	Hân	Nữ	31/08/2011	7A6	
42	A7234	Phạm Ngọc	Hân	Nữ	28/04/2011	7A13	
43	A7235	Trần Ngọc	Hân	Nữ	19/05/2011	7A2	
44	A7236	Trần Thị Ngọc	Hân	Nữ	17/01/2011	7A15	
45	A7237	Nguyễn Minh	Hậu	Nam	28/05/2011	7A7	
46	A7238	Phạm Minh	Hậu	Nam	15/11/2011	7A12	
47	A7239	Bùi Thị Thu	Hiền	Nữ	21/09/2011	7A6	

Danh sách này có 47 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 6 - Khối 7

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A7240	Huỳnh Thị Thanh	Hiền	Nữ	11/02/2011	7A11	
2	A7241	Lê Ngọc Thanh	Hiền	Nữ	03/07/2011	7A20	
3	A7242	Nguyễn Đặng Thảo	Hiền	Nữ	13/06/2011	7A18	
4	A7243	Đào Thế	Hiển	Nam	11/04/2011	7A4	
5	A7244	Đỗ Bảo	Hiệp	Nam	09/12/2009	7A9	
6	A7245	Lê Hoàng	Hiệp	Nam	05/07/2011	7A14	
7	A7246	Nguyễn Văn	Hiệp	Nam	08/04/2010	7A1	
8	A7247	Đỗ Nguyễn Minh	Hiếu	Nam	06/06/2011	7A20	
9	A7248	Lê Hoàng Trọng	Hiếu	Nam	28/09/2011	7A10	
10	A7249	Nguyễn Thanh	Hiếu	Nam	01/09/2010	7A8	
11	A7250	Phạm Lê Trung	Hiếu	Nam	25/08/2011	7A5	
12	A7251	Thân Văn Minh	Hiếu	Nam	07/06/2011	7A9	
13	A7252	Trần Minh	Hiếu	Nam	15/08/2010	7A17	
14	A7253	Trần Thị Kim	Hiếu	Nữ	17/04/2011	7A13	
15	A7254	Trần Vũ Minh	Hiếu	Nam	18/06/2011	7A10	
16	A7255	Trịnh Dương	Hiếu	Nam	26/09/2011	7A12	
17	A7256	Vũ Trung	Hiếu	Nam	10/03/2011	7A10	
18	A7257	Trần Minh	Hòa	Nam	19/07/2011	7A9	
19	A7258	Trương Khải	Hoàn	Nam	20/05/2011	7A11	
20	A7259	Bùi Công	Hoàng	Nam	12/12/2011	7A1	
21	A7260	Hà Trọng	Hoàng	Nam	17/02/2011	7A1	
22	A7261	Huỳnh Huy	Hoàng	Nam	02/04/2011	7A17	
23	A7262	Nguyễn Nhật	Hoàng	Nam	02/08/2010	7A15	
24	A7263	Nguyễn Phước	Hoàng	Nam	13/09/2011	7A10	
25	A7264	Nguyễn Thế	Hoàng	Nam	04/02/2011	7A10	
26	A7265	Phan	Hoàng	Nam	02/12/2011	7A1	
27	A7266	Trần Ngọc	Hoàng	Nam	12/10/2011	7A15	
28	A7267	Nguyễn Quang	Học	Nam	06/09/2011	7A5	
29	A7268	Nguyễn Thị Minh	Huệ	Nữ	24/10/2011	7A9	
30	A7269	Đinh Chỉ	Hùng	Nam	22/04/2011	7A11	
31	A7270	Nguyễn Phi	Hùng	Nam	08/10/2010	7A17	
32	A7271	Nguyễn Thế	Hùng	Nam	18/11/2011	7A2	
33	A7272	Trần Tuấn	Hùng	Nam	14/09/2011	7A12	
34	A7273	Võ Trí	Hùng	Nam	13/03/2011	7A11	
35	A7274	Danh Cao Thanh	Huy	Nam	27/04/2011	7A1	
36	A7275	Dương Thiệu	Huy	Nam	30/06/2011	7A16	
37	A7276	Đặng Quang	Huy	Nam	10/10/2011	7A2	
38	A7277	Hà Hữu Gia	Huy	Nam	02/02/2011	7A11	
39	A7278	Huỳnh Gia	Huy	Nam	05/07/2011	7A11	
40	A7279	Nguyễn Anh	Huy	Nam	19/01/2011	7A10	
41	A7280	Nguyễn Khánh	Huy	Nam	10/02/2011	7A10	
42	A7281	Nguyễn Lê Gia	Huy	Nam	01/05/2011	7A14	
43	A7282	Nguyễn Minh Nhật	Huy	Nam	05/02/2011	7A19	
44	A7283	Nguyễn Nhật	Huy	Nam	29/05/2011	7A8	
45	A7284	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	31/05/2011	7A13	
46	A7285	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	30/08/2011	7A18	
47	A7286	Nguyễn Trấn	Huy	Nam	17/11/2010	7A11	

Danh sách này có 47 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 7 - Khối 7

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A7287	Nguyễn Trung	Huy	Nam	13/05/2011	7A2	
2	A7288	Nguyễn Võ Quốc	Huy	Nam	09/06/2011	7A3	
3	A7289	Phạm Gia	Huy	Nam	02/07/2011	7A11	
4	A7290	Tống Gia	Huy	Nam	02/11/2011	7A11	
5	A7291	Trần Đức	Huy	Nam	02/05/2011	7A12	
6	A7292	Trần Ngô Nhật	Huy	Nam	18/05/2011	7A6	
7	A7293	Từ Anh	Huy	Nam	01/05/2011	7A3	
8	A7294	Võ Hoàng	Huy	Nam	25/03/2011	7A18	
9	A7295	Phạm Thị Thanh	Huyền	Nữ	25/01/2011	7A16	
10	A7296	Nguyễn Chấn	Hưng	Nam	07/06/2011	7A17	
11	A7297	Nguyễn Quốc	Hưng	Nam	25/07/2011	7A2	
12	A7298	Nguyễn Tuấn	Hưng	Nam	05/05/2011	7A12	
13	A7299	Trần Duy	Hưng	Nam	20/08/2011	7A12	
14	A7300	Đỗ Thị Mai	Hương	Nữ	26/09/2011	7A13	
15	A7301	Mai Quỳnh	Hương	Nữ	09/07/2011	7A12	
16	A7302	Quang Hồ Mai	Hương	Nữ	04/06/2011	7A1	
17	A7303	Vũ Quỳnh	Hương	Nữ	01/01/2011	7A3	
18	A7304	Vũ Quỳnh	Hương	Nữ	02/04/2011	7A18	
19	A7305	Hoàng Gia	Hữu	Nam	26/10/2011	7A5	
20	A7306	Nguyễn Lê Khang	Hy	Nam	20/07/2011	7A1	
21	A7307	Danh	Kha	Nam	05/08/2010	7A12	
22	A7308	Phan Thị Linh	Kha	Nữ	03/10/2011	7A8	
23	A7309	Nguyễn Minh	Khá	Nam	07/07/2011	7A12	
24	A7310	Lại Quang	Khải	Nam	17/02/2011	7A12	
25	A7311	Cao Hoài	Khang	Nam	16/12/2009	7A2	
26	A7312	Cao Lê Thái	Khang	Nam	27/12/2011	7A3	
27	A7313	Dương Gia	Khang	Nam	17/02/2011	7A19	
28	A7314	Hoàng Bảo	Khang	Nam	22/03/2011	7A1	
29	A7315	Hồng Phúc An	Khang	Nữ	06/04/2011	7A13	
30	A7316	Huỳnh Tuấn	Khang	Nam	15/02/2011	7A5	
31	A7317	Lê Duy	Khang	Nam	22/02/2011	7A2	
32	A7318	Lê Vũ	Khang	Nam	12/07/2011	7A10	
33	A7319	Nguyễn Hoài Trọng	Khang	Nam	22/09/2011	7A3	
34	A7320	Nguyễn Hoàng	Khang	Nam	12/07/2010	7A2	
35	A7321	Nguyễn Lê Hoàng	Khang	Nam	21/09/2011	7A16	
36	A7322	Nguyễn Minh	Khang	Nam	01/11/2011	7A1	
37	A7323	Nguyễn Minh	Khang	Nam	12/02/2010	7A11	
38	A7324	Nguyễn Minh	Khang	Nam	26/10/2011	7A20	
39	A7325	Nguyễn Phúc	Khang	Nam	31/01/2011	7A12	
40	A7326	Phạm Chấn	Khang	Nam	15/04/2009	7A3	
41	A7327	Trần Bảo	Khang	Nam	11/10/2011	7A18	
42	A7328	Trần Khánh	Khang	Nam	29/12/2011	7A15	
43	A7329	Trần Phạm Duy	Khang	Nam	22/03/2011	7A18	
44	A7330	Trần Tấn	Khang	Nam	24/11/2011	7A12	
45	A7331	Trần Tuấn	Khang	Nam	05/02/2011	7A6	
46	A7332	Trần Văn	Khang	Nam	04/02/2010	7A13	
47	A7333	Trương Bảo	Khang	Nam	08/04/2011	7A18	

Danh sách này có 47 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 8 - Khối 7

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A7334	Đinh Quốc	Khanh	Nam	20/03/2011	7A4	
2	A7335	Đỗ Chí	Khanh	Nam	12/05/2010	7A13	
3	A7336	Lê Đình	Khanh	Nam	27/04/2011	7A12	
4	A7337	Dương Quốc	Khánh	Nam	02/05/2011	7A16	
5	A7338	Lê Hoàng	Khánh	Nam	14/11/2011	7A2	
6	A7339	Lê Nguyễn Quốc	Khánh	Nam	30/12/2010	7A6	
7	A7340	Lê Võ Gia	Khánh	Nam	10/01/2011	7A13	
8	A7341	Nguyên Nhật	Khánh	Nam	12/12/2010	7A7	
9	A7342	Nguyễn Cao Bảo	Khánh	Nam	13/10/2011	7A12	
10	A7343	Nguyễn Hoàng Phương	Khánh	Nữ	29/06/2011	7A13	
11	A7344	Phạm Nguyễn Duy	Khánh	Nam	18/09/2011	7A3	
12	A7345	Trần Quốc	Khánh	Nam	13/07/2011	7A5	
13	A7346	Vũ Ngân	Khánh	Nữ	04/02/2011	7A4	
14	A7347	Đinh Hoàng Tấn	Khoa	Nam	19/09/2011	7A10	
15	A7348	Lê Anh	Khoa	Nam	20/08/2011	7A4	
16	A7349	Lê Hải Đăng	Khoa	Nam	17/11/2011	7A14	
17	A7350	Nguyễn Đức Duy	Khoa	Nam	27/02/2011	7A4	
18	A7351	Nguyễn Hoàng Anh	Khoa	Nam	16/12/2011	7A13	
19	A7352	Nguyễn Hữu Việt	Khoa	Nam	18/06/2011	7A5	
20	A7353	Phạm Đăng	Khoa	Nam	09/01/2011	7A6	
21	A7354	Trần Đăng	Khoa	Nam	11/10/2011	7A1	
22	A7355	Võ Anh	Khoa	Nam	11/02/2011	7A17	
23	A7356	Dương Đăng	Khôi	Nam	08/09/2011	7A19	
24	A7357	Hoàng Minh	Khôi	Nam	29/11/2011	7A5	
25	A7358	Lê Thị Minh	Khôi	Nữ	13/05/2011	7A18	
26	A7359	Trương Anh	Khôi	Nam	08/04/2011	7A19	
27	A7360	A	Khuất	Nam	29/07/2010	7A10	
28	A7361	Trần Thụy Lê	Khuyên	Nữ	08/09/2011	7A7	
29	A7362	Mai Nhật	Khương	Nam	20/06/2011	7A16	
30	A7363	Lê Nhật	Kiên	Nam	04/05/2011	7A8	
31	A7364	Nguyễn Trung	Kiên	Nam	16/10/2009	7A3	
32	A7365	Nguyễn Xuân	Kiên	Nam	08/06/2011	7A5	
33	A7366	Trịnh Trung	Kiên	Nam	06/03/2011	7A2	
34	A7367	Nguyễn Anh	Kiệt	Nam	23/04/2011	7A13	
35	A7368	Phạm Lê Tuấn	Kiệt	Nam	29/10/2011	7A3	
36	A7369	Trần Lưu Tuấn	Kiệt	Nam	12/07/2011	7A4	
37	A7370	Trần Mạnh Tuấn	Kiệt	Nam	20/07/2011	7A14	
38	A7371	Hoàng Thiên	Kim	Nữ	02/07/2011	7A8	
39	A7372	Nguyễn Huỳnh Thiên	Kim	Nữ	04/12/2011	7A2	
40	A7373	Nguyễn Ngọc Thiên	Kim	Nữ	12/02/2011	7A17	
41	A7374	Võ Thị Thiên	Kim	Nữ	04/10/2011	7A14	
42	A7375	Đoàn Viễn	Kỳ	Nam	10/10/2011	7A4	
43	A7376	Mạc An	Kỳ	Nữ	01/12/2011	7A18	
44	A7377	Bùi Tô Kiều	Lam	Nữ	20/08/2011	7A17	
45	A7378	Lê Ngô Thị Tường	Lam	Nữ	19/12/2011	7A2	
46	A7379	Mai Trúc	Lam	Nữ	26/10/2011	7A13	
47	A7380	Lê Minh Hoàng	Lan	Nữ	02/03/2011	7A15	

Danh sách này có 47 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 9 - Khối 7

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A7381	Bùi Công Hoàng	Lâm	Nam	01/06/2011	7A7	
2	A7382	Nguyễn Đại	Lâm	Nam	15/09/2011	7A14	
3	A7383	Dương Hoàng Thùy	Linh	Nữ	03/05/2011	7A15	
4	A7384	Dương Quốc	Linh	Nam	28/06/2011	7A15	
5	A7385	Đậu Phương	Linh	Nữ	12/02/2011	7A10	
6	A7386	Đoàn Công	Linh	Nam	10/10/2011	7A20	
7	A7387	Huỳnh Thị Trúc	Linh	Nữ	02/04/2011	7A12	
8	A7388	Lê Huỳnh Ngọc	Linh	Nữ	21/05/2011	7A5	
9	A7389	Lê Phương	Linh	Nữ	05/04/2011	7A18	
10	A7390	Lê Thị Khánh	Linh	Nữ	27/10/2011	7A13	
11	A7391	Lê Trúc	Linh	Nữ	04/01/2011	7A5	
12	A7392	Lê Vũ Bảo	Linh	Nữ	24/03/2011	7A8	
13	A7393	Lương Tiểu Ngọc	Linh	Nữ	12/01/2011	7A2	
14	A7394	Lưu Thị Khánh	Linh	Nữ	04/08/2011	7A19	
15	A7395	Ngô Trần Uyên	Linh	Nữ	17/07/2011	7A13	
16	A7396	Nguyễn Đỗ Thùy	Linh	Nữ	29/09/2011	7A14	
17	A7397	Nguyễn Hoài	Linh	Nam	15/12/2007	7A7	
18	A7398	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	Nữ	08/07/2011	7A10	
19	A7399	Nguyễn Phạm Phương	Linh	Nữ	03/06/2011	7A8	
20	A7400	Nguyễn Thị Khánh	Linh	Nữ	09/03/2011	7A14	
21	A7401	Nguyễn Thị Phương	Linh	Nữ	10/02/2011	7A18	
22	A7402	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	25/10/2011	7A10	
23	A7403	Phạm Thùy	Linh	Nữ	02/06/2011	7A1	
24	A7404	Trần Khánh	Linh	Nữ	09/06/2011	7A3	
25	A7405	Trần Nguyễn Phương	Linh	Nữ	31/10/2011	7A14	
26	A7406	Văn Vũ Hải	Linh	Nữ	26/05/2011	7A5	
27	A7407	Vũ Khánh	Linh	Nữ	17/03/2011	7A6	
28	A7408	Vũ Ngọc Thùy	Linh	Nữ	25/03/2011	7A6	
29	A7409	Phạm Nguyễn Nhật	Lĩnh	Nam	12/05/2011	7A4	
30	A7410	Trần Minh	Lĩnh	Nam	05/07/2011	7A13	
31	A7411	Lâm Gia	Long	Nam	26/12/2009	7A4	
32	A7412	Lê Nguyễn Thành	Long	Nam	11/01/2011	7A7	
33	A7413	Nguyễn Hoàng	Long	Nam	23/06/2011	7A14	
34	A7414	Nguyễn Thành	Long	Nam	15/07/2011	7A3	
35	A7415	Nguyễn Văn	Long	Nam	24/12/2011	7A10	
36	A7416	Phạm Tiến	Long	Nam	24/05/2011	7A20	
37	A7417	Phạm Xuân	Long	Nam	31/12/2011	7A1	
38	A7418	Trần Gia	Long	Nam	02/06/2011	7A4	
39	A7419	Đinh Phúc	Lộc	Nam	21/12/2011	7A14	
40	A7420	Lý Phúc	Lộc	Nam	14/02/2009	7A18	
41	A7421	Châu Trần Nhật	Lợi	Nữ	05/03/2010	7A7	
42	A7422	Nguyễn Thanh	Lợi	Nam	20/07/2010	7A2	
43	A7423	Nguyễn Hữu	Luân	Nam	20/11/2010	7A5	
44	A7424	Nguyễn Thị Yến	Ly	Nữ	08/02/2010	7A5	
45	A7425	Trần Khánh	Ly	Nữ	30/07/2011	7A17	
46	A7426	Hoàng Thị Minh	Lý	Nữ	13/11/2011	7A19	
47	A7427	Nguyễn Công	Lý	Nam	21/12/2011	7A9	

Danh sách này có 47 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 10 - Khối 7

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A7428	Lê Duy	Mai	Nam	24/01/2011	7A11	
2	A7429	Lê Ngọc Tường	Mai	Nữ	12/10/2011	7A8	
3	A7430	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	17/10/2011	7A10	
4	A7431	Nguyễn Thị Quỳnh	Mai	Nữ	23/06/2011	7A3	
5	A7432	Nguyễn Tuyết	Mai	Nữ	01/08/2011	7A20	
6	A7433	Trương Thị Ngọc	Mai	Nữ	26/08/2011	7A4	
7	A7434	Hoàng Xuân	Mạnh	Nam	11/04/2011	7A8	
8	A7435	Lê Văn	Mạnh	Nam	03/03/2011	7A8	
9	A7436	Nguyễn Đức	Mạnh	Nam	23/07/2009	7A14	
10	A7437	Nguyễn Đức	Mạnh	Nam	01/03/2011	7A15	
11	A7438	Nguyễn Tuấn	Mạnh	Nam	30/01/2011	7A16	
12	A7439	Nguyễn Văn	Mạnh	Nam	17/12/2011	7A7	
13	A7440	Trần Nguyễn Duy	Mạnh	Nam	22/02/2010	7A5	
14	A7441	Ngô Minh	Mẫn	Nam	05/03/2011	7A3	
15	A7442	Võ Thị Gia	Mẫn	Nữ	06/07/2011	7A8	
16	A7443	Trương Thị Huỳnh	Mi	Nữ	17/02/2011	7A17	
17	A7444	Bùi Trần Phương	Minh	Nữ	01/07/2011	7A6	
18	A7445	Dương Đăng	Minh	Nam	19/12/2011	7A13	
19	A7446	Đặng Quốc	Minh	Nam	16/11/2011	7A3	
20	A7447	Đỗ Bình	Minh	Nam	17/10/2011	7A12	
21	A7448	Hoàng Ánh	Minh	Nữ	19/10/2011	7A14	
22	A7449	Nguyễn Đình Hoàng	Minh	Nam	21/10/2011	7A11	
23	A7450	Nguyễn Đức	Minh	Nam	11/10/2011	7A17	
24	A7451	Nguyễn Quang	Minh	Nam	20/08/2011	7A1	
25	A7452	Nguyễn Quang	Minh	Nam	19/09/2011	7A19	
26	A7453	Nguyễn Tuệ	Minh	Nữ	02/06/2011	7A9	
27	A7454	Nguyễn Võ Gia	Minh	Nam	18/12/2011	7A12	
28	A7455	Phạm Huỳnh Hoàng	Minh	Nam	19/08/2011	7A5	
29	A7456	Phạm Tuấn	Minh	Nam	05/08/2011	7A2	
30	A7457	Trần Vũ Nhật	Minh	Nam	09/02/2011	7A19	
31	A7458	Chu Nguyễn Trà	My	Nữ	18/07/2011	7A20	
32	A7459	Đỗ Ngọc Kiều	My	Nữ	30/04/2011	7A1	
33	A7460	Đỗ Thị Hà	My	Nữ	02/12/2011	7A9	
34	A7461	Hà Thị Diễm	My	Nữ	20/05/2011	7A2	
35	A7462	Lại Hà	My	Nữ	10/06/2011	7A2	
36	A7463	Lê Thị Trà	My	Nữ	28/08/2011	7A3	
37	A7464	Lũ Thị Thảo	My	Nữ	17/09/2011	7A11	
38	A7465	Nguyễn Thị Diễm	My	Nữ	08/01/2011	7A14	
39	A7466	Nguyễn Thị Tài	My	Nữ	29/06/2011	7A20	
40	A7467	Trần Thị Thảo	My	Nữ	24/11/2011	7A16	
41	A7468	Trần Thị Trà	My	Nữ	16/03/2011	7A5	
42	A7469	Võ Hoàng Nhã	My	Nữ	18/06/2011	7A4	
43	A7470	Lê Thị Ngọc	Mỹ	Nữ	09/12/2011	7A2	
44	A7471	Nguyễn Hoàn	Mỹ	Nữ	01/12/2011	7A1	
45	A7472	Nguyễn Thiên	Mỹ	Nữ	09/08/2011	7A3	
46	A7473	Vũ Hoàng Gia	Mỹ	Nữ	13/07/2011	7A5	
47	A7474	Cam Bảo	Nam	Nam	03/08/2011	7A6	

Danh sách này có 47 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 11 - Khối 7

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A7475	Huỳnh Nguyễn Hoàng	Nam	Nam	11/10/2011	7A6	
2	A7476	Lê Nguyễn Hoàng	Nam	Nam	21/09/2010	7A15	
3	A7477	Lê Thành	Nam	Nam	10/07/2011	7A16	
4	A7478	Lê Trọng	Nam	Nam	02/01/2011	7A13	
5	A7479	Lưu Bảo	Nam	Nam	14/08/2011	7A18	
6	A7480	Nguyễn Dương Hoàng	Nam	Nam	07/01/2011	7A14	
7	A7481	Nguyễn Hoài	Nam	Nam	21/12/2011	7A2	
8	A7482	Nguyễn Hoàng	Nam	Nam	03/07/2011	7A3	
9	A7483	Nguyễn Hoàng	Nam	Nam	30/07/2011	7A6	
10	A7484	Nguyễn Lê Phương	Nam	Nam	27/04/2011	7A17	
11	A7485	Phạm Trần Bảo	Nam	Nam	13/04/2011	7A1	
12	A7486	Ngọ Duy	Năm	Nam	07/01/2011	7A4	
13	A7487	Nguyễn Thành	Nên	Nam	15/01/2011	7A15	
14	A7488	Nguyễn Thanh	Nga	Nữ	26/04/2011	7A3	
15	A7489	Trần Thị Quỳnh	Nga	Nữ	27/05/2011	7A17	
16	A7490	Dương Ngọc	Ngà	Nữ	08/04/2011	7A4	
17	A7491	Đoàn Thị Ngọc	Ngà	Nữ	06/11/2011	7A9	
18	A7492	Huỳnh Kim	Ngân	Nữ	03/11/2011	7A11	
19	A7493	Lê Thị Kim	Ngân	Nữ	01/11/2011	7A6	
20	A7494	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Ngân	Nữ	12/10/2009	7A11	
21	A7495	Nguyễn Lê Kim	Ngân	Nữ	30/01/2011	7A16	
22	A7496	Nguyễn Thúy	Ngân	Nữ	10/08/2011	7A20	
23	A7497	Nguyễn Vũ Kim	Ngân	Nữ	26/11/2011	7A11	
24	A7498	Phạm Đặng Kim	Ngân	Nữ	29/01/2011	7A10	
25	A7499	Phạm Nguyễn Khánh	Ngân	Nữ	06/02/2011	7A20	
26	A7500	Sơn Hồ Thiên	Ngân	Nữ	09/10/2010	7A12	
27	A7501	Trần Thị Bảo	Ngân	Nữ	26/02/2010	7A17	
28	A7502	Trương Ngọc Kim	Ngân	Nữ	10/01/2011	7A7	
29	A7503	Vũ Kim	Ngân	Nữ	15/11/2011	7A15	
30	A7504	Hồ Xuân	Nghi	Nữ	30/08/2011	7A10	
31	A7505	Nguyễn Ngọc Đông	Nghi	Nữ	18/10/2011	7A15	
32	A7506	Nguyễn Phan Thảo	Nghi	Nữ	14/05/2010	7A15	
33	A7507	Trần Thị Bích	Nghi	Nữ	06/10/2010	7A9	
34	A7508	Vũ Minh	Nghĩa	Nam	02/05/2011	7A7	
35	A7509	Danh Phạm Bích	Ngọc	Nữ	20/09/2011	7A10	
36	A7510	Hoàng Khánh	Ngọc	Nữ	18/11/2011	7A2	
37	A7511	Huỳnh Khánh	Ngọc	Nữ	30/07/2011	7A4	
38	A7512	Lê Ánh	Ngọc	Nữ	15/09/2011	7A4	
39	A7513	Lê Kim Bảo	Ngọc	Nữ	10/07/2011	7A3	
40	A7514	Lê Thị Mỹ	Ngọc	Nữ	16/02/2011	7A13	
41	A7515	Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	20/10/2011	7A5	
42	A7516	Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	19/11/2011	7A19	
43	A7517	Nguyễn Đặng Như	Ngọc	Nữ	18/12/2011	7A9	
44	A7518	Nguyễn Hồng	Ngọc	Nữ	01/02/2011	7A1	
45	A7519	Nguyễn Lê Bảo	Ngọc	Nữ	08/03/2011	7A11	
46	A7520	Nguyễn Lê Bảo	Ngọc	Nữ	17/07/2011	7A18	
47	A7521	Nguyễn Lê Khánh	Ngọc	Nữ	30/06/2011	7A16	

Danh sách này có 47 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 12 - Khối 7

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A7522	Nguyễn Thành	Ngọc	Nam	18/12/2009	7A12	
2	A7523	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	25/07/2011	7A19	
3	A7524	Nguyễn Thị Khánh	Ngọc	Nữ	14/03/2011	7A10	
4	A7525	Nguyễn Thúy	Ngọc	Nữ	08/07/2011	7A12	
5	A7526	Phạm Thị Mỹ	Ngọc	Nữ	16/04/2011	7A4	
6	A7527	Phan Nguyễn Khánh	Ngọc	Nữ	01/01/2011	7A16	
7	A7528	Trần Bảo	Ngọc	Nữ	01/11/2010	7A9	
8	A7529	Trần Hoàng Bảo	Ngọc	Nữ	02/11/2011	7A3	
9	A7530	Trần Hồng	Ngọc	Nữ	14/12/2010	7A18	
10	A7531	Trần Phan Bảo	Ngọc	Nữ	15/11/2011	7A16	
11	A7532	Võ Hồng	Ngọc	Nữ	30/12/2011	7A4	
12	A7533	Vũ Kim	Ngọc	Nữ	04/05/2011	7A15	
13	A7534	Vương Nguyễn Như	Ngọc	Nữ	01/01/2011	7A11	
14	A7535	Bùi Nguyễn Hạnh	Nguyên	Nữ	25/02/2011	7A7	
15	A7536	Bùi Thanh	Nguyên	Nữ	09/02/2011	7A12	
16	A7537	Mai Hoàng Chấn	Nguyên	Nam	26/07/2011	7A14	
17	A7538	Mai Khôi	Nguyên	Nam	30/07/2011	7A4	
18	A7539	Nguyễn Duy	Nguyên	Nam	09/02/2011	7A17	
19	A7540	Nguyễn Ngọc	Nguyên	Nam	23/11/2011	7A14	
20	A7541	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	Nữ	24/07/2011	7A8	
21	A7542	Phạm Thị Kim	Nguyên	Nữ	30/03/2010	7A15	
22	A7543	Trần Kiến	Nguyên	Nam	05/04/2011	7A14	
23	A7544	Quách Gia	Nguyễn	Nam	15/03/2011	7A17	
24	A7545	Nguyễn Phạm Minh	Nguyệt	Nữ	17/05/2011	7A14	
25	A7546	Hồ Phương	Nhã	Nữ	10/10/2010	7A13	
26	A7547	Đoàn Đặng Thanh	Nhàn	Nữ	14/09/2011	7A17	
27	A7548	Châu Thiện	Nhân	Nam	10/01/2011	7A14	
28	A7549	Dương Huỳnh	Nhân	Nam	16/01/2011	7A10	
29	A7550	Lê Trung	Nhân	Nam	27/09/2011	7A3	
30	A7551	Nguyễn Hữu	Nhân	Nam	10/08/2011	7A4	
31	A7552	Đỗ Minh	Nhật	Nam	08/05/2011	7A9	
32	A7553	Nguyễn Hoàng Minh	Nhật	Nam	13/09/2011	7A4	
33	A7554	Phạm Huỳnh Minh	Nhật	Nam	10/11/2011	7A15	
34	A7555	Bùi Thị Yến	Nhi	Nữ	01/08/2011	7A14	
35	A7556	Đoàn Thị Yến	Nhi	Nữ	18/11/2011	7A4	
36	A7557	Đỗ Ngọc Uyên	Nhi	Nữ	09/02/2011	7A20	
37	A7558	Hoàng Yến	Nhi	Nữ	04/01/2011	7A6	
38	A7559	Huỳnh Thị Phương	Nhi	Nữ	12/04/2011	7A19	
39	A7560	Lê Thị Tuyết	Nhi	Nữ	26/04/2011	7A13	
40	A7561	Lộc Võ Ngọc	Nhi	Nữ	26/10/2011	7A19	
41	A7562	Mai Yến	Nhi	Nữ	01/12/2011	7A14	
42	A7563	Nguyễn Phạm Thảo	Nhi	Nữ	15/11/2011	7A5	
43	A7564	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	Nữ	28/02/2011	7A14	
44	A7565	Phạm Quỳnh	Nhi	Nữ	03/04/2011	7A16	
45	A7566	Phạm Thị Tuyết	Nhi	Nữ	19/09/2011	7A10	
46	A7567	Phan Lê Yến	Nhi	Nữ	17/08/2011	7A6	
47	A7568	Trần Nguyễn Yến	Nhi	Nữ	04/11/2011	7A12	

Danh sách này có 47 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 13 - Khối 7

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A7569	Trần Thị Hiền	Nhi	Nữ	01/11/2011	7A17	
2	A7570	Vũ Ngọc Yến	Nhi	Nữ	30/06/2011	7A4	
3	A7571	Lâm Thị Tố	Nhiên	Nữ	27/08/2011	7A17	
4	A7572	Lương Hoài Ngọc	Nhiên	Nữ	31/10/2011	7A5	
5	A7573	Lê Tuyết	Nhung	Nữ	27/05/2011	7A15	
6	A7574	Mai Thị Ngọc	Nhung	Nữ	28/01/2011	7A18	
7	A7575	Nguyễn Hoài	Nhung	Nữ	12/02/2011	7A3	
8	A7576	Phan Thị Cẩm	Nhung	Nữ	24/07/2011	7A18	
9	A7577	Trà Thị Tuyết	Nhung	Nữ	14/11/2011	7A3	
10	A7578	Trần Thị Cẩm	Nhung	Nữ	11/02/2011	7A12	
11	A7579	Đặng Quỳnh	Như	Nữ	04/03/2011	7A12	
12	A7580	Huỳnh Nguyễn Tâm	Như	Nữ	27/12/2011	7A6	
13	A7581	Lê Ngọc Tố	Như	Nữ	11/12/2011	7A5	
14	A7582	Lê Thị Quỳnh	Như	Nữ	11/03/2011	7A12	
15	A7583	Lương Ngọc Quỳnh	Như	Nữ	30/08/2011	7A1	
16	A7584	Ngô Thị Quỳnh	Như	Nữ	15/01/2011	7A12	
17	A7585	Nguyễn Hà Mai	Như	Nữ	29/04/2011	7A4	
18	A7586	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	Nữ	03/03/2011	7A1	
19	A7587	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	Nữ	17/04/2011	7A5	
20	A7588	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	Nữ	14/12/2011	7A6	
21	A7589	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	Nữ	12/04/2011	7A16	
22	A7590	Nguyễn Thị Tuyết	Như	Nữ	12/02/2011	7A1	
23	A7591	Nguyễn Thị Tuyết	Như	Nữ	14/11/2011	7A20	
24	A7592	Phạm Thị Quỳnh	Như	Nữ	05/04/2011	7A12	
25	A7593	Trần Thị Huỳnh	Như	Nữ	01/05/2011	7A16	
26	A7594	Võ Quỳnh	Như	Nữ	02/03/2011	7A6	
27	A7595	Vũ Quỳnh	Như	Nữ	27/05/2011	7A2	
28	A7596	Nguyễn Hữu	Nhứt	Nam	04/11/2011	7A14	
29	A7597	Trương Thảo	Ni	Nữ	09/12/2010	7A13	
30	A7598	Lương Thị Kiều	Oanh	Nữ	27/06/2011	7A11	
31	A7599	Phạm Nguyễn Ngọc	Oanh	Nữ	19/06/2011	7A7	
32	A7600	Trương Thục	Oanh	Nữ	03/05/2011	7A12	
33	A7601	Võ Ngọc Kiều	Oanh	Nữ	13/10/2011	7A5	
34	A7602	Đỗ Huy	Phát	Nam	24/04/2011	7A17	
35	A7603	Lâm Tấn	Phát	Nam	16/09/2011	7A18	
36	A7604	Lê Hào	Phát	Nam	31/10/2010	7A19	
37	A7605	Lữ Văn	Phát	Nam	08/10/2009	7A5	
38	A7606	Mai Ngô Đức	Phát	Nam	04/07/2011	7A5	
39	A7607	Nguyễn Hồng	Phát	Nam	09/05/2011	7A15	
40	A7608	Nguyễn Ngọc	Phát	Nam	03/08/2010	7A7	
41	A7609	Nguyễn Phước Hoàng	Phát	Nam	14/07/2011	7A3	
42	A7610	Nguyễn Quốc	Phát	Nam	01/12/2011	7A20	
43	A7611	Nguyễn Trần Gia	Phát	Nam	17/03/2011	7A2	
44	A7612	Tăng Thuận	Phát	Nam	17/10/2011	7A20	
45	A7613	Trần Duy	Phát	Nam	15/11/2011	7A19	
46	A7614	Bùi Hải	Phong	Nam	10/02/2011	7A8	
47	A7615	Hà Nguyễn Nam	Phong	Nam	30/12/2011	7A15	

Danh sách này có 47 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 14 - Khối 7

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A7616	Lê Hoàng	Phong	Nam	10/02/2010	7A18	
2	A7617	Nguyễn Hồng	Phong	Nam	16/10/2011	7A1	
3	A7618	Thạch Thanh	Phong	Nam	04/03/2011	7A7	
4	A7619	Trần Nam	Phong	Nam	06/03/2011	7A3	
5	A7620	Đoàn Huỳnh Thiên	Phú	Nam	10/02/2011	7A6	
6	A7621	Lê Huỳnh Bảo	Phú	Nam	08/05/2011	7A16	
7	A7622	Nguyễn Trọng	Phú	Nam	02/11/2011	7A16	
8	A7623	Phạm Gia	Phú	Nam	30/09/2011	7A4	
9	A7624	Thượng	Phú	Nam	15/08/2011	7A2	
10	A7625	Triệu Thiên	Phú	Nam	23/08/2011	7A3	
11	A7626	Đoàn Thị Kim	Phúc	Nữ	18/05/2011	7A14	
12	A7627	Lê Hoàng	Phúc	Nam	01/06/2009	7A12	
13	A7628	Lê Hữu	Phúc	Nam	24/04/2011	7A13	
14	A7629	Lê Văn	Phúc	Nam	11/05/2011	7A11	
15	A7630	Lưu Ngọc	Phúc	Nam	30/03/2011	7A11	
16	A7631	Nguyễn Đặng Minh	Phúc	Nam	24/05/2011	7A16	
17	A7632	Nguyễn Hoàng	Phúc	Nam	20/04/2011	7A6	
18	A7633	Nguyễn Kiến	Phúc	Nam	10/10/2011	7A15	
19	A7634	Nguyễn Như	Phúc	Nam	08/09/2011	7A17	
20	A7635	Nguyễn Quan An	Phúc	Nữ	09/03/2011	7A1	
21	A7636	Trần Hoàng	Phúc	Nam	18/05/2011	7A9	
22	A7637	Trần Nguyễn Duy	Phúc	Nam	26/09/2011	7A17	
23	A7638	Trần Thiên	Phúc	Nam	08/10/2011	7A16	
24	A7639	Ung Huy	Phúc	Nam	18/03/2011	7A7	
25	A7640	Nguyễn Hoàng Kim	Phụng	Nữ	12/09/2011	7A7	
26	A7641	Nguyễn Hoàng Phi	Phụng	Nữ	08/05/2010	7A20	
27	A7642	Lê Nguyễn Hoàng	Phước	Nam	18/09/2011	7A18	
28	A7643	Nguyễn Hữu	Phước	Nam	27/11/2011	7A13	
29	A7644	Hoàng Duy	Phương	Nam	08/07/2010	7A3	
30	A7645	Lê Hồng	Phương	Nữ	23/04/2011	7A11	
31	A7646	Lê Nguyễn Trúc	Phương	Nữ	18/05/2011	7A7	
32	A7647	Mai Gia	Phương	Nữ	21/03/2011	7A15	
33	A7648	Nguyễn Hà	Phương	Nữ	19/10/2011	7A13	
34	A7649	Nguyễn Mai	Phương	Nữ	24/06/2011	7A4	
35	A7650	Nguyễn Thanh Bình	Phương	Nữ	04/06/2011	7A5	
36	A7651	Nguyễn Thị Mai	Phương	Nữ	27/08/2011	7A3	
37	A7652	Nguyễn Thị Mai	Phương	Nữ	14/06/2011	7A17	
38	A7653	Nguyễn Thị Mai	Phương	Nữ	21/09/2011	7A18	
39	A7654	Nguyễn Thị Thanh	Phương	Nữ	26/08/2011	7A18	
40	A7655	Trần Nam	Phương	Nữ	04/11/2011	7A16	
41	A7656	Võ Duy	Phương	Nam	10/07/2011	7A16	
42	A7657	Lê Thị Bích	Phượng	Nữ	23/11/2011	7A12	
43	A7658	Đinh Anh Minh	Quang	Nam	14/05/2011	7A6	
44	A7659	Lương Hồng	Quang	Nam	10/07/2011	7A4	
45	A7660	Nguyễn Văn	Quang	Nam	03/09/2011	7A18	
46	A7661	Hồ Bá Anh	Quân	Nam	27/03/2011	7A8	
47	A7662	Lê Hoàng	Quân	Nam	05/09/2011	7A9	

Danh sách này có 47 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 15 - Khối 7

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A7663	Lê Nguyễn Kỳ	Quân	Nam	08/02/2011	7A20	
2	A7664	Nguyễn Minh	Quân	Nam	19/01/2011	7A17	
3	A7665	Trần Anh	Quân	Nam	31/10/2011	7A20	
4	A7666	Phạm Đức	Qui	Nam	11/03/2011	7A5	
5	A7667	Lê Huỳnh Bảo	Quý	Nam	08/05/2011	7A16	
6	A7668	Nguyễn Mạnh	Quý	Nam	01/05/2011	7A10	
7	A7669	Trịnh Văn	Quý	Nam	21/08/2011	7A17	
8	A7670	Nguyễn Thị Mỹ	Quyên	Nữ	15/04/2011	7A2	
9	A7671	Đinh Thị Nhã	Quỳnh	Nữ	09/05/2011	7A8	
10	A7672	Đinh Thị Như	Quỳnh	Nữ	12/11/2011	7A18	
11	A7673	Hà Thảo	Quỳnh	Nữ	07/12/2011	7A15	
12	A7674	Hà Thị Như	Quỳnh	Nữ	20/10/2011	7A6	
13	A7675	Hà Thị Như	Quỳnh	Nữ	22/07/2011	7A18	
14	A7676	Lê Như	Quỳnh	Nữ	10/08/2011	7A19	
15	A7677	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	03/03/2011	7A13	
16	A7678	Nguyễn Trúc	Quỳnh	Nữ	19/08/2011	7A19	
17	A7679	Phạm Như	Quỳnh	Nữ	09/07/2010	7A16	
18	A7680	Lê Thanh	Sang	Nam	10/05/2011	7A5	
19	A7681	Nguyễn Tấn	Sang	Nam	17/02/2011	7A14	
20	A7682	Hà Văn	Sáng	Nam	14/12/2010	7A9	
21	A7683	Lê Sở	Sở	Nữ	29/07/2011	7A6	
22	A7684	Đàm Nghĩa	Sơn	Nam	21/01/2011	7A12	
23	A7685	Phạm Hồng	Sơn	Nam	27/10/2011	7A10	
24	A7686	Mai Chí	Tài	Nam	16/12/2010	7A4	
25	A7687	Trần Tấn	Tài	Nam	16/08/2011	7A1	
26	A7688	Đặng Khánh	Tâm	Nữ	09/08/2011	7A4	
27	A7689	Phạm Trần Thanh	Tâm	Nữ	19/11/2011	7A19	
28	A7690	Võ Hoàng Vĩnh	Tâm	Nữ	11/10/2011	7A1	
29	A7691	Võ Ngọc	Tâm	Nam	15/07/2011	7A11	
30	A7692	Mai Hoàng	Tân	Nam	19/08/2011	7A18	
31	A7693	Nguyễn Duy	Tân	Nam	27/01/2011	7A11	
32	A7694	Nguyễn Duy	Tân	Nam	26/03/2011	7A16	
33	A7695	Nguyễn Minh	Tân	Nam	30/12/2011	7A15	
34	A7696	Trương Minh	Tân	Nam	04/02/2011	7A5	
35	A7697	Vũ Duy	Tân	Nam	06/03/2011	7A19	
36	A7698	Phan Trọng	Tấn	Nam	25/05/2011	7A13	
37	A7699	Danh Hoàng	Thái	Nam	29/08/2010	7A2	
38	A7700	Dương Quốc	Thái	Nam	14/08/2011	7A16	
39	A7701	Hà Lê Hoàng	Thái	Nam	03/01/2011	7A10	
40	A7702	Nguyễn Hoàng Quốc	Thái	Nam	17/08/2010	7A19	
41	A7703	Nguyễn Lê Duy	Thái	Nam	16/11/2011	7A8	
42	A7704	Trần Quốc	Thái	Nam	13/10/2011	7A4	
43	A7705	Nguyễn Văn	Thanh	Nam	22/01/2011	7A11	
44	A7706	Đỗ Đức	Thành	Nam	30/11/2011	7A4	
45	A7707	Huỳnh Văn	Thành	Nam	23/04/2011	7A15	
46	A7708	Lưu Hiệp	Thành	Nam	06/06/2011	7A7	
47	A7709	Nguyễn Xuân	Thành	Nam	08/02/2011	7A8	

Danh sách này có 47 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 16 - Khối 7

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A7710	Võ Trần Duy	Thành	Nam	03/07/2011	7A8	
2	A7711	Vòng Thiên	Thành	Nam	15/12/2011	7A16	
3	A7712	Châu Ngọc	Thảo	Nữ	02/12/2011	7A8	
4	A7713	Đào Lê Phương	Thảo	Nữ	15/11/2011	7A16	
5	A7714	Hà Phương	Thảo	Nữ	23/12/2011	7A7	
6	A7715	Lê Hà	Thảo	Nữ	26/11/2011	7A13	
7	A7716	Lê Ngọc Phương	Thảo	Nữ	09/08/2011	7A14	
8	A7717	Lê Phương	Thảo	Nữ	19/05/2011	7A14	
9	A7718	Lê Thị Thu	Thảo	Nữ	17/04/2011	7A2	
10	A7719	Ma Phương	Thảo	Nữ	22/03/2011	7A15	
11	A7720	Mai Phương	Thảo	Nữ	16/10/2011	7A9	
12	A7721	Nguyễn Đoàn Phương	Thảo	Nữ	11/07/2011	7A11	
13	A7722	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	14/08/2011	7A1	
14	A7723	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	14/08/2011	7A20	
15	A7724	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	25/11/2011	7A7	
16	A7725	Trần Phương	Thảo	Nữ	27/03/2011	7A2	
17	A7726	Trương Lê Thanh	Thảo	Nữ	20/11/2011	7A8	
18	A7727	Văn Thị Phương	Thảo	Nữ	05/03/2011	7A18	
19	A7728	Lê Quốc	Thắng	Nam	28/07/2011	7A5	
20	A7729	Phạm Quyết	Thắng	Nam	01/08/2011	7A6	
21	A7730	Nguyễn Văn	Thế	Nam	27/09/2011	7A19	
22	A7731	Nguyễn Bảo	Thi	Nữ	17/10/2011	7A18	
23	A7732	Nguyễn Bích	Thi	Nữ	21/06/2011	7A8	
24	A7733	Nguyễn Hoàng Nhất	Thiên	Nam	14/05/2010	7A1	
25	A7734	Kiều Đức	Thiện	Nam	06/04/2009	7A6	
26	A7735	Trần Nguyễn Chí	Thiện	Nam	21/10/2011	7A2	
27	A7736	Lê Phước	Thịnh	Nam	06/09/2010	7A9	
28	A7737	Nguyễn Quốc	Thịnh	Nam	29/04/2010	7A15	
29	A7738	Phạm Trường	Thịnh	Nam	12/06/2011	7A6	
30	A7739	Phan Quốc	Thịnh	Nam	20/03/2010	7A18	
31	A7740	Võ Đinh Kim	Thoa	Nữ	27/09/2011	7A7	
32	A7741	Lâm Bá	Thông	Nam	31/07/2011	7A9	
33	A7742	Nguyễn Quang	Thông	Nam	20/07/2011	7A3	
34	A7743	Cao Minh	Thuần	Nam	02/06/2011	7A17	
35	A7744	Phạm Như	Thuần	Nam	11/05/2011	7A16	
36	A7745	A	Thuận	Nam	26/06/2011	7A19	
37	A7746	Cún Chạc	Thuận	Nam	27/10/2011	7A15	
38	A7747	Lê Đức	Thuận	Nam	03/10/2011	7A20	
39	A7748	Tạ Tuấn	Thuận	Nam	05/08/2010	7A7	
40	A7749	Nguyễn Thị Ngọc	Thủy	Nữ	04/03/2010	7A2	
41	A7750	Phan Nguyễn Thanh	Thủy	Nữ	10/10/2011	7A20	
42	A7751	Mai Phương	Thúy	Nữ	31/01/2011	7A19	
43	A7752	Trần Thị Thanh	Thúy	Nữ	26/03/2011	7A7	
44	A7753	Bùi Hoàng Anh	Thư	Nữ	27/11/2011	7A3	
45	A7754	Lê Minh	Thư	Nữ	17/02/2011	7A10	
46	A7755	Lê Nhã Song	Thư	Nữ	01/10/2011	7A7	
47	A7756	Lương Anh	Thư	Nữ	24/07/2011	7A7	

Danh sách này có 47 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 17 - Khối 7

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A7757	Nguyễn Khánh	Thư	Nữ	18/05/2011	7A14	
2	A7758	Nguyễn Minh	Thư	Nữ	08/04/2011	7A14	
3	A7759	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	Nữ	10/04/2011	7A9	
4	A7760	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	Nữ	05/10/2011	7A9	
5	A7761	Nguyễn Phạm Anh	Thư	Nữ	03/07/2011	7A13	
6	A7762	Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	11/10/2011	7A5	
7	A7763	Nguyễn Thị Minh	Thư	Nữ	23/08/2011	7A14	
8	A7764	Nông Phạm Minh	Thư	Nữ	08/11/2011	7A4	
9	A7765	Phạm Anh	Thư	Nữ	03/06/2011	7A1	
10	A7766	Phạm Anh	Thư	Nữ	17/07/2011	7A15	
11	A7767	Tô Bùi Bảo	Thư	Nữ	01/01/2011	7A14	
12	A7768	Trần Ngọc Anh	Thư	Nữ	24/02/2011	7A1	
13	A7769	Trần Ngô Anh	Thư	Nữ	14/02/2011	7A8	
14	A7770	Trần Thị Minh	Thư	Nữ	08/12/2011	7A9	
15	A7771	Lê Văn	Thức	Nam	31/10/2010	7A14	
16	A7772	Âu Thị Ngọc	Thương	Nữ	07/07/2010	7A19	
17	A7773	Nguyễn Trần Thu	Thương	Nữ	28/09/2010	7A2	
18	A7774	Phạm Nguyễn Mai	Thường	Nữ	07/11/2011	7A15	
19	A7775	Huỳnh Thị Nhất	Thy	Nữ	12/12/2011	7A9	
20	A7776	Phan Ngọc Khánh	Thy	Nữ	15/08/2010	7A3	
21	A7777	Trần Lưu	Ti	Nam	09/11/2011	7A8	
22	A7778	Huỳnh Cát Thủy	Tiên	Nữ	14/03/2011	7A6	
23	A7779	Huỳnh Hồ Phan	Tiên	Nữ	23/03/2011	7A2	
24	A7780	Lê Thủy	Tiên	Nữ	04/06/2011	7A17	
25	A7781	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	Nữ	22/05/2011	7A17	
26	A7782	Phạm Thủy	Tiên	Nữ	27/11/2011	7A2	
27	A7783	Trương Mạnh	Tiên	Nam	02/06/2011	7A17	
28	A7784	Đào Thị Ngọc	Tiền	Nữ	16/01/2011	7A10	
29	A7785	Hồ Hữu	Tiến	Nam	08/09/2011	7A13	
30	A7786	Mai Phước	Tiến	Nam	28/11/2011	7A14	
31	A7787	Nguyễn Lâm Thế	Tiến	Nam	20/08/2011	7A11	
32	A7788	Nguyễn Phước	Tiến	Nam	23/10/2011	7A6	
33	A7789	Phùng Đức	Tiến	Nam	13/07/2011	7A18	
34	A7790	Trần Văn	Tiến	Nam	27/05/2011	7A20	
35	A7791	Lưu Trọng	Tín	Nam	26/02/2011	7A18	
36	A7792	Nguyễn Trung	Tín	Nam	17/12/2011	7A18	
37	A7793	Ngô Văn	Tính	Nam	18/09/2011	7A16	
38	A7794	Nguyễn Trung	Tính	Nam	26/06/2011	7A4	
39	A7795	Trần Thế	Tịnh	Nam	03/06/2011	7A7	
40	A7796	Lê Đình	Toàn	Nam	15/04/2011	7A7	
41	A7797	Phan Nhựt	Toàn	Nam	26/03/2011	7A1	
42	A7798	Nguyễn Quốc	Toản	Nam	08/04/2011	7A17	
43	A7799	Hoàng Mai	Trang	Nữ	09/12/2011	7A8	
44	A7800	Hoàng Thị Thùy	Trang	Nữ	06/10/2011	7A20	
45	A7801	Huỳnh Thị Phương	Trang	Nữ	19/03/2011	7A6	
46	A7802	Lê Huyền	Trang	Nữ	13/01/2011	7A15	
47	A7803	Lê Thị Thùy	Trang	Nữ	05/06/2011	7A11	

Danh sách này có 47 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 18 - Khối 7

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A7804	Lê Uyên	Trang	Nữ	10/02/2011	7A10	
2	A7805	Mai Thị Phương	Trang	Nữ	24/10/2011	7A7	
3	A7806	Nguyễn Huyền	Trang	Nữ	15/12/2011	7A8	
4	A7807	Nguyễn Quỳnh	Trang	Nữ	30/09/2011	7A13	
5	A7808	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	27/05/2011	7A15	
6	A7809	Trần Kiều	Trang	Nữ	17/10/2011	7A8	
7	A7810	Võ Ngọc Thảo	Trang	Nữ	20/09/2010	7A15	
8	A7811	Nguyễn Trung	Trắc	Nam	09/07/2011	7A6	
9	A7812	Lưu Thị Ngọc	Trăm	Nữ	24/04/2009	7A7	
10	A7813	Lê Ngọc	Trâm	Nữ	10/04/2011	7A17	
11	A7814	Lê Thị Bích	Trâm	Nữ	16/05/2011	7A3	
12	A7815	Lương Thiên Bảo	Trâm	Nữ	27/04/2010	7A18	
13	A7816	Mai Ngọc	Trâm	Nữ	19/11/2011	7A5	
14	A7817	Nguyễn Bảo Quỳnh	Trâm	Nữ	23/08/2011	7A9	
15	A7818	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Trâm	Nữ	24/12/2011	7A7	
16	A7819	Phan Thị Ngọc	Trâm	Nữ	30/10/2011	7A5	
17	A7820	Trần Thị Bích	Trâm	Nữ	20/03/2011	7A13	
18	A7821	Danh Hồng Kỳ	Trân	Nữ	17/08/2011	7A4	
19	A7822	Hoàng Thị Bảo	Trân	Nữ	06/07/2011	7A6	
20	A7823	Hsu Bội	Trân	Nữ	27/07/2011	7A20	
21	A7824	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	Nữ	08/02/2011	7A8	
22	A7825	Đỗ Quốc	Trí	Nam	09/08/2011	7A1	
23	A7826	Lê Nguyên	Trí	Nam	28/01/2011	7A15	
24	A7827	Lê Quang	Trí	Nam	22/06/2011	7A18	
25	A7828	Lương Minh	Trí	Nam	23/08/2010	7A2	
26	A7829	Mai Minh	Trí	Nam	06/10/2011	7A16	
27	A7830	Phạm Bá	Trí	Nam	18/08/2011	7A9	
28	A7831	Trịnh Đức	Triển	Nam	16/05/2011	7A8	
29	A7832	Nguyễn Minh	Triết	Nam	02/07/2011	7A1	
30	A7833	Nguyễn Phước	Triệu	Nam	26/07/2011	7A19	
31	A7834	Châu Diễm	Trinh	Nữ	08/01/2011	7A7	
32	A7835	Lâm Thị Tú	Trinh	Nữ	10/12/2011	7A18	
33	A7836	Huỳnh Đức	Trọng	Nam	02/10/2011	7A8	
34	A7837	Lê Trần Bảo	Trọng	Nam	27/05/2011	7A4	
35	A7838	Nguyễn Phú	Trọng	Nam	16/11/2011	7A4	
36	A7839	Cao Thanh	Trúc	Nữ	13/06/2011	7A6	
37	A7840	Đặng Thanh	Trúc	Nữ	09/10/2011	7A10	
38	A7841	Đỗ Thanh	Trúc	Nữ	16/02/2011	7A7	
39	A7842	Lưu Huỳnh Thanh	Trúc	Nữ	01/01/2011	7A5	
40	A7843	Nguyễn Ngọc	Trúc	Nữ	06/06/2011	7A16	
41	A7844	Nguyễn Thanh	Trúc	Nữ	23/05/2011	7A3	
42	A7845	Nguyễn Thanh	Trúc	Nữ	12/07/2011	7A17	
43	A7846	Nguyễn Thị Thủy	Trúc	Nữ	28/01/2011	7A14	
44	A7847	Trần Nguyễn Hoàng	Trúc	Nữ	10/05/2011	7A3	
45	A7848	Dương Chí	Trung	Nam	21/11/2011	7A7	
46	A7849	Trần Đức	Trung	Nam	19/04/2009	7A20	
47	A7850	Nguyễn Hoàng Nhật	Trường	Nam	14/11/2011	7A1	

Danh sách này có 47 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 19 - Khối 7

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A7851	Cao Minh	Tú	Nam	01/08/2011	7A5	
2	A7852	Hoàng Lê Tuấn	Tú	Nam	04/06/2011	7A5	
3	A7853	Hồ Trần Tuấn	Tú	Nam	08/09/2011	7A8	
4	A7854	Nguyễn Minh	Tú	Nữ	19/11/2011	7A9	
5	A7855	Nguyễn Minh Hoàng	Tú	Nam	19/01/2011	7A9	
6	A7856	Phạm Duy	Tuân	Nam	10/11/2011	7A19	
7	A7857	Hà Đức Anh	Tuấn	Nam	29/09/2011	7A6	
8	A7858	Lê Hoàng Anh	Tuấn	Nam	16/04/2011	7A18	
9	A7859	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	16/12/2011	7A10	
10	A7860	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	28/02/2011	7A20	
11	A7861	Nguyễn Minh	Tuấn	Nam	22/06/2011	7A15	
12	A7862	Trần Anh	Tuấn	Nam	16/03/2011	7A5	
13	A7863	Võ Minh	Tuấn	Nam	17/01/2011	7A1	
14	A7864	Võ Phan Mạnh	Tuấn	Nam	18/11/2011	7A4	
15	A7865	Võ Quốc	Tuấn	Nam	25/04/2011	7A16	
16	A7866	Cao Thanh	Tùng	Nam	15/08/2011	7A19	
17	A7867	Nguyễn Lê Duy	Tùng	Nam	14/10/2011	7A7	
18	A7868	Phan Đăng	Tùng	Nam	24/08/2010	7A7	
19	A7869	Trương Thanh	Tùng	Nam	20/11/2011	7A14	
20	A7870	Nguyễn Ngọc	Tuyền	Nữ	06/06/2009	7A8	
21	A7871	Võ Thanh	Tuyền	Nữ	09/02/2011	7A8	
22	A7872	Cao Thị Ánh	Tuyết	Nữ	19/11/2011	7A9	
23	A7873	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	Nữ	29/01/2011	7A20	
24	A7874	Bùi Cát	Tường	Nữ	27/05/2011	7A4	
25	A7875	Huỳnh Gia	Tường	Nam	01/02/2011	7A19	
26	A7876	Lê Nguyễn Cát	Tường	Nữ	26/10/2011	7A11	
27	A7877	Nguyễn Duy	Tường	Nam	31/10/2011	7A17	
28	A7878	Nguyễn Duy	Tường	Nam	03/06/2011	7A20	
29	A7879	Nguyễn Trung Gia	Tường	Nam	30/04/2011	7A6	
30	A7880	Thái Huy	Tường	Nam	01/06/2011	7A5	
31	A7881	Nguyễn Tú	Uyên	Nữ	01/04/2011	7A16	
32	A7882	Phạm Bùi Phương	Uyên	Nữ	17/05/2011	7A9	
33	A7883	Cao Ngọc Tuyết	Vân	Nữ	07/09/2011	7A19	
34	A7884	Đoàn Thị Hồng	Vân	Nữ	11/10/2011	7A19	
35	A7885	Nguyễn Thúy	Vân	Nữ	29/11/2011	7A1	
36	A7886	Trần Thị Khánh	Vân	Nữ	20/10/2011	7A16	
37	A7887	Hồ Nguyễn Khánh	Vi	Nữ	06/12/2011	7A7	
38	A7888	Nguyễn Hoàng Thế	Vĩ	Nam	23/02/2011	7A5	
39	A7889	Lê Văn	Viện	Nam	01/05/2010	7A12	
40	A7890	Nguyễn Hoàng Thế	Việt	Nam	18/01/2011	7A16	
41	A7891	Vũ Hải	Việt	Nam	07/06/2011	7A19	
42	A7892	Hà Tiến	Vinh	Nam	18/02/2011	7A5	
43	A7893	Nguyễn Đặng Thành	Vinh	Nam	08/06/2011	7A17	
44	A7894	Nguyễn Quang	Vinh	Nam	15/07/2011	7A11	
45	A7895	Trần Nguyễn Quang	Vinh	Nam	02/11/2011	7A2	
46	A7896	Trần Quang	Vinh	Nam	10/12/2011	7A16	
47	A7897	Nguyễn Tuấn	Vĩnh	Nam	12/11/2011	7A1	

Danh sách này có 47 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 20 - Khối 7

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A7898	Đặng Trường	Vũ	Nam	07/11/2011	7A10	
2	A7899	Lê Sỹ Tuấn	Vũ	Nam	12/06/2011	7A17	
3	A7900	Nguyễn Trần Phong	Vũ	Nam	29/09/2011	7A10	
4	A7901	Bùi Thảo	Vy	Nữ	16/06/2011	7A20	
5	A7902	Danh Thị Yến	Vy	Nữ	04/02/2011	7A9	
6	A7903	Đào Thị Khánh	Vy	Nữ	05/04/2011	7A15	
7	A7904	Đặng Thị Hà	Vy	Nữ	09/09/2011	7A15	
8	A7905	Đoàn Ngọc Tường	Vy	Nữ	02/09/2011	7A6	
9	A7906	Huỳnh Ngọc Phương	Vy	Nữ	26/08/2011	7A14	
10	A7907	Huỳnh Thị Thảo	Vy	Nữ	05/11/2011	7A5	
11	A7908	Huỳnh Tường	Vy	Nữ	20/10/2011	7A16	
12	A7909	Lê Anh	Vy	Nữ	08/06/2011	7A12	
13	A7910	Lê Tường	Vy	Nữ	07/05/2011	7A17	
14	A7911	Nguyễn Diệp Kiều	Vy	Nữ	10/08/2011	7A9	
15	A7912	Nguyễn Đỗ Nguyệt	Vy	Nữ	16/12/2011	7A10	
16	A7913	Nguyễn Hà Kiều	Vy	Nữ	17/03/2011	7A13	
17	A7914	Nguyễn Lê	Vy	Nữ	03/06/2011	7A18	
18	A7915	Nguyễn Ngọc	Vy	Nữ	06/07/2010	7A20	
19	A7916	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	Nữ	15/06/2010	7A10	
20	A7917	Nguyễn Phan Thảo	Vy	Nữ	12/11/2011	7A3	
21	A7918	Nguyễn Thanh	Vy	Nữ	17/03/2011	7A4	
22	A7919	Nguyễn Thị Khánh	Vy	Nữ	09/10/2011	7A8	
23	A7920	Nguyễn Tiểu	Vy	Nữ	16/02/2011	7A4	
24	A7921	Nguyễn Tường	Vy	Nữ	28/04/2011	7A1	
25	A7922	Nguyễn Tường	Vy	Nữ	21/11/2011	7A6	
26	A7923	Nguyễn Tường	Vy	Nữ	28/08/2011	7A18	
27	A7924	Phạm Nguyễn Thúy	Vy	Nữ	30/08/2011	7A10	
28	A7925	Trần Lê Tường	Vy	Nữ	11/10/2011	7A4	
29	A7926	Trần Phương	Vy	Nữ	11/04/2011	7A1	
30	A7927	Trần Thảo	Vy	Nữ	10/12/2011	7A10	
31	A7928	Trần Thảo	Vy	Nữ	07/02/2011	7A15	
32	A7929	Trần Thảo	Vy	Nữ	05/01/2011	7A16	
33	A7930	Võ Cao Yến	Vy	Nữ	09/01/2011	7A9	
34	A7931	Võ Ngọc Tường	Vy	Nữ	31/07/2011	7A19	
35	A7932	Nguyễn Tuấn	Vỹ	Nam	05/12/2008	7A12	
36	A7933	Nguyễn Văn	Xinh	Nam	07/06/2011	7A19	
37	A7934	Lý Tuyết	Xuân	Nữ	16/01/2011	7A16	
38	A7935	Bùi Mai Như	Ý	Nữ	05/07/2011	7A10	
39	A7936	Lý Huỳnh Như	Ý	Nữ	29/07/2011	7A16	
40	A7937	Nguyễn Như	Ý	Nữ	02/08/2011	7A1	
41	A7938	Vi Thị Như	Ý	Nữ	18/03/2011	7A7	
42	A7939	Nguyễn Hoàng Bảo	Yến	Nữ	18/08/2011	7A11	
43	A7940	Nguyễn Kim	Yến	Nữ	19/05/2010	7A12	
44	A7941	Nguyễn Ngọc	Yến	Nữ	20/08/2011	7A17	
45	A7942	Nguyễn Thị Bảo	Yến	Nữ	14/05/2011	7A11	
46	A7943	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	Nữ	01/08/2011	7A11	
47	A7944	Trần Thị Ngọc	Yến	Nữ	27/12/2011	7A17	

Danh sách này có 47 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 1 - Khối 8

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A8001	Bùi Thị Phước	An	Nữ	11/04/2010	8A6	
2	A8002	Bùi Thị Thiên	An	Nữ	04/01/2010	8A6	
3	A8003	Cao Thị Hoài	An	Nữ	04/06/2010	8A14	
4	A8004	Huỳnh Tâm	An	Nữ	29/09/2010	8A8	
5	A8005	Lại Xuân	An	Nam	28/11/2010	8A10	
6	A8006	Nguyễn Bình	An	Nữ	20/06/2010	8A14	
7	A8007	Nguyễn Hoàng	An	Nam	12/05/2010	8A12	
8	A8008	Nguyễn Khánh	An	Nữ	08/04/2010	8A14	
9	A8009	Nguyễn Phước	An	Nam	24/08/2010	8A3	
10	A8010	Nguyễn Trịnh Phước	An	Nam	15/10/2010	8A11	
11	A8011	Phạm Văn	An	Nam	11/08/2010	8A10	
12	A8012	Cao Tuấn	Anh	Nam	07/06/2010	8A3	
13	A8013	Đào Nhật Minh	Anh	Nam	17/10/2010	8A7	
14	A8014	Đào Thụy Trâm	Anh	Nữ	07/07/2010	8A5	
15	A8015	Đặng Đức	Anh	Nam	14/04/2010	8A1	
16	A8016	Huỳnh Tuấn	Anh	Nam	24/05/2010	8A10	
17	A8017	Lê Dương Quỳnh	Anh	Nữ	05/11/2010	8A7	
18	A8018	Lê Ngọc Trâm	Anh	Nữ	06/05/2010	8A6	
19	A8019	Lê Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	24/04/2010	8A4	
20	A8020	Ngô Việt	Anh	Nam	17/08/2010	8A12	
21	A8021	Nguyễn Đoàn Trâm	Anh	Nữ	17/08/2010	8A2	
22	A8022	Nguyễn Hoàng Ngọc	Anh	Nữ	19/08/2010	8A1	
23	A8023	Nguyễn Mai Ngọc	Anh	Nữ	07/09/2010	8A1	
24	A8024	Nguyễn Ngọc	Anh	Nữ	15/12/2010	8A8	
25	A8025	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	Nữ	05/05/2010	8A14	
26	A8026	Nguyễn Nhật	Anh	Nam	13/09/2010	8A12	
27	A8027	Nguyễn Quốc	Anh	Nam	02/01/2010	8A7	
28	A8028	Nguyễn Thế	Anh	Nam	06/07/2010	8A6	
29	A8029	Nguyễn Thế	Anh	Nam	19/10/2010	8A12	
30	A8030	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	13/03/2010	8A14	
31	A8031	Nguyễn Thị Trâm	Anh	Nữ	11/05/2010	8A3	
32	A8032	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	08/12/2010	8A6	
33	A8033	Nguyễn Xuân	Anh	Nam	04/04/2010	8A6	
34	A8034	Phạm Minh	Anh	Nữ	20/11/2010	8A7	
35	A8035	Phạm Nguyễn Vũ	Anh	Nam	25/09/2010	8A5	
36	A8036	Phạm Quỳnh	Anh	Nữ	11/04/2010	8A12	
37	A8037	Phạm Vân	Anh	Nữ	16/07/2010	8A8	
38	A8038	Thái Kim	Anh	Nữ	13/06/2010	8A4	
39	A8039	Tống Ngọc Quỳnh	Anh	Nữ	10/01/2010	8A8	
40	A8040	Tống Thị Phương	Anh	Nữ	25/11/2010	8A8	
41	A8041	Trần Hà	Anh	Nữ	08/01/2010	8A13	
42	A8042	Trần Hải	Anh	Nam	09/07/2010	8A10	
43	A8043	Trần Hoàng Tuấn	Anh	Nam	19/07/2010	8A14	
44	A8044	Trần Phương	Anh	Nữ	13/11/2010	8A10	
45	A8045	Trịnh Phan Lan	Anh	Nữ	17/03/2010	8A5	
46	A8046	Trịnh Thị Lan	Anh	Nữ	31/08/2010	8A11	
47	A8047	Trương Thế	Anh	Nam	13/11/2010	8A8	
48	A8048	Vũ Nguyễn Quốc	Anh	Nam	14/08/2010	8A1	

Danh sách này có 48 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 2 - Khối 8

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A8049	Khưu Ngọc	Ánh	Nữ	24/02/2010	8A9	
2	A8050	Tăng Nguyễn Ngọc	Ánh	Nữ	21/11/2010	8A7	
3	A8051	Trịnh Ngô Minh	Ánh	Nữ	16/08/2010	8A3	
4	A8052	Đỗ Hoàng	Ân	Nam	24/07/2010	8A13	
5	A8053	Hoàng Tri	Ân	Nam	02/10/2010	8A5	
6	A8054	Nguyễn Thị Thu	Ân	Nữ	29/06/2010	8A2	
7	A8055	Nguyễn Thiên	Ân	Nam	08/11/2010	8A12	
8	A8056	Phạm Thiên	Ân	Nam	11/06/2010	8A7	
9	A8057	Vũ Thiên	Ân	Nam	29/04/2010	8A13	
10	A8058	Bùi Hoàng	Bảo	Nam	01/04/2010	8A1	
11	A8059	Dương Lê Gia	Bảo	Nam	13/02/2010	8A2	
12	A8060	Đỗ Kim	Bảo	Nam	14/09/2010	8A7	
13	A8061	Hà Gia	Bảo	Nam	19/02/2010	8A8	
14	A8062	Ngô Gia	Bảo	Nam	20/09/2009	8A7	
15	A8063	Nguyễn Gia	Bảo	Nam	28/03/2010	8A1	
16	A8064	Nguyễn Quốc	Bảo	Nam	15/01/2010	8A2	
17	A8065	Nguyễn Quốc	Bảo	Nam	02/11/2009	8A14	
18	A8066	Phạm Nguyễn Duy	Bảo	Nam	22/12/2010	8A1	
19	A8067	Tô Gia	Bảo	Nam	04/08/2010	8A11	
20	A8068	Trần Gia	Bảo	Nam	27/11/2010	8A2	
21	A8069	Trần Văn Minh	Bảo	Nam	17/05/2010	8A9	
22	A8070	Võ Gia	Bảo	Nam	23/04/2010	8A1	
23	A8071	Võ Hoàng	Bảo	Nam	13/02/2010	8A2	
24	A8072	Võ Lê Ngọc	Bảo	Nam	15/11/2010	8A1	
25	A8073	Đoàn Đình	Bắc	Nam	14/11/2010	8A5	
26	A8074	Huỳnh Như	Băng	Nữ	02/11/2010	8A7	
27	A8075	Huỳnh Trần Khánh	Băng	Nữ	02/07/2010	8A8	
28	A8076	Nguyễn Huỳnh Khánh	Băng	Nữ	24/07/2009	8A1	
29	A8077	Nguyễn Thị Cẩm	Băng	Nữ	16/07/2010	8A13	
30	A8078	Thòng Tiểu Băng	Băng	Nữ	19/05/2010	8A2	
31	A8079	Đào Nhựt	Biên	Nam	26/06/2009	8A14	
32	A8080	Mai Kim	Bình	Nữ	25/03/2010	8A9	
33	A8081	Lê Mộng	Cầm	Nữ	29/09/2009	8A9	
34	A8082	Từ Trương Thiên	Cầm	Nữ	05/11/2010	8A5	
35	A8083	Nguyễn Lâm Ngọc	Châu	Nữ	06/08/2010	8A1	
36	A8084	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	Nam	10/09/2010	8A3	
37	A8085	Trần Ngọc Minh	Châu	Nữ	10/03/2010	8A14	
38	A8086	Nguyễn Thảo	Chi	Nữ	23/01/2010	8A6	
39	A8087	Lê Thị Xu	Chương	Nữ	18/01/2010	8A1	
40	A8088	Nguyễn Hữu Minh	Công	Nam	13/02/2010	8A11	
41	A8089	Nguyễn Thành	Công	Nam	31/07/2009	8A2	
42	A8090	Nguyễn Tuyết	Cơ	Nữ	14/11/2010	8A7	
43	A8091	Trần Quốc	Của	Nam	10/02/2010	8A2	
44	A8092	Đặng Kim	Cương	Nữ	26/04/2010	8A9	
45	A8093	Lương Đức	Cương	Nam	18/04/2010	8A2	
46	A8094	Diệp Quốc	Cường	Nam	16/12/2010	8A8	
47	A8095	Nguyễn Chí	Cường	Nam	09/01/2010	8A8	

Danh sách này có 47 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 3 - Khối 8

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A8096	Hồ Công	Danh	Nam	25/05/2010	8A12	
2	A8097	Nguyễn Minh	Danh	Nam	01/08/2010	8A14	
3	A8098	Nguyễn Thành	Danh	Nam	27/12/2009	8A9	
4	A8099	Phan Văn Hoài	Diễn	Nam	30/11/2010	8A8	
5	A8100	Nguyễn Ngọc	Diệp	Nữ	20/11/2010	8A11	
6	A8101	Bùi Hạnh	Dung	Nữ	28/11/2009	8A6	
7	A8102	Đoàn Thị Mỹ	Dung	Nữ	21/01/2010	8A14	
8	A8103	Bùi Quang	Dũng	Nam	23/10/2010	8A8	
9	A8104	Lê Văn Minh	Dũng	Nam	30/08/2010	8A13	
10	A8105	Nguyễn Uy	Dũng	Nam	06/10/2010	8A10	
11	A8106	Trần Huy	Dũng	Nam	02/01/2010	8A3	
12	A8107	Vũ Mạnh	Dũng	Nam	08/01/2010	8A12	
13	A8108	Đặng Đức	Duy	Nam	04/03/2010	8A7	
14	A8109	Đặng Thúy	Duy	Nữ	07/03/2010	8A7	
15	A8110	Lã Khương	Duy	Nam	06/11/2010	8A1	
16	A8111	Lâm Trần Nhật	Duy	Nam	13/08/2010	8A2	
17	A8112	Lê Phạm Thanh	Duy	Nam	05/10/2010	8A2	
18	A8113	Nguyễn Khắc	Duy	Nam	22/12/2010	8A6	
19	A8114	Trương Hoàng	Duy	Nam	26/01/2010	8A9	
20	A8115	Trương Lê	Duy	Nam	07/08/2010	8A4	
21	A8116	Nguyễn Hoàng Mỹ	Duyên	Nữ	29/11/2010	8A9	
22	A8117	Nguyễn Ngọc Kỳ	Duyên	Nữ	09/02/2010	8A8	
23	A8118	Phạm Thùy	Duyên	Nữ	30/08/2010	8A3	
24	A8119	Nguyễn Văn	Dũng	Nam	30/03/2010	8A5	
25	A8120	Dương Bình	Dương	Nam	26/11/2009	8A1	
26	A8121	Hoàng Văn Tùng	Dương	Nam	01/01/2010	8A6	
27	A8122	Lê Bình	Dương	Nam	27/11/2010	8A8	
28	A8123	Nguyễn Thị Ánh	Dương	Nữ	01/11/2010	8A11	
29	A8124	Phan Đắc	Dương	Nam	16/09/2010	8A2	
30	A8125	Phan Thùy	Dương	Nữ	08/10/2009	8A13	
31	A8126	Trương Quốc	Đại	Nam	02/08/2009	8A9	
32	A8127	Lê Thị Linh	Đan	Nữ	17/12/2009	8A12	
33	A8128	Lê Hoàng Tiến	Đạt	Nam	27/12/2010	8A5	
34	A8129	Lê Huy	Đạt	Nam	18/07/2009	8A10	
35	A8130	Lê Quốc	Đạt	Nam	22/07/2010	8A7	
36	A8131	Ngô Minh	Đạt	Nam	11/03/2010	8A6	
37	A8132	Nguyễn Hữu	Đạt	Nam	15/07/2010	8A6	
38	A8133	Phan Thành	Đạt	Nam	17/08/2010	8A1	
39	A8134	Đỗ Hải	Đăng	Nam	02/11/2010	8A9	
40	A8135	Huỳnh Thái	Đăng	Nam	30/11/2010	8A13	
41	A8136	Lê Minh	Đăng	Nam	14/07/2010	8A13	
42	A8137	Nguyễn Hải	Đăng	Nam	25/09/2010	8A3	
43	A8138	Nguyễn Hải	Đăng	Nam	16/06/2010	8A4	
44	A8139	Phạm Minh	Đăng	Nam	20/03/2009	8A8	
45	A8140	Phan Minh	Đăng	Nam	31/05/2010	8A11	
46	A8141	Đoàn Trần Minh	Điền	Nam	08/11/2010	8A12	
47	A8142	Lê Quang	Định	Nam	16/01/2009	8A2	

Danh sách này có 47 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 4 - Khối 8

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A8143	Võ Phương	Đông	Nam	18/11/2010	8A13	
2	A8144	Nguyễn Minh	Đức	Nam	01/12/2010	8A3	
3	A8145	Nguyễn Quang	Đức	Nam	01/03/2010	8A14	
4	A8146	Nguyễn Trần Anh	Đức	Nam	07/11/2010	8A13	
5	A8147	Phan Minh	Đức	Nam	26/05/2010	8A7	
6	A8148	Cao Xuân Triều	Em	Nam	26/08/2010	8A3	
7	A8149	Nguyễn Thị Hồng	Gấm	Nữ	21/10/2010	8A9	
8	A8150	Nguyễn Hoàng	Gia	Nam	27/08/2009	8A14	
9	A8151	Lê Trần Hương	Giang	Nữ	09/02/2010	8A4	
10	A8152	Nguyễn Ngọc Trường	Giang	Nữ	11/02/2010	8A12	
11	A8153	Trịnh Thị Hà	Giang	Nữ	16/01/2010	8A3	
12	A8154	Vũ Ngọc	Giầu	Nữ	04/05/2009	8A2	
13	A8155	Lê Văn Sài	Gòn	Nam	16/11/2009	8A12	
14	A8156	Kiều Thu	Hà	Nữ	13/05/2010	8A3	
15	A8157	Lê Văn	Hải	Nam	16/11/2010	8A12	
16	A8158	Han	Han	Nam	09/06/2010	8A5	
17	A8159	Đỗ Thị Mai	Hạnh	Nữ	08/10/2010	8A9	
18	A8160	Kao Dạ	Hạnh	Nữ	17/07/2010	8A2	
19	A8161	Trần Thị Thu	Hạnh	Nữ	27/08/2010	8A8	
20	A8162	Tô Phú	Hào	Nam	03/01/2010	8A4	
21	A8163	Trần Minh	Hào	Nam	28/11/2010	8A9	
22	A8164	Vũ Thị Ngọc	Hảo	Nữ	01/06/2010	8A7	
23	A8165	Đinh Thị Thanh	Hằng	Nữ	08/09/2010	8A14	
24	A8166	Lê Thi Thanh	Hằng	Nữ	08/12/2010	8A8	
25	A8167	Nguyễn Thanh	Hằng	Nữ	17/06/2010	8A12	
26	A8168	Nguyễn Thu	Hằng	Nữ	09/10/2010	8A2	
27	A8169	Huỳnh Ngọc	Hân	Nữ	17/02/2010	8A4	
28	A8170	Lê Thị Ngọc	Hân	Nữ	19/05/2010	8A8	
29	A8171	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	Nữ	10/05/2010	8A10	
30	A8172	Nguyễn Thị Gia	Hân	Nữ	22/09/2010	8A1	
31	A8173	Phạm Gia	Hân	Nam	10/01/2010	8A10	
32	A8174	Trần Trịnh Gia	Hân	Nữ	25/02/2010	8A4	
33	A8175	Lại Thị Thúy	Hiền	Nữ	30/10/2010	8A1	
34	A8176	Nguyễn Thị Kim	Hiền	Nữ	10/10/2010	8A8	
35	A8177	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	21/08/2010	8A10	
36	A8178	Nguyễn Đình	Hiệp	Nam	10/02/2010	8A3	
37	A8179	Đào Quân	Hiếu	Nam	14/11/2009	8A11	
38	A8180	Nguyễn Minh	Hiếu	Nam	14/09/2010	8A4	
39	A8181	Nguyễn Thành	Hiếu	Nam	14/08/2010	8A14	
40	A8182	Nguyễn Văn Minh	Hiếu	Nam	13/09/2010	8A4	
41	A8183	Phạm Minh	Hiếu	Nam	26/08/2010	8A6	
42	A8184	Lê Thị Quỳnh	Hoa	Nữ	05/06/2010	8A4	
43	A8185	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	02/07/2010	8A13	
44	A8186	Đặng Thị Ánh	Hòa	Nữ	04/04/2010	8A1	
45	A8187	Phan Thanh	Hoàn	Nam	18/11/2010	8A14	
46	A8188	Bùi Huy	Hoàng	Nam	17/10/2010	8A14	
47	A8189	Lê	Hoàng	Nam	05/12/2009	8A3	

Danh sách này có 47 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 5 - Khối 8

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A8190	Mai Trọng Huy	Hoàng	Nam	13/01/2010	8A3	
2	A8191	Nguyễn Đức	Hoàng	Nam	17/12/2010	8A10	
3	A8192	Trần Nguyễn Minh	Hoàng	Nam	06/02/2010	8A3	
4	A8193	Hoàng Anh	Hùng	Nam	10/10/2010	8A4	
5	A8194	Hoàng Tuấn	Hùng	Nam	14/05/2010	8A10	
6	A8195	Lý Phi	Hùng	Nam	03/09/2009	8A4	
7	A8196	Phạm Hải	Hùng	Nam	17/11/2010	8A1	
8	A8197	Hồ Gia	Huy	Nam	07/06/2010	8A2	
9	A8198	Hồ Gia	Huy	Nam	05/01/2010	8A3	
10	A8199	Kiến Nhật	Huy	Nam	07/08/2010	8A11	
11	A8200	Lâm Gia	Huy	Nam	01/08/2010	8A7	
12	A8201	Lê Anh	Huy	Nam	12/01/2010	8A4	
13	A8202	Lê Hoàng	Huy	Nam	28/07/2010	8A8	
14	A8203	Lê Quốc	Huy	Nam	28/06/2010	8A7	
15	A8204	Lê Thanh Đức	Huy	Nam	19/12/2010	8A13	
16	A8205	Nguyễn Nhất	Huy	Nam	29/12/2009	8A9	
17	A8206	Phạm Quốc	Huy	Nam	18/08/2009	8A4	
18	A8207	Phạm Quốc	Huy	Nam	03/01/2010	8A14	
19	A8208	Phùng Nhựt	Huy	Nam	04/03/2010	8A3	
20	A8209	Trần Gia	Huy	Nam	12/02/2010	8A10	
21	A8210	Vương Gia	Huy	Nam	28/10/2010	8A9	
22	A8211	Đinh Thị Thu	Huyền	Nữ	02/02/2010	8A8	
23	A8212	Hoàng Khánh	Huyền	Nữ	04/01/2010	8A5	
24	A8213	Hồ Thị	Huyền	Nữ	14/01/2010	8A12	
25	A8214	Huỳnh Thúy	Huyền	Nữ	08/08/2010	8A4	
26	A8215	Lâm Thị Ngọc	Huyền	Nữ	18/04/2010	8A5	
27	A8216	Nguyễn Ngọc Khánh	Huyền	Nữ	28/10/2009	8A10	
28	A8217	Nguyễn Ngọc Thanh	Huyền	Nữ	28/09/2010	8A11	
29	A8218	Trần Nguyên Như	Huỳnh	Nữ	28/12/2010	8A6	
30	A8219	Lê Minh	Hưng	Nam	06/05/2010	8A11	
31	A8220	Nguyễn Gia	Hưng	Nam	27/08/2010	8A7	
32	A8221	Nguyễn Viết	Hưng	Nam	03/12/2010	8A1	
33	A8222	Phạm Quốc	Hưng	Nam	11/01/2010	8A12	
34	A8223	Đào Quỳnh	Hương	Nữ	06/11/2009	8A2	
35	A8224	Đỗ Lan	Hương	Nữ	16/05/2010	8A3	
36	A8225	Châu Minh	Kha	Nam	21/09/2010	8A7	
37	A8226	Đặng Anh	Kha	Nam	15/06/2009	8A1	
38	A8227	Nguyễn Tấn	Khải	Nam	23/03/2010	8A4	
39	A8228	Danh Hoàng	Khang	Nam	22/05/2010	8A13	
40	A8229	Huỳnh Vũ Bảo	Khang	Nam	17/12/2010	8A8	
41	A8230	Mai Duy	Khang	Nam	25/08/2010	8A5	
42	A8231	Nguyễn Bảo	Khang	Nam	30/10/2009	8A3	
43	A8232	Nguyễn Gia	Khang	Nam	06/08/2010	8A9	
44	A8233	Nguyễn Tuấn	Khang	Nam	18/08/2010	8A1	
45	A8234	Nguyễn Tuấn	Khang	Nam	07/02/2010	8A8	
46	A8235	Phan Vĩ	Khang	Nam	07/07/2010	8A10	
47	A8236	Quách Phúc	Khang	Nam	07/03/2010	8A11	

Danh sách này có 47 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 6 - Khối 8

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A8237	Tạ Hoàng	Khang	Nam	21/10/2010	8A7	
2	A8238	Trịnh Bảo	Khang	Nam	20/05/2010	8A14	
3	A8239	Vũ Hoàng	Khang	Nam	19/01/2008	8A1	
4	A8240	Lê Tuấn	Khanh	Nam	04/08/2009	8A5	
5	A8241	Mai Lê Tường	Khanh	Nam	21/09/2010	8A1	
6	A8242	Bùi Lê Duy	Khánh	Nam	16/04/2010	8A4	
7	A8243	Huỳnh Minh	Khánh	Nam	05/04/2010	8A12	
8	A8244	Mai Gia	Khánh	Nam	09/10/2010	8A2	
9	A8245	Nguyễn	Khánh	Nam	21/03/2010	8A10	
10	A8246	Nguyễn Ngọc Duy	Khánh	Nam	19/06/2010	8A9	
11	A8247	Nguyễn Quốc	Khánh	Nam	16/09/2010	8A12	
12	A8248	Trần Phạm Uyên	Khánh	Nữ	11/07/2010	8A9	
13	A8249	Thái Hoàng	Khấn	Nam	12/04/2010	8A1	
14	A8250	Cao Bảo	Khiêm	Nam	04/01/2010	8A14	
15	A8251	Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	29/08/2010	8A2	
16	A8252	Nguyễn Ngọc Minh	Khoa	Nam	26/11/2010	8A2	
17	A8253	Nguyễn Ngô Anh	Khoa	Nam	20/01/2010	8A5	
18	A8254	Nguyễn Quốc Đăng	Khoa	Nam	26/10/2010	8A4	
19	A8255	Võ Duy	Khoa	Nam	24/02/2010	8A5	
20	A8256	Nguyễn Đăng	Khôi	Nam	04/07/2010	8A9	
21	A8257	Vũ Hoàng Đăng	Khôi	Nam	21/02/2010	8A10	
22	A8258	Phan Văn	Khởi	Nam	15/12/2010	8A10	
23	A8259	Dương Gia	Kiệt	Nam	19/06/2010	8A10	
24	A8260	Dương Tuấn	Kiệt	Nam	15/12/2010	8A10	
25	A8261	Ngô Tuấn	Kiệt	Nam	16/07/2010	8A11	
26	A8262	Nguyễn Thanh	Kiệt	Nam	18/04/2010	8A3	
27	A8263	Nguyễn Tuấn	Kiệt	Nam	04/09/2010	8A8	
28	A8264	Phạm Tuấn	Kiệt	Nam	14/08/2010	8A2	
29	A8265	Phạm Tuấn	Kiệt	Nam	23/08/2010	8A6	
30	A8266	Phan Tấn	Kiệt	Nam	08/07/2010	8A1	
31	A8267	Trần Đăng Tuấn	Kiệt	Nam	30/12/2009	8A13	
32	A8268	Nguyễn Phùng Mỹ	Kim	Nữ	14/08/2010	8A5	
33	A8269	Trần Tiểu Thiên	Kim	Nữ	23/08/2010	8A2	
34	A8270	Bùi Thị Hoa	Lài	Nữ	10/10/2010	8A13	
35	A8271	Mai Thị Huỳnh	Lam	Nữ	26/11/2010	8A2	
36	A8272	Nguyễn Nhựt	Lâm	Nam	23/06/2010	8A13	
37	A8273	Nguyễn Ngọc	Lê	Nữ	05/04/2010	8A13	
38	A8274	Đào Hà	Linh	Nữ	06/06/2010	8A9	
39	A8275	Hà Khánh	Linh	Nữ	10/06/2010	8A11	
40	A8276	Hoàng Thi Hà	Linh	Nữ	16/06/2010	8A3	
41	A8277	Hồ Thị Trúc	Linh	Nữ	07/03/2010	8A1	
42	A8278	Ngô Diệu	Linh	Nữ	29/08/2010	8A14	
43	A8279	Nguyễn Ngọc	Linh	Nữ	04/12/2010	8A5	
44	A8280	Nguyễn Ngọc	Linh	Nữ	09/07/2010	8A12	
45	A8281	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	16/12/2010	8A4	
46	A8282	Nguyễn Thị Mai	Linh	Nữ	03/01/2010	8A9	
47	A8283	Phạm Thị Thùy	Linh	Nữ	14/10/2010	8A8	

Danh sách này có 47 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 7 - Khối 8

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A8284	Trần Ngọc	Linh	Nữ	20/06/2010	8A9	
2	A8285	Trần Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	09/08/2010	8A3	
3	A8286	Trịnh Thị Khánh	Linh	Nữ	20/10/2010	8A4	
4	A8287	Trương Gia	Linh	Nữ	14/02/2010	8A3	
5	A8288	Nguyễn Thị Ngọc	Lĩnh	Nữ	26/12/2010	8A10	
6	A8289	Lê Thị Hồng	Loan	Nữ	04/10/2010	8A12	
7	A8290	Nguyễn Thị Cẩm	Loan	Nữ	04/12/2010	8A11	
8	A8291	Hoàng Phi	Long	Nam	02/05/2010	8A5	
9	A8292	Hồ Nhất	Long	Nam	19/04/2010	8A6	
10	A8293	Nguyễn Hoàng	Long	Nam	22/12/2010	8A4	
11	A8294	Phạm Hoàng	Long	Nam	21/01/2010	8A12	
12	A8295	Trần Mai Thiên	Long	Nam	04/10/2010	8A10	
13	A8296	Trần Phi	Long	Nam	06/11/2010	8A3	
14	A8297	Mai Phước	Lộc	Nam	29/12/2009	8A3	
15	A8298	Mai Tấn	Lộc	Nam	15/06/2010	8A8	
16	A8299	Nguyễn Hữu	Lộc	Nam	10/09/2010	8A4	
17	A8300	Trần Hữu	Lộc	Nam	24/12/2009	8A14	
18	A8301	Võ Văn Lợi	Lợi	Nam	29/09/2009	8A5	
19	A8302	Nguyễn Thành	Luân	Nam	15/10/2010	8A5	
20	A8303	Trần Sĩ	Luân	Nam	02/01/2010	8A4	
21	A8304	Đặng Ngọc Khánh	Ly	Nữ	15/06/2010	8A13	
22	A8305	Lê Phương	Ly	Nữ	11/11/2010	8A10	
23	A8306	Nguyễn Thảo	Ly	Nữ	22/12/2009	8A10	
24	A8307	Nguyễn Thị Khánh	Ly	Nữ	05/02/2010	8A2	
25	A8308	Phan Kiều Ly	Ly	Nữ	13/07/2010	8A5	
26	A8309	Trần Trúc	Ly	Nữ	16/08/2010	8A1	
27	A8310	Trịnh Kiều	Lý	Nữ	27/05/2010	8A9	
28	A8311	Dương Ngọc	Mai	Nữ	01/01/2009	8A11	
29	A8312	Hồ Xuân	Mai	Nữ	11/11/2010	8A3	
30	A8313	Lê Phan Thanh	Mai	Nữ	11/07/2010	8A10	
31	A8314	Nguyễn Phạm Xuân	Mai	Nữ	26/01/2010	8A3	
32	A8315	Trần Thị Trúc	Mai	Nữ	28/12/2009	8A11	
33	A8316	Nguyễn Thanh	Mạnh	Nam	27/02/2010	8A4	
34	A8317	Phạm Quỳnh Gia	Mẫn	Nữ	21/09/2010	8A10	
35	A8318	Võ Thị	Mẫn	Nữ	10/04/2008	8A6	
36	A8319	Bùi Tuấn	Minh	Nam	11/01/2010	8A5	
37	A8320	Bùi Văn	Minh	Nam	23/01/2010	8A2	
38	A8321	Đoàn Bảo	Minh	Nam	03/03/2010	8A10	
39	A8322	Lê Hoàng	Minh	Nam	24/06/2009	8A6	
40	A8323	Lê Võ Bình	Minh	Nam	11/05/2008	8A9	
41	A8324	Nguyễn Duy	Minh	Nam	26/08/2010	8A11	
42	A8325	Nguyễn Nhật	Minh	Nam	06/04/2010	8A6	
43	A8326	Trần Quang	Minh	Nam	17/12/2010	8A3	
44	A8327	Trương Công	Minh	Nam	26/10/2010	8A7	
45	A8328	Ngô Ngọc Y	Mơ	Nữ	21/12/2010	8A10	
46	A8329	Bùi Hồng	Muội	Nữ	22/01/2010	8A14	
47	A8330	Đặng Diễm	My	Nữ	16/04/2009	8A8	

Danh sách này có 47 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 8 - Khối 8

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A8331	Huỳnh Trà	My	Nữ	12/01/2010	8A6	
2	A8332	Lý Tuyết	My	Nữ	08/03/2010	8A8	
3	A8333	Mông Thị Thảo	My	Nữ	28/06/2010	8A1	
4	A8334	Nguyễn Ngọc Kiều	My	Nữ	10/07/2010	8A4	
5	A8335	Võ Thị Kiều	My	Nữ	25/12/2010	8A6	
6	A8336	Võ Thị Trà	My	Nữ	05/10/2010	8A6	
7	A8337	Bùi Phạm Bảo	Nam	Nam	28/02/2010	8A4	
8	A8338	Hoàng Tấn	Nam	Nam	04/10/2010	8A14	
9	A8339	Nguyễn Bảo	Nam	Nam	11/06/2010	8A2	
10	A8340	Nguyễn Duy	Nam	Nam	31/03/2010	8A5	
11	A8341	Nguyễn Quốc	Nam	Nam	17/11/2009	8A6	
12	A8342	Nguyễn Trần Bảo	Nam	Nam	10/09/2010	8A6	
13	A8343	Nguyễn Văn Phương	Nam	Nam	15/05/2010	8A6	
14	A8344	Trần Bảo	Nam	Nam	20/09/2010	8A4	
15	A8345	Trần Ngọc Bảo	Nam	Nam	28/06/2010	8A2	
16	A8346	Trần Phương	Nam	Nam	21/12/2009	8A7	
17	A8347	Phạm Thị Kiều	Nga	Nữ	26/10/2010	8A8	
18	A8348	Vũ Thị Hằng	Nga	Nữ	05/02/2010	8A7	
19	A8349	Dương Bảo	Ngân	Nữ	31/01/2010	8A7	
20	A8350	Đinh Thùy Bảo	Ngân	Nữ	03/09/2010	8A14	
21	A8351	Nguyễn Bảo	Ngân	Nữ	31/08/2010	8A13	
22	A8352	Nguyễn Kim	Ngân	Nữ	14/06/2010	8A10	
23	A8353	Phùng Thị Thùy	Ngân	Nữ	19/12/2010	8A12	
24	A8354	Thái Thị Thu	Ngân	Nữ	20/08/2010	8A1	
25	A8355	Trần Phương Kiều	Ngân	Nữ	03/12/2010	8A4	
26	A8356	Bùi Hoàng Gia	Nghi	Nữ	22/09/2010	8A9	
27	A8357	Lâm Vịnh	Nghi	Nữ	23/12/2009	8A2	
28	A8358	Nguyễn Đinh Phương	Nghi	Nữ	02/11/2010	8A7	
29	A8359	Nguyễn Hoàng Gia	Nghi	Nữ	19/05/2010	8A8	
30	A8360	Nguyễn Thị Yến	Nghi	Nữ	19/08/2009	8A13	
31	A8361	Lê Trung	Nghĩa	Nam	08/10/2009	8A11	
32	A8362	Nông Hiệp	Nghĩa	Nam	19/09/2010	8A7	
33	A8363	Vũ Minh	Nghĩa	Nam	26/12/2009	8A12	
34	A8364	Nguyễn Thuý	Ngoan	Nữ	10/07/2010	8A10	
35	A8365	Đặng Ngô Tiểu	Ngọc	Nữ	03/11/2010	8A8	
36	A8366	Đặng Phương Khánh	Ngọc	Nữ	29/09/2010	8A9	
37	A8367	Hà Gia Bảo	Ngọc	Nữ	19/12/2010	8A5	
38	A8368	Lại Minh Như	Ngọc	Nữ	20/08/2010	8A1	
39	A8369	Nguyễn Phạm Bảo	Ngọc	Nữ	05/07/2010	8A2	
40	A8370	Nguyễn Thanh	Ngọc	Nữ	01/03/2010	8A8	
41	A8371	Nguyễn Thanh	Ngọc	Nữ	08/06/2010	8A11	
42	A8372	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	Nữ	25/09/2009	8A14	
43	A8373	Nguyễn Thị Khánh	Ngọc	Nữ	12/01/2010	8A5	
44	A8374	Nguyễn Văn	Ngọc	Nam	21/12/2009	8A11	
45	A8375	Phạm Vũ Khánh	Ngọc	Nữ	13/08/2010	8A4	
46	A8376	Trần Thị Thanh	Ngọc	Nữ	21/11/2010	8A5	
47	A8377	Trương Khánh	Ngọc	Nữ	20/07/2010	8A14	

Danh sách này có 47 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 9 - Khối 8

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A8378	Vi Hoài	Ngọc	Nữ	09/04/2010	8A5	
2	A8379	Đỗ Trần Kim	Nguyên	Nữ	19/02/2010	8A12	
3	A8380	Huỳnh Ngọc Thảo	Nguyên	Nữ	11/02/2010	8A3	
4	A8381	Huỳnh Thị Thảo	Nguyên	Nữ	16/02/2009	8A6	
5	A8382	Nguyễn Thị Trúc	Nguyên	Nữ	03/01/2010	8A3	
6	A8383	Trần Nguyễn Minh	Nguyên	Nam	14/06/2010	8A3	
7	A8384	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	Nữ	11/12/2010	8A2	
8	A8385	Phan Nguyễn Thuý	Nhàn	Nữ	12/08/2010	8A13	
9	A8386	Nguyễn Danh Thành	Nhân	Nam	15/08/2010	8A7	
10	A8387	Trần Trọng	Nhân	Nam	30/04/2010	8A4	
11	A8388	Ngô Nam	Nhật	Nam	03/08/2010	8A12	
12	A8389	Nguyễn Thế	Nhật	Nam	08/01/2010	8A7	
13	A8390	Trần Hữu Minh	Nhật	Nam	26/01/2010	8A10	
14	A8391	Vũ Ngọc	Nhật	Nam	28/07/2010	8A4	
15	A8392	Bùi Trúc	Nhi	Nữ	21/03/2010	8A11	
16	A8393	Dương Ngọc	Nhi	Nữ	07/05/2009	8A4	
17	A8394	Đặng Bảo	Nhi	Nữ	06/06/2010	8A8	
18	A8395	Hoàng Thảo	Nhi	Nữ	30/07/2010	8A11	
19	A8396	Ngô Hoài Phương	Nhi	Nữ	23/03/2010	8A3	
20	A8397	Nguyễn Bảo	Nhi	Nữ	12/02/2010	8A14	
21	A8398	Nguyễn Ngọc	Nhi	Nữ	23/06/2010	8A1	
22	A8399	Nguyễn Thi Yến	Nhi	Nữ	11/03/2010	8A6	
23	A8400	Nguyễn Thị Kim	Nhi	Nữ	04/10/2010	8A12	
24	A8401	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi	Nữ	25/02/2010	8A10	
25	A8402	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	26/03/2009	8A2	
26	A8403	Phạm Thiên	Nhi	Nữ	21/06/2010	8A7	
27	A8404	Trần Nguyễn Yến	Nhi	Nữ	20/01/2010	8A6	
28	A8405	Trần Yến	Nhi	Nữ	19/01/2010	8A14	
29	A8406	Lâm Yên	Nhiên	Nữ	10/05/2010	8A9	
30	A8407	Nguyễn Thị Kim	Nhiên	Nữ	31/10/2009	8A11	
31	A8408	Bùi Thị Hồng	Nhung	Nữ	11/03/2010	8A8	
32	A8409	Lê Thị Tuyết	Nhung	Nữ	25/02/2010	8A12	
33	A8410	Nguyễn Thị Phương	Nhung	Nữ	18/03/2010	8A6	
34	A8411	Đặng Huỳnh Xuân	Như	Nữ	12/02/2010	8A1	
35	A8412	Hà Thị Quỳnh	Như	Nữ	17/02/2010	8A12	
36	A8413	Huỳnh Thị Quỳnh	Như	Nữ	06/07/2010	8A10	
37	A8414	Lê Thị Quỳnh	Như	Nữ	20/05/2010	8A14	
38	A8415	Nguyễn Ngọc	Như	Nữ	27/12/2010	8A13	
39	A8416	Nguyễn Ngọc Tâm	Như	Nữ	13/07/2010	8A1	
40	A8417	Nguyễn Quỳnh	Như	Nữ	24/09/2010	8A7	
41	A8418	Nguyễn Tâm	Như	Nữ	25/07/2010	8A1	
42	A8419	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	Nữ	25/06/2010	8A13	
43	A8420	Nguyễn Yến	Như	Nữ	28/09/2010	8A3	
44	A8421	Trần Ánh	Như	Nữ	02/06/2010	8A5	
45	A8422	Trần Huỳnh	Như	Nữ	04/02/2010	8A11	
46	A8423	Trần Ngọc Quỳnh	Như	Nữ	26/09/2010	8A14	
47	A8424	Trần Quỳnh	Như	Nữ	29/03/2010	8A11	

Danh sách này có 47 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 10 - Khối 8

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A8425	Trương Thị Ngọc	Như	Nữ	11/03/2010	8A9	
2	A8426	Vũ Quỳnh	Như	Nữ	10/01/2010	8A14	
3	A8427	Diệp Quang	Nhựt	Nam	22/08/2010	8A6	
4	A8428	Nguyễn Anh	Nhựt	Nam	25/06/2010	8A11	
5	A8429	Trần Ngọc Hoàng	Oanh	Nữ	18/11/2009	8A11	
6	A8430	A	Phát	Nam	24/05/2009	8A7	
7	A8431	Chung Kim	Phát	Nam	21/03/2010	8A12	
8	A8432	Đỗ Đức	Phát	Nam	12/12/2010	8A5	
9	A8433	Hà Tấn	Phát	Nam	24/03/2010	8A13	
10	A8434	Hồ Nhựt	Phát	Nam	06/02/2010	8A14	
11	A8435	Lê Đắc	Phát	Nam	13/11/2010	8A8	
12	A8436	Liễu Thành	Phát	Nam	28/02/2010	8A11	
13	A8437	Ngô Châu	Phát	Nam	30/09/2009	8A11	
14	A8438	Nguyễn Hoàng	Phát	Nam	11/07/2009	8A13	
15	A8439	Nguyễn Ngọc	Phát	Nam	23/01/2010	8A8	
16	A8440	Nguyễn Tấn	Phát	Nam	31/03/2010	8A6	
17	A8441	Nguyễn Tiến	Phát	Nam	12/09/2010	8A13	
18	A8442	Phạm Tấn	Phát	Nam	14/05/2010	8A7	
19	A8443	Phan Hữu	Phát	Nam	05/11/2009	8A8	
20	A8444	Trần Gia	Phát	Nam	26/10/2010	8A8	
21	A8445	Trần Nhật	Phát	Nam	13/06/2010	8A8	
22	A8446	Lê Hoàng	Phi	Nam	06/06/2009	8A6	
23	A8447	Nguyễn Vũ Hoàng	Phong	Nam	02/11/2010	8A9	
24	A8448	Nguyễn Hoàng Minh	Phú	Nam	16/09/2010	8A13	
25	A8449	Nguyễn Trần Thiên	Phú	Nam	08/11/2010	8A5	
26	A8450	Vòng Hiện	Phú	Nam	24/06/2010	8A9	
27	A8451	Lê Hoàng	Phúc	Nam	16/02/2010	8A13	
28	A8452	Nguyễn Bảo	Phúc	Nam	26/12/2009	8A14	
29	A8453	Nguyễn Hồng	Phúc	Nam	30/04/2010	8A11	
30	A8454	Nguyễn Thanh Gia	Phúc	Nam	26/01/2010	8A13	
31	A8455	Nguyễn Trọng	Phúc	Nam	01/06/2010	8A5	
32	A8456	Nguyễn Văn	Phúc	Nam	16/12/2010	8A10	
33	A8457	Trần Minh	Phúc	Nam	21/03/2010	8A8	
34	A8458	Trương Ngọc Y	Phụng	Nữ	11/05/2010	8A10	
35	A8459	Bạch Bình	Phước	Nam	08/07/2008	8A6	
36	A8460	Đinh Hữu	Phước	Nam	11/03/2010	8A14	
37	A8461	Huỳnh Tấn	Phước	Nam	16/10/2009	8A5	
38	A8462	Nguyễn Hoàng	Phước	Nam	21/01/2010	8A12	
39	A8463	Hà Thị Minh	Phương	Nữ	21/01/2010	8A14	
40	A8464	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	25/06/2009	8A11	
41	A8465	Phạm Thu	Phương	Nữ	08/08/2010	8A3	
42	A8466	Hoàng Nhật	Quang	Nam	14/11/2010	8A6	
43	A8467	Huỳnh Nhật	Quang	Nam	07/10/2009	8A3	
44	A8468	Lưu Nhật	Quang	Nam	14/12/2010	8A12	
45	A8469	Dương Phạm Minh	Quân	Nam	20/01/2010	8A12	
46	A8470	Đinh Phạm Hồng	Quân	Nam	28/01/2010	8A13	
47	A8471	Hoàng Ngọc	Quân	Nam	22/12/2009	8A12	

Danh sách này có 47 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 11 - Khối 8

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A8472	Hồ Minh	Quân	Nam	19/02/2010	8A1	
2	A8473	Phạm Minh	Quân	Nam	07/04/2010	8A9	
3	A8474	Trương Anh	Quân	Nam	19/10/2010	8A14	
4	A8475	Hoàng Minh	Quốc	Nam	29/06/2010	8A10	
5	A8476	Nguyễn Trần Phương	Quyên	Nữ	13/03/2010	8A8	
6	A8477	Lê Thị Như	Quỳnh	Nữ	17/12/2010	8A12	
7	A8478	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	27/07/2010	8A1	
8	A8479	Võ Ngọc	Sang	Nữ	20/10/2010	8A2	
9	A8480	Vũ Hồng	Sang	Nam	08/12/2010	8A10	
10	A8481	Huỳnh Quốc	Sơn	Nam	21/02/2008	8A11	
11	A8482	Nguyễn Trường	Sơn	Nam	27/07/2010	8A13	
12	A8483	Đặng Minh	Tài	Nam	21/06/2010	8A9	
13	A8484	Nguyễn Hữu	Tài	Nam	18/01/2010	8A11	
14	A8485	Tạ Anh	Tài	Nam	18/05/2010	8A7	
15	A8486	Đinh Ngọc Nhã	Tâm	Nữ	28/05/2010	8A3	
16	A8487	Lâm Ngọc	Tâm	Nữ	07/02/2010	8A9	
17	A8488	Lê Văn	Tâm	Nam	20/01/2010	8A9	
18	A8489	Lê Thanh	Tân	Nam	18/12/2010	8A8	
19	A8490	Nguyễn Minh	Tấn	Nam	12/10/2010	8A7	
20	A8491	Lê Hữu	Thành	Nam	21/08/2010	8A14	
21	A8492	Lữ Đạt Chí	Thành	Nam	31/01/2010	8A10	
22	A8493	Trần Chí	Thành	Nam	27/10/2010	8A8	
23	A8494	Trương Tất	Thành	Nam	09/10/2010	8A11	
24	A8495	Hoàng Thị Phương	Thảo	Nữ	16/08/2010	8A4	
25	A8496	Lê Ngọc	Thảo	Nam	01/01/2007	8A4	
26	A8497	Lê Thị Xuân	Thảo	Nữ	01/09/2010	8A2	
27	A8498	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	19/08/2010	8A10	
28	A8499	Phạm Ngọc	Thảo	Nam	12/02/2010	8A7	
29	A8500	Phạm Ngọc Thu	Thảo	Nữ	31/01/2010	8A12	
30	A8501	Phạm Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	26/01/2010	8A11	
31	A8502	Phan Thị	Thảo	Nữ	28/06/2010	8A9	
32	A8503	Thiều Thị	Thảo	Nữ	26/10/2010	8A1	
33	A8504	Trịnh Thị Mai	Thảo	Nữ	14/01/2010	8A4	
34	A8505	Trương Thanh	Thảo	Nữ	19/09/2010	8A4	
35	A8506	Võ Phương	Thảo	Nam	03/06/2009	8A2	
36	A8507	Vũ Thị Phương	Thảo	Nữ	02/11/2010	8A13	
37	A8508	Đỗ Thị Hồng	Thắm	Nữ	25/01/2009	8A5	
38	A8509	Võ Hồng	Thắm	Nữ	31/07/2009	8A12	
39	A8510	Nguyễn	Thắng	Nam	10/06/2010	8A8	
40	A8511	Nguyễn Quốc	Thắng	Nam	24/08/2010	8A3	
41	A8512	Nguyễn Thanh Đắc	Thắng	Nam	24/09/2010	8A11	
42	A8513	Nguyễn Toàn	Thắng	Nam	08/03/2009	8A5	
43	A8514	Nguyễn Ngọc Nhã	Thi	Nữ	30/11/2010	8A12	
44	A8515	Nguyễn Nhật	Thiên	Nam	12/01/2010	8A14	
45	A8516	Phan Thanh	Thiện	Nam	28/09/2009	8A14	
46	A8517	Trần Ngọc	Thiện	Nam	28/06/2010	8A12	
47	A8518	Thái Quang	Thịnh	Nam	24/02/2009	8A11	

Danh sách này có 47 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 12 - Khối 8

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A8519	Nguyễn Vũ Đức	Thuận	Nam	30/08/2010	8A1	
2	A8520	Phạm Mộng	Thuỳ	Nữ	24/05/2010	8A9	
3	A8521	Huỳnh Phương	Thùy	Nữ	04/06/2010	8A9	
4	A8522	Phan Đặng Minh	Thùy	Nữ	08/12/2010	8A10	
5	A8523	Phạm Thị Thu	Thủy	Nữ	06/06/2010	8A12	
6	A8524	Trần Thị	Thúy	Nữ	07/07/2010	8A6	
7	A8525	Dương Thị Anh	Thư	Nữ	03/12/2010	8A1	
8	A8526	Lê Minh	Thư	Nữ	29/08/2010	8A11	
9	A8527	Nguyễn Đỗ Anh	Thư	Nữ	30/01/2010	8A8	
10	A8528	Nguyễn Minh	Thư	Nữ	12/12/2009	8A14	
11	A8529	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	Nữ	21/04/2010	8A1	
12	A8530	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	Nữ	10/02/2010	8A13	
13	A8531	Nguyễn Phan Anh	Thư	Nữ	12/08/2010	8A11	
14	A8532	Nguyễn Trần Anh	Thư	Nữ	20/09/2010	8A2	
15	A8533	Trần Minh	Thư	Nữ	24/05/2010	8A2	
16	A8534	Trần Nguyễn Anh	Thư	Nữ	23/07/2010	8A5	
17	A8535	Trần Phạm Minh	Thư	Nữ	11/05/2010	8A12	
18	A8536	Trần Thị Anh	Thư	Nữ	01/11/2010	8A2	
19	A8537	Võ Lê Anh	Thư	Nữ	12/10/2010	8A7	
20	A8538	Hoàng Thị Hoài	Thương	Nữ	07/07/2010	8A6	
21	A8539	Đặng Nguyễn Kim	Thy	Nữ	24/05/2010	8A3	
22	A8540	Huỳnh Thị Mỹ	Tiên	Nữ	18/06/2010	8A1	
23	A8541	Nguyễn Minh	Tiền	Nam	24/03/2010	8A2	
24	A8542	Nguyễn Thị Ngọc	Tiền	Nữ	05/11/2010	8A10	
25	A8543	Trần Thị Thanh	Tiền	Nữ	13/05/2010	8A9	
26	A8544	Bùi Cao	Tiến	Nam	17/10/2010	8A12	
27	A8545	Phan Quốc	Tiến	Nam	17/03/2010	8A6	
28	A8546	Võ Minh	Tiến	Nam	06/01/2010	8A9	
29	A8547	Nguyễn Phúc	Toàn	Nam	14/11/2009	8A6	
30	A8548	Nguyễn Văn	Toàn	Nam	21/10/2010	8A14	
31	A8549	Võ Minh	Toàn	Nam	06/05/2010	8A13	
32	A8550	Lê Thái	Tôn	Nam	10/08/2010	8A6	
33	A8551	Đoàn Hà	Trang	Nữ	09/02/2010	8A10	
34	A8552	Huỳnh Bảo	Trang	Nữ	29/01/2010	8A4	
35	A8553	Lê Thị Thùy	Trang	Nữ	24/10/2010	8A14	
36	A8554	Lê Trương Phương	Trang	Nữ	15/01/2010	8A10	
37	A8555	Lưu Thị Uyên	Trang	Nữ	25/09/2010	8A4	
38	A8556	Nguyễn Hà	Trang	Nữ	06/07/2010	8A3	
39	A8557	Nguyễn Thị Phương	Trang	Nữ	07/05/2010	8A6	
40	A8558	Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	02/06/2010	8A13	
41	A8559	Phạm Khánh	Trang	Nữ	16/05/2010	8A11	
42	A8560	Tạ Thu	Trang	Nữ	10/01/2010	8A7	
43	A8561	Nguyễn Bích	Trăm	Nữ	24/06/2010	8A11	
44	A8562	Danh Bích	Trâm	Nữ	27/09/2010	8A7	
45	A8563	Dương Ngọc	Trâm	Nữ	31/07/2010	8A2	
46	A8564	Hồ Ngọc Bảo	Trâm	Nữ	17/10/2010	8A9	
47	A8565	Lê Bảo	Trâm	Nữ	23/05/2010	8A1	

Danh sách này có 47 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 13 - Khối 8

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A8566	Lưu Thị Bích	Trâm	Nữ	05/06/2010	8A10	
2	A8567	Nguyễn Thị Băng	Trâm	Nữ	30/04/2010	8A11	
3	A8568	Nguyễn Thị Thùy	Trâm	Nữ	26/07/2010	8A3	
4	A8569	Nguyễn Thùy	Trâm	Nữ	16/07/2010	8A13	
5	A8570	Hồ Thị Bảo	Trân	Nữ	09/12/2010	8A2	
6	A8571	Huỳnh Quế	Trân	Nữ	06/01/2010	8A4	
7	A8572	Mã Huyền	Trân	Nữ	16/06/2010	8A13	
8	A8573	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	Nữ	19/01/2010	8A5	
9	A8574	Nguyễn Thị Ngọc	Trân	Nữ	21/11/2010	8A12	
10	A8575	Nguyễn Minh	Trí	Nam	01/04/2010	8A5	
11	A8576	Trần Anh Minh	Trí	Nam	10/08/2010	8A1	
12	A8577	Lê Minh	Triết	Nam	27/05/2010	8A2	
13	A8578	Nguyễn Minh	Triết	Nam	08/11/2010	8A7	
14	A8579	Trần Minh	Triết	Nam	11/08/2010	8A5	
15	A8580	Nguyễn Phạm Thế	Triệt	Nam	28/03/2010	8A13	
16	A8581	Trần Thị Phương	Trinh	Nữ	04/05/2010	8A3	
17	A8582	Lê Văn	Trọng	Nam	08/11/2010	8A14	
18	A8583	Trần Quốc	Trọng	Nam	28/05/2010	8A9	
19	A8584	Đinh Ngọc Nhã	Trúc	Nữ	23/01/2010	8A1	
20	A8585	Nguyễn Huỳnh Thanh	Trúc	Nữ	16/12/2010	8A3	
21	A8586	Nguyễn Phương	Trúc	Nữ	01/06/2010	8A4	
22	A8587	Nguyễn Thị Ngọc	Trúc	Nữ	10/05/2010	8A12	
23	A8588	Phan Lê Thuỷ	Trúc	Nữ	29/12/2010	8A5	
24	A8589	Trần Nguyễn Thanh	Trúc	Nữ	12/08/2010	8A3	
25	A8590	Vũ Hoàng Thiên	Trúc	Nữ	20/06/2010	8A5	
26	A8591	Võ Công	Trứ	Nam	16/11/2010	8A14	
27	A8592	Huỳnh Hải	Trường	Nam	22/07/2010	8A9	
28	A8593	Phạm Hoàng Gia	Trường	Nam	23/04/2010	8A9	
29	A8594	Bùi Xuân Minh	Tú	Nam	12/07/2010	8A11	
30	A8595	Hoàng Cẩm	Tú	Nữ	11/07/2010	8A9	
31	A8596	Nguyễn Minh	Tú	Nam	10/10/2010	8A3	
32	A8597	Nguyễn Ngọc	Tú	Nữ	22/03/2010	8A13	
33	A8598	Nguyễn Thanh	Tú	Nam	14/12/2010	8A6	
34	A8599	Thiều Hữu	Tú	Nam	13/09/2010	8A1	
35	A8600	Hà Anh	Tuấn	Nam	02/11/2010	8A4	
36	A8601	Phạm Hoàng Anh	Tuấn	Nam	16/05/2010	8A6	
37	A8602	Trần Anh	Tuấn	Nam	12/03/2010	8A9	
38	A8603	Trần Hoàng Anh	Tuấn	Nam	08/09/2010	8A11	
39	A8604	Phan Ngọc	Tuệ	Nữ	27/03/2010	8A8	
40	A8605	Đỗ Ngọc Thanh	Tuyền	Nữ	17/12/2010	8A4	
41	A8606	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	Nữ	12/09/2010	8A6	
42	A8607	Trần Thị Bích	Tuyền	Nữ	29/03/2010	8A7	
43	A8608	Nguyễn Hồng Bảo	Tuyến	Nữ	13/03/2010	8A13	
44	A8609	Quách Hoàng Thanh	Tuyến	Nam	09/11/2010	8A13	
45	A8610	Võ Văn Thanh	Tứ	Nam	20/11/2010	8A1	
46	A8611	Nguyễn Hữu	Uy	Nam	28/09/2009	8A14	
47	A8612	Nguyễn Vũ Thanh	Uyên	Nữ	02/09/2010	8A4	

Danh sách này có 47 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 14 - Khối 8

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A8613	Tống Nhã	Uyên	Nữ	10/04/2010	8A9	
2	A8614	Nguyễn Thanh	Vân	Nữ	01/05/2010	8A2	
3	A8615	Điểu Mi Lê	Vi	Nam	21/04/2010	8A7	
4	A8616	Trần Hoàng	Vĩ	Nam	16/06/2008	8A11	
5	A8617	Vòng Chính	Vĩ	Nam	07/06/2010	8A2	
6	A8618	Ngô Anh	Việt	Nam	08/01/2010	8A4	
7	A8619	Nguyễn Bảo	Việt	Nam	15/12/2010	8A7	
8	A8620	Trần Công	Việt	Nam	04/05/2010	8A5	
9	A8621	Nguyễn Anh	Vũ	Nam	09/04/2010	8A8	
10	A8622	Nguyễn Anh	Vũ	Nam	06/02/2010	8A9	
11	A8623	Trần Tuấn	Vũ	Nam	10/01/2010	8A3	
12	A8624	Biện Thúy	Vy	Nữ	25/10/2010	8A6	
13	A8625	Danh Thảo	Vy	Nữ	02/10/2010	8A13	
14	A8626	Danh Thị Tường	Vy	Nữ	01/08/2010	8A4	
15	A8627	Đào Phương	Vy	Nữ	08/10/2010	8A2	
16	A8628	Đỗ Ngọc Khánh	Vy	Nữ	27/06/2010	8A7	
17	A8629	Đỗ Ngọc Tường	Vy	Nữ	11/12/2010	8A12	
18	A8630	Hoàng Lê	Vy	Nữ	05/06/2010	8A13	
19	A8631	Lê Ngọc Thúy	Vy	Nữ	18/07/2010	8A4	
20	A8632	Mã Phương	Vy	Nữ	09/11/2010	8A2	
21	A8633	Nguyễn Hoàng Khánh	Vy	Nữ	24/03/2010	8A6	
22	A8634	Nguyễn Khánh	Vy	Nữ	13/03/2010	8A13	
23	A8635	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	Nữ	26/01/2010	8A6	
24	A8636	Nguyễn Phương	Vy	Nữ	23/06/2009	8A10	
25	A8637	Nguyễn Thị Khánh	Vy	Nữ	15/05/2010	8A13	
26	A8638	Phạm Phương	Vy	Nữ	13/11/2010	8A11	
27	A8639	Phạm Thị Minh	Vy	Nữ	20/02/2010	8A5	
28	A8640	Phùng Nhật	Vy	Nữ	20/04/2010	8A10	
29	A8641	Trần Ngọc Tường	Vy	Nữ	01/05/2010	8A3	
30	A8642	Trần Nguyễn Tường	Vy	Nữ	05/03/2010	8A7	
31	A8643	Trần Thúy	Vy	Nữ	18/12/2010	8A6	
32	A8644	Trương Mai Khả	Vy	Nữ	21/12/2010	8A1	
33	A8645	Võ Ngọc Khánh	Vy	Nữ	13/06/2010	8A5	
34	A8646	Võ Trần Lê	Vy	Nữ	16/08/2010	8A8	
35	A8647	Phan Kim	Xuyến	Nữ	20/02/2010	8A6	
36	A8648	Lê Ngọc Như	Ý	Nữ	12/06/2009	8A5	
37	A8649	Lê Thị Như	Ý	Nữ	21/03/2010	8A12	
38	A8650	Ngô Huỳnh Nhã	Ý	Nữ	27/05/2009	8A5	
39	A8651	Nguyễn Ngọc Như	Ý	Nữ	21/07/2010	8A5	
40	A8652	Nguyễn Thị Như	Ý	Nữ	14/04/2010	8A7	
41	A8653	Cao Hồng	Yến	Nữ	21/08/2010	8A7	
42	A8654	Đinh Lê Bảo	Yến	Nữ	07/02/2010	8A10	
43	A8655	Lương Thị Hoàng	Yến	Nữ	15/06/2010	8A6	
44	A8656	Nguyễn Ngọc Hoàng	Yến	Nữ	22/10/2010	8A7	
45	A8657	Phạm Hải	Yến	Nữ	07/02/2010	8A14	
46	A8658	Trịnh Thị Bảo	Yến	Nữ	20/05/2010	8A3	
47	A8659	Vòng Ngọc	Yến	Nữ	05/02/2010	8A12	

Danh sách này có 47 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 1 - Khối 9

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A9001	Abdul Mohamad	Ali	Nam	21/11/2009	9A1	
2	A9002	Dương Ngọc Phước	An	Nữ	28/11/2009	9A12	
3	A9003	Đỗ Thị Kiều	An	Nữ	17/08/2009	9A14	
4	A9004	Hồ Gia	An	Nam	09/11/2009	9A10	
5	A9005	Lâm Thúy	An	Nữ	01/08/2009	9A13	
6	A9006	Lê Bảo	An	Nam	19/02/2009	9A16	
7	A9007	Lê Trọng	An	Nam	28/11/2009	9A5	
8	A9008	Lê Ý	An	Nữ	08/02/2009	9A5	
9	A9009	Lưu Đình Bảo	An	Nam	22/02/2009	9A10	
10	A9010	Lưu Hoài	An	Nam	22/03/2008	9A4	
11	A9011	Nguyễn Hoài	An	Nam	06/03/2009	9A11	
12	A9012	Nguyễn Hoài	An	Nữ	13/11/2009	9A16	
13	A9013	Nguyễn Ngọc	An	Nam	06/08/2009	9A9	
14	A9014	Nguyễn Ngọc Tường	An	Nữ	16/09/2009	9A10	
15	A9015	Nguyễn Ngọc Vân	An	Nữ	11/09/2009	9A1	
16	A9016	Nguyễn Thị Phúc	An	Nữ	15/12/2009	9A7	
17	A9017	Nguyễn Trần Thúy	An	Nữ	23/11/2009	9A11	
18	A9018	Phạm Nguyễn Mỹ	An	Nữ	26/02/2009	9A9	
19	A9019	Trịnh Khắc	An	Nam	18/01/2009	9A6	
20	A9020	Võ Văn	An	Nam	12/03/2009	9A8	
21	A9021	Bùi Văn Hoàng	Anh	Nam	13/07/2009	9A15	
22	A9022	Cao Thị Minh	Anh	Nữ	28/08/2009	9A8	
23	A9023	Dương Tú	Anh	Nữ	21/06/2009	9A1	
24	A9024	Đào Ngọc Phi	Anh	Nữ	05/04/2009	9A10	
25	A9025	Đặng Phạm Quỳnh	Anh	Nữ	18/09/2009	9A4	
26	A9026	Đậu Đình Hoàng	Anh	Nam	20/06/2009	9A7	
27	A9027	Đỗ Phạm Hoàng	Anh	Nam	18/09/2009	9A5	
28	A9028	Đỗ Thị Hà	Anh	Nữ	16/12/2009	9A10	
29	A9029	Hoàng Thị Kim	Anh	Nữ	03/03/2009	9A2	
30	A9030	Hoàng Tuấn	Anh	Nam	06/09/2009	9A2	
31	A9031	Hoàng Vân	Anh	Nữ	29/06/2009	9A6	
32	A9032	Lại Trần Tuấn	Anh	Nam	25/02/2009	9A15	
33	A9033	Lê Dương Kiều	Anh	Nữ	02/09/2009	9A6	
34	A9034	Lê Hùng	Anh	Nam	06/12/2009	9A6	
35	A9035	Ngô Minh	Anh	Nữ	02/10/2009	9A11	
36	A9036	Ngô Thị Bảo	Anh	Nữ	08/07/2009	9A1	
37	A9037	Ngô Thị Hà	Anh	Nữ	03/09/2009	9A16	
38	A9038	Ngô Vân	Anh	Nữ	21/09/2009	9A14	
39	A9039	Nguyễn Hồng	Anh	Nam	16/10/2009	9A16	
40	A9040	Nguyễn Ngọc	Anh	Nữ	11/02/2009	9A12	
41	A9041	Nguyễn Nhựt	Anh	Nam	12/11/2009	9A10	
42	A9042	Nguyễn Phúc	Anh	Nữ	15/11/2009	9A11	
43	A9043	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	16/04/2009	9A5	
44	A9044	Nguyễn Phương	Anh	Nam	29/08/2009	9A12	
45	A9045	Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	17/07/2009	9A13	

Danh sách này có 45 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 2 - Khối 9

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A9046	Nguyễn Thị Hà	Anh	Nữ	11/05/2009	9A16	
2	A9047	Nguyễn Văn Việt	Anh	Nam	09/09/2009	9A7	
3	A9048	Nguyễn Vũ Hà	Anh	Nữ	23/10/2009	9A12	
4	A9049	Nguyễn Vương Nhật	Anh	Nam	02/11/2009	9A4	
5	A9050	Phạm Quỳnh	Anh	Nữ	28/05/2009	9A10	
6	A9051	Phan Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	03/10/2009	9A7	
7	A9052	Phùng Thị Phương	Anh	Nữ	13/06/2009	9A10	
8	A9053	Trần Đức	Anh	Nam	13/01/2009	9A4	
9	A9054	Trần Minh Bảo	Anh	Nam	12/02/2009	9A15	
10	A9055	Trần Thị Hoài	Anh	Nữ	16/08/2009	9A2	
11	A9056	Trần Thị Phương	Anh	Nữ	11/03/2009	9A1	
12	A9057	Vi Việt	Anh	Nam	28/04/2009	9A3	
13	A9058	Vũ Duy	Anh	Nam	08/10/2009	9A16	
14	A9059	Vũ Lê Lan	Anh	Nữ	30/11/2009	9A1	
15	A9060	Vũ Trần Lan	Anh	Nữ	27/11/2009	9A3	
16	A9061	Phạm Minh	Ánh	Nữ	27/12/2009	9A1	
17	A9062	Phùng Mạnh Thiên	Ân	Nam	15/07/2009	9A6	
18	A9063	Bùi Nguyễn Gia	Bảo	Nam	11/09/2009	9A5	
19	A9064	Chu Ngọc	Bảo	Nam	21/10/2009	9A3	
20	A9065	Đinh Gia	Bảo	Nam	15/09/2009	9A9	
21	A9066	Đỗ Trần Phúc	Bảo	Nam	18/09/2009	9A11	
22	A9067	Hồ Gia	Bảo	Nam	25/09/2009	9A13	
23	A9068	Lê Gia	Bảo	Nam	14/12/2009	9A8	
24	A9069	Lê Minh Gia	Bảo	Nam	26/05/2009	9A1	
25	A9070	Mai Thiên	Bảo	Nam	29/09/2009	9A12	
26	A9071	Nguyễn Đăng	Bảo	Nam	20/12/2009	9A1	
27	A9072	Nguyễn Trần Hữu	Bảo	Nam	13/06/2008	9A16	
28	A9073	Nông Vũ Quốc	Bảo	Nam	18/08/2009	9A10	
29	A9074	Trần Gia	Bảo	Nam	24/04/2009	9A9	
30	A9075	Vũ Tiến	Bảo	Nam	12/01/2009	9A12	
31	A9076	Lê Hoài	Bão	Nam	29/01/2009	9A5	
32	A9077	Lý Khánh	Băng	Nữ	13/04/2009	9A13	
33	A9078	Nguyễn Hồng Ngọc	Băng	Nữ	28/10/2009	9A3	
34	A9079	Nguyễn Huỳnh Hoài	Băng	Nữ	24/07/2009	9A5	
35	A9080	Nguyễn Khánh	Băng	Nữ	23/10/2009	9A6	
36	A9081	Nguyễn Thị Khánh	Băng	Nữ	16/04/2009	9A1	
37	A9082	Đặng Quốc Nhật	Bình	Nam	30/07/2009	9A5	
38	A9083	Nguyễn Ngọc Như	Bình	Nữ	28/07/2009	9A9	
39	A9084	Phạm Nguyên	Bình	Nam	29/07/2009	9A10	
40	A9085	Văn Thi Nhã	Ca	Nữ	15/02/2009	9A7	
41	A9086	Nguyễn Huỳnh Bảo	Châu	Nữ	20/01/2009	9A3	
42	A9087	Phạm Lan	Chi	Nữ	28/11/2009	9A15	
43	A9088	Trần Hiền	Chi	Nữ	03/04/2009	9A3	
44	A9089	Nguyễn Hoài	Chung	Nam	23/10/2009	9A1	
45	A9090	Phạm Hoàng	Chương	Nam	20/10/2009	9A12	

Danh sách này có 45 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 3 - Khối 9

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A9091	Nguyễn Lê Nhật	Cường	Nam	28/12/2009	9A6	
2	A9092	Nguyễn Công	Danh	Nam	29/05/2009	9A16	
3	A9093	Nguyễn Đăng	Danh	Nam	29/09/2009	9A2	
4	A9094	Nguyễn Thành	Danh	Nam	08/09/2009	9A3	
5	A9095	Võ Thành	Danh	Nam	31/01/2009	9A6	
6	A9096	Nguyễn Phi	Dân	Nam	07/08/2009	9A12	
7	A9097	Phạm Thị Thúy	Diệp	Nữ	04/12/2009	9A4	
8	A9098	Vũ Thị Huyền	Diệu	Nữ	09/11/2009	9A2	
9	A9099	Nguyễn La Thị	Doan	Nữ	15/03/2009	9A8	
10	A9100	Nguyễn Nhật Thy	Du	Nữ	29/10/2009	9A3	
11	A9101	Ngô Mỹ	Dung	Nữ	09/09/2009	9A12	
12	A9102	Trần Quốc	Dũng	Nam	07/11/2009	9A4	
13	A9103	Đặng Ngọc Minh	Duy	Nam	08/04/2009	9A12	
14	A9104	Huỳnh Hữu	Duy	Nam	21/11/2009	9A5	
15	A9105	Kim Ngọc Phước	Duy	Nam	19/09/2009	9A3	
16	A9106	Lê Khánh	Duy	Nam	07/06/2009	9A9	
17	A9107	Nguyễn Bá	Duy	Nam	29/04/2009	9A6	
18	A9108	Trần Đức	Duy	Nam	14/09/2009	9A6	
19	A9109	Trần Thanh	Duy	Nam	09/04/2009	9A5	
20	A9110	Vũ Hải	Duy	Nam	28/10/2009	9A1	
21	A9111	Lê Nguyễn Khánh	Duyên	Nữ	04/12/2009	9A6	
22	A9112	Trần Lưu Mỹ	Duyên	Nữ	21/10/2009	9A5	
23	A9113	Trịnh Vũ Yến	Duyên	Nữ	23/09/2009	9A6	
24	A9114	Lương Hoàng	Dư	Nam	02/12/2009	9A13	
25	A9115	Nguyễn Ngọc Thùy	Dương	Nữ	11/03/2009	9A8	
26	A9116	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	05/07/2009	9A5	
27	A9117	Phan Nguyễn Ánh	Dương	Nữ	19/01/2009	9A6	
28	A9118	Trương Thùy	Dương	Nữ	06/11/2009	9A8	
29	A9119	Nguyễn Quang	Đại	Nam	20/07/2009	9A13	
30	A9120	Sử Linh	Đan	Nữ	11/02/2009	9A12	
31	A9121	Tô Hồng	Đào	Nữ	13/11/2008	9A14	
32	A9122	Dương Thành	Đạt	Nam	12/02/2008	9A12	
33	A9123	Lâm Thanh	Đạt	Nam	08/10/2009	9A4	
34	A9124	Mai Tuấn	Đạt	Nam	17/09/2009	9A14	
35	A9125	Nguyễn Duy	Đạt	Nam	24/01/2009	9A6	
36	A9126	Nguyễn Quang Phát	Đạt	Nam	06/04/2009	9A15	
37	A9127	Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	28/03/2009	9A15	
38	A9128	Phan Phát	Đạt	Nam	01/01/2009	9A4	
39	A9129	Trần Thành	Đạt	Nam	17/11/2009	9A4	
40	A9130	Trần Tiến	Đạt	Nam	12/12/2009	9A7	
41	A9131	Trần Tiến	Đạt	Nam	12/06/2009	9A8	
42	A9132	Trần Tuấn	Đạt	Nam	28/09/2009	9A6	
43	A9133	Trịnh Văn Tiến	Đạt	Nam	01/07/2009	9A14	
44	A9134	Trương Tấn	Đạt	Nam	02/11/2008	9A12	
45	A9135	Lương Hải	Đăng	Nam	06/08/2009	9A9	

Danh sách này có 45 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 4 - Khối 9

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A9136	Nguyễn Hải	Đăng	Nam	29/07/2009	9A9	
2	A9137	Nguyễn Phạm Trọng	Đăng	Nam	11/06/2009	9A11	
3	A9138	Nguyễn Vũ Hải	Đăng	Nam	23/05/2009	9A8	
4	A9139	Trần Bảo	Đăng	Nam	06/10/2009	9A12	
5	A9140	Hoàng Viết An	Đông	Nam	18/08/2009	9A3	
6	A9141	Lê Minh	Đức	Nam	03/06/2007	9A13	
7	A9142	Nguyễn Huỳnh	Đức	Nam	06/05/2009	9A3	
8	A9143	Nguyễn Thụy Khánh	Gia	Nữ	14/09/2009	9A11	
9	A9144	Cũng Thị Cẩm	Giang	Nữ	08/03/2009	9A2	
10	A9145	Đỗ Lê Hương	Giang	Nữ	17/05/2009	9A15	
11	A9146	Nguyễn Ngọc Trúc	Giang	Nữ	05/02/2009	9A10	
12	A9147	Phạm Ngọc	Giang	Nam	22/07/2009	9A13	
13	A9148	Lưu Thị Quỳnh	Giao	Nữ	18/02/2009	9A3	
14	A9149	Võ Văn	Giáp	Nam	09/12/2009	9A15	
15	A9150	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	Nữ	16/08/2009	9A2	
16	A9151	Phùng Vàng Ngọc	Giàu	Nữ	24/10/2009	9A12	
17	A9152	Đồng Lê Hải	Hà	Nữ	04/10/2009	9A8	
18	A9153	Nguyễn Thanh	Hà	Nam	09/04/2009	9A4	
19	A9154	Nguyễn Thanh	Hà	Nữ	01/03/2009	9A7	
20	A9155	Trần Ngân	Hà	Nữ	14/04/2009	9A9	
21	A9156	Vũ Thị Bích	Hà	Nữ	08/11/2008	9A13	
22	A9157	Nguyễn Nhật	Hạ	Nữ	02/07/2009	9A2	
23	A9158	Hoàng Ngọc	Hải	Nam	29/09/2009	9A11	
24	A9159	La Trung	Hải	Nam	18/10/2009	9A14	
25	A9160	Trần Thị Hồng	Hạnh	Nữ	20/07/2009	9A1	
26	A9161	Bùi Chí	Hào	Nam	22/10/2009	9A13	
27	A9162	Lê Nhựt	Hào	Nam	14/09/2009	9A16	
28	A9163	Nguyễn Minh	Hào	Nam	10/12/2009	9A7	
29	A9164	Phan Thanh	Hào	Nam	15/10/2009	9A14	
30	A9165	Dương Gia	Hảo	Nữ	23/11/2009	9A16	
31	A9166	Trần Văn	Hảo	Nam	13/10/2009	9A7	
32	A9167	Phạm Thị Thu	Hằng	Nữ	14/09/2009	9A3	
33	A9168	Trần Thị Thu	Hằng	Nữ	26/12/2009	9A4	
34	A9169	Hồng Gia	Hân	Nữ	25/01/2009	9A3	
35	A9170	Lê Ngọc Bảo	Hân	Nữ	11/06/2009	9A3	
36	A9171	Nguyễn Châu Bảo	Hân	Nữ	20/07/2009	9A1	
37	A9172	Phan Ngọc	Hân	Nữ	29/07/2009	9A8	
38	A9173	Trịnh Ngọc	Hân	Nữ	23/01/2009	9A6	
39	A9174	Trịnh Tuyết	Hân	Nữ	23/01/2009	9A6	
40	A9175	Phạm Hoàng	Hận	Nam	01/10/2009	9A12	
41	A9176	Lường Thị Hồng	Hậu	Nữ	18/04/2009	9A13	
42	A9177	Trần Nguyên Trung	Hậu	Nam	16/07/2009	9A1	
43	A9178	Hà Gia	Hiên	Nữ	15/03/2008	9A9	
44	A9179	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	02/02/2009	9A4	
45	A9180	Trần Văn	Hiền	Nam	19/03/2009	9A8	

Danh sách này có 45 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 5 - Khối 9

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A9181	Nguyễn Hùng	Hiệp	Nam	14/07/2009	9A4	
2	A9182	Đào Trung	Hiếu	Nam	09/08/2009	9A6	
3	A9183	Lê Thị Ngọc	Hiếu	Nữ	21/05/2009	9A10	
4	A9184	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	20/11/2009	9A11	
5	A9185	Trần Trung	Hiếu	Nam	02/10/2007	9A14	
6	A9186	Đặng Thị Tuyết	Hoa	Nữ	31/07/2009	9A6	
7	A9187	Nguyễn Đăng Khánh	Hòa	Nam	08/03/2009	9A14	
8	A9188	Lâm Việt	Hoàng	Nam	10/05/2009	9A14	
9	A9189	Trần Huy	Hoàng	Nam	21/08/2008	9A5	
10	A9190	Thái Văn	Học	Nam	28/03/2009	9A2	
11	A9191	Lê Đình	Hùng	Nam	06/12/2007	9A2	
12	A9192	Nguyễn Hoàng	Hùng	Nam	15/12/2009	9A12	
13	A9193	Nguyễn Phạm	Hùng	Nam	01/03/2009	9A16	
14	A9194	Trịnh Văn Phi	Hùng	Nam	05/10/2009	9A13	
15	A9195	Dương Gia	Huy	Nam	18/06/2009	9A1	
16	A9196	Đinh Đan	Huy	Nam	11/11/2009	9A8	
17	A9197	Hoàng Trần Nhất	Huy	Nam	02/02/2009	9A9	
18	A9198	Hồ Gia	Huy	Nam	26/04/2009	9A5	
19	A9199	Lê Đức	Huy	Nam	26/08/2007	9A13	
20	A9200	Lê Trần Phước	Huy	Nam	08/10/2009	9A5	
21	A9201	Mai Quốc	Huy	Nam	10/09/2008	9A15	
22	A9202	Nguyễn Bảo Gia	Huy	Nam	04/11/2008	9A10	
23	A9203	Nguyễn Gia	Huy	Nam	01/11/2009	9A10	
24	A9204	Nguyễn Nhật	Huy	Nam	20/11/2008	9A9	
25	A9205	Nguyễn Quang	Huy	Nam	29/08/2009	9A14	
26	A9206	Phạm Gia	Huy	Nam	23/09/2009	9A15	
27	A9207	Phạm Viết	Huy	Nam	02/03/2009	9A16	
28	A9208	Tạ Trần Quang	Huy	Nam	20/12/2009	9A2	
29	A9209	Tống Gia	Huy	Nam	02/08/2009	9A10	
30	A9210	Trần Hoàng	Huy	Nam	03/03/2009	9A8	
31	A9211	Trần Ngọc Linh	Huy	Nam	07/03/2009	9A16	
32	A9212	Trần Quang	Huy	Nam	25/03/2009	9A3	
33	A9213	Trương Gia	Huy	Nam	03/10/2008	9A11	
34	A9214	Hạ Trần Thu	Huyền	Nữ	10/05/2009	9A10	
35	A9215	Nguyễn Thanh	Huyền	Nữ	08/02/2009	9A8	
36	A9216	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	17/01/2009	9A4	
37	A9217	Vũ Thị Kim	Huyền	Nữ	23/02/2009	9A12	
38	A9218	Nguyễn Duy	Hưng	Nam	31/01/2009	9A7	
39	A9219	Hoàng Thị	Hương	Nữ	07/05/2009	9A1	
40	A9220	Nguyễn Quỳnh	Hương	Nữ	14/07/2009	9A14	
41	A9221	Trịnh Thị Mai	Hương	Nữ	04/02/2009	9A1	
42	A9222	Trương Thị Kim	Hương	Nữ	15/08/2009	9A5	
43	A9223	Đào Chí	Kha	Nam	16/10/2008	9A2	
44	A9224	Trịnh Minh	Khá	Nam	06/07/2009	9A12	
45	A9225	Đỗ Hoàng	Khang	Nam	10/10/2009	9A15	

Danh sách này có 45 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 6 - Khối 9

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A9226	Hoàng Duy	Khang	Nam	09/05/2009	9A6	
2	A9227	Lại Thế	Khang	Nam	04/02/2009	9A11	
3	A9228	Lê Tuấn	Khang	Nam	08/10/2009	9A10	
4	A9229	Nguyễn Nguyên	Khang	Nam	13/08/2009	9A8	
5	A9230	Nguyễn Trần Phúc	Khang	Nam	25/10/2009	9A2	
6	A9231	Nguyễn Vũ	Khang	Nam	22/10/2009	9A9	
7	A9232	Thái Bảo Nhựt	Khang	Nam	26/04/2009	9A1	
8	A9233	Trịnh Nguyễn Gia	Khang	Nam	22/10/2009	9A10	
9	A9234	Trương Gia	Khang	Nam	04/07/2009	9A15	
10	A9235	Võ Trường	Khang	Nam	12/09/2009	9A7	
11	A9236	Nguyễn Hoàng Duy	Khanh	Nam	25/10/2009	9A6	
12	A9237	Bùi Văn Phú	Khánh	Nam	26/09/2009	9A8	
13	A9238	Nguyễn Duy	Khánh	Nam	21/06/2009	9A8	
14	A9239	Phạm Gia	Khánh	Nam	02/10/2009	9A15	
15	A9240	Phạm Lê Quốc	Khánh	Nam	02/09/2009	9A7	
16	A9241	Tạ Đặng Quốc	Khánh	Nam	16/01/2009	9A9	
17	A9242	Trần Nhựt	Khánh	Nam	25/01/2009	9A7	
18	A9243	Trần Trung	Khánh	Nam	10/11/2009	9A10	
19	A9244	Võ Duy	Khánh	Nam	25/11/2009	9A4	
20	A9245	Nguyễn Quốc	Khiêm	Nam	14/07/2009	9A1	
21	A9246	Thạch Chí	Khiêm	Nam	26/05/2009	9A16	
22	A9247	Đỗ Đăng	Khoa	Nam	04/12/2009	9A14	
23	A9248	Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	05/04/2009	9A16	
24	A9249	Nguyễn Minh	Khoa	Nam	27/05/2009	9A11	
25	A9250	Nguyễn Minh	Khoa	Nam	13/08/2009	9A12	
26	A9251	Nguyễn Trọng	Khoa	Nam	25/01/2009	9A9	
27	A9252	Phạm Hải	Khoa	Nam	30/08/2009	9A13	
28	A9253	Lê Phú	Khôi	Nam	19/05/2007	9A14	
29	A9254	Phạm Anh	Khôi	Nam	13/05/2009	9A6	
30	A9255	Trần Thái Đăng	Khôi	Nam	30/04/2009	9A1	
31	A9256	Trần Trọng	Khôi	Nam	08/02/2009	9A9	
32	A9257	Nguyễn Anh	Khuê	Nữ	28/08/2009	9A15	
33	A9258	Nhan Đức	Khuyên	Nam	12/06/2009	9A9	
34	A9259	Nguyễn Trung	Kiên	Nam	03/07/2010	9A12	
35	A9260	Lư Hào	Kiệt	Nam	06/09/2009	9A12	
36	A9261	Nguyễn Cao Gia	Kiệt	Nam	23/04/2009	9A1	
37	A9262	Nguyễn Quốc	Kiệt	Nam	10/12/2008	9A12	
38	A9263	Nguyễn Tuấn	Kiệt	Nam	21/09/2009	9A13	
39	A9264	Huỳnh Hoàng	Kim	Nữ	27/09/2009	9A2	
40	A9265	Lê Thị Thiên	Kim	Nữ	25/11/2008	9A11	
41	A9266	Lý Thiên	Kim	Nữ	27/02/2009	9A15	
42	A9267	Võ Thiên	Kim	Nữ	09/08/2009	9A12	
43	A9268	Hồ Gia	Kỳ	Nam	29/04/2009	9A14	
44	A9269	Nguyễn Đăng	Kỳ	Nam	31/08/2009	9A3	
45	A9270	Trần Châu	Kỳ	Nam	13/07/2009	9A4	

Danh sách này có 45 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 7 - Khối 9

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A9271	Nguyễn Cao Minh	Kỷ	Nam	19/03/2009	9A2	
2	A9272	Lưu Gia	Lạc	Nam	05/10/2009	9A3	
3	A9273	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Lam	Nữ	01/01/2009	9A7	
4	A9274	Phan Thụy Hải	Lam	Nữ	05/08/2009	9A11	
5	A9275	Huỳnh Ngọc Yến	Lan	Nữ	10/08/2009	9A5	
6	A9276	Nguyễn Ngọc Hoàng	Lan	Nữ	17/07/2008	9A7	
7	A9277	Phạm Thị Mai	Lan	Nữ	13/07/2009	9A8	
8	A9278	Đào Thùy	Lâm	Nữ	02/04/2009	9A11	
9	A9279	Nguyễn Hoàng	Lâm	Nam	09/10/2009	9A13	
10	A9280	Nguyễn Tuấn	Lâm	Nam	24/01/2009	9A4	
11	A9281	Nguyễn Phước	Lập	Nam	19/07/2009	9A1	
12	A9282	Lê Thị Thy	Lệ	Nữ	01/03/2009	9A11	
13	A9283	Nguyễn Thị Ái	Liên	Nữ	10/04/2009	9A5	
14	A9284	Đào Thị Khánh	Linh	Nữ	08/08/2009	9A13	
15	A9285	Đặng Yến	Linh	Nữ	06/10/2009	9A3	
16	A9286	Hồ Thị Thùy	Linh	Nữ	19/08/2009	9A15	
17	A9287	Lê Thị Khánh	Linh	Nữ	31/07/2009	9A16	
18	A9288	Lê Trần Hà	Linh	Nữ	25/08/2009	9A4	
19	A9289	Lợi Nhật	Linh	Nữ	11/11/2009	9A6	
20	A9290	Nguyễn Mai	Linh	Nữ	07/10/2009	9A11	
21	A9291	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	20/08/2009	9A5	
22	A9292	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	23/12/2009	9A6	
23	A9293	Tăng Thị Thùy	Linh	Nữ	12/08/2009	9A13	
24	A9294	Trần Ngọc Gia	Linh	Nữ	06/02/2009	9A14	
25	A9295	Trần Phương	Linh	Nữ	22/07/2009	9A8	
26	A9296	Võ Thùy	Linh	Nữ	11/04/2009	9A14	
27	A9297	Mai Trúc	Loan	Nữ	21/03/2009	9A10	
28	A9298	Huỳnh Bảo	Long	Nam	29/05/2009	9A2	
29	A9299	Nguyễn Hoàng	Long	Nam	14/12/2009	9A14	
30	A9300	Nguyễn Hoàng Phi	Long	Nam	09/11/2007	9A2	
31	A9301	Nguyễn Ngọc Bảo	Long	Nam	11/07/2009	9A10	
32	A9302	Nguyễn Tăng Thành	Long	Nam	21/09/2009	9A6	
33	A9303	Nguyễn Thành	Long	Nam	26/03/2009	9A5	
34	A9304	Phan Ngọc	Long	Nam	28/12/2008	9A14	
35	A9305	Phan Nhật	Long	Nam	12/08/2009	9A15	
36	A9306	Bùi Đức	Lộc	Nam	29/07/2009	9A14	
37	A9307	Nguyễn Bá Đa	Lộc	Nam	11/04/2009	9A16	
38	A9308	Nguyễn Hữu	Lộc	Nam	21/10/2009	9A1	
39	A9309	Nguyễn Tài	Lộc	Nam	26/08/2009	9A13	
40	A9310	Phạm Bảo	Lộc	Nam	08/08/2009	9A7	
41	A9311	Trần Minh	Lộc	Nam	04/03/2008	9A11	
42	A9312	Vương Tấn	Lộc	Nam	24/01/2009	9A7	
43	A9313	Hồ Sỹ	Luân	Nam	29/08/2009	9A15	
44	A9314	Lê	Luân	Nam	25/10/2009	9A10	
45	A9315	Phan Hiền	Lương	Nam	27/06/2008	9A1	

Danh sách này có 45 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 8 - Khối 9

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A9316	K	Ly	Nam	23/03/2008	9A10	
2	A9317	Trần Thị Cẩm	Ly	Nữ	06/09/2009	9A1	
3	A9318	Trần Am	Ma	Nữ	22/03/2008	9A16	
4	A9319	Lê Ngọc Phương	Mai	Nữ	05/08/2009	9A5	
5	A9320	Tô Huỳnh Thiên	Mai	Nữ	10/10/2009	9A15	
6	A9321	Cao Duy	Mạnh	Nam	05/09/2009	9A1	
7	A9322	Cao Quốc	Mạnh	Nam	05/09/2009	9A1	
8	A9323	Nguyễn Viết	Mạnh	Nam	08/02/2009	9A6	
9	A9324	Huỳnh Minh	Mẫn	Nam	13/02/2008	9A11	
10	A9325	Nguyễn Thị Diễm	Mi	Nữ	29/07/2009	9A14	
11	A9326	Trần Hậu Hồng	Mi	Nữ	22/10/2009	9A2	
12	A9327	Cao Tuấn	Minh	Nam	02/05/2009	9A2	
13	A9328	Đặng Ngọc	Minh	Nam	16/09/2009	9A4	
14	A9329	Lê Đình Bảo	Minh	Nam	27/01/2009	9A1	
15	A9330	Ngô Gia	Minh	Nam	07/09/2008	9A7	
16	A9331	Nguyễn Văn	Minh	Nam	20/08/2009	9A15	
17	A9332	Phan Lâm	Minh	Nam	10/03/2009	9A3	
18	A9333	Bạch Trà	My	Nữ	09/02/2009	9A2	
19	A9334	Đào Hoàng Hà	My	Nữ	20/03/2009	9A10	
20	A9335	Hồ Võ Trà	My	Nữ	22/12/2008	9A16	
21	A9336	Lê Nguyễn Trà	My	Nữ	26/09/2009	9A11	
22	A9337	Nguyễn Ngọc Trà	My	Nữ	28/02/2009	9A9	
23	A9338	Trần Diễm	My	Nữ	14/09/2009	9A12	
24	A9339	Trần Lường Thị Trà	My	Nữ	11/08/2007	9A16	
25	A9340	Trần Thị Hà	My	Nữ	23/04/2009	9A15	
26	A9341	Trần Thị Thảo	My	Nữ	29/07/2009	9A4	
27	A9342	Trần Thị Uyển	My	Nữ	08/04/2009	9A5	
28	A9343	Trương Thị Trà	My	Nữ	13/02/2009	9A7	
29	A9344	Huỳnh Thiện	Mỹ	Nữ	16/06/2009	9A8	
30	A9345	Nguyễn Hoàng Ly	Na	Nữ	22/11/2009	9A14	
31	A9346	Lê Nhật	Nam	Nam	29/03/2009	9A5	
32	A9347	Lê Sỹ	Nam	Nam	17/04/2009	9A3	
33	A9348	Lý Hải	Nam	Nam	10/11/2009	9A5	
34	A9349	Nguyễn Bảo	Nam	Nam	04/09/2009	9A11	
35	A9350	Nguyễn Hoàng	Nam	Nam	15/07/2009	9A15	
36	A9351	Nguyễn Văn	Nam	Nam	23/04/2009	9A5	
37	A9352	Nguyễn Văn	Nam	Nam	23/05/2009	9A16	
38	A9353	Phạm Trần Phương	Nam	Nam	20/10/2009	9A11	
39	A9354	Tạ Như	Nam	Nam	16/10/2009	9A2	
40	A9355	Trần Đình	Nam	Nam	14/08/2009	9A5	
41	A9356	Triệu Đình	Nam	Nam	18/06/2009	9A11	
42	A9357	Vũ Bảo	Nam	Nam	30/03/2009	9A9	
43	A9358	Bùi Hạnh	Ngân	Nữ	22/09/2009	9A3	
44	A9359	Lê Hoài Kim	Ngân	Nữ	28/01/2009	9A3	
45	A9360	Lê Thị Thanh	Ngân	Nữ	28/02/2009	9A9	

Danh sách này có 45 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 9 - Khối 9

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A9361	Nguyễn Đỗ Thiên	Ngân	Nữ	09/12/2009	9A15	
2	A9362	Nguyễn Ngọc	Ngân	Nữ	19/12/2009	9A14	
3	A9363	Nguyễn Thanh	Ngân	Nữ	27/06/2009	9A9	
4	A9364	Trần Mỹ	Ngân	Nữ	03/02/2009	9A6	
5	A9365	Trần Thị Ngọc	Ngân	Nữ	29/10/2009	9A16	
6	A9366	Trần Thị Thanh	Ngân	Nữ	06/12/2009	9A3	
7	A9367	Võ Thanh	Ngân	Nữ	02/12/2009	9A12	
8	A9368	Danh Phương	Nghi	Nữ	27/07/2009	9A3	
9	A9369	Đặng Lai	Nghi	Nữ	15/10/2009	9A3	
10	A9370	Chu Ánh	Ngọc	Nữ	05/09/2009	9A1	
11	A9371	Đào Khánh	Ngọc	Nữ	15/08/2009	9A11	
12	A9372	Đào Thị Bảo	Ngọc	Nữ	08/07/2009	9A12	
13	A9373	Đoàn Bảo	Ngọc	Nữ	04/11/2009	9A10	
14	A9374	Đỗ Kim	Ngọc	Nữ	28/02/2009	9A14	
15	A9375	Huỳnh Tấn	Ngọc	Nam	24/09/2009	9A7	
16	A9376	Lê Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	14/02/2009	9A10	
17	A9377	Nguyễn Hồng	Ngọc	Nữ	24/10/2009	9A2	
18	A9378	Nguyễn Khánh	Ngọc	Nữ	17/06/2009	9A7	
19	A9379	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc	Nữ	10/01/2009	9A10	
20	A9380	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc	Nữ	26/11/2009	9A11	
21	A9381	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	26/01/2009	9A12	
22	A9382	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	Nữ	23/09/2009	9A4	
23	A9383	Nguyễn Thị Như	Ngọc	Nữ	16/07/2009	9A3	
24	A9384	Nguyễn Thị Thảo	Ngọc	Nữ	04/05/2009	9A11	
25	A9385	Phạm Nguyễn Như	Ngọc	Nữ	21/10/2009	9A15	
26	A9386	Trần Trịnh Bảo	Ngọc	Nữ	27/09/2009	9A6	
27	A9387	Văn Trần Hương	Ngọc	Nữ	20/10/2009	9A9	
28	A9388	Võ Kim	Ngọc	Nữ	16/09/2009	9A11	
29	A9389	Lê Trần Nam	Nguyên	Nam	21/06/2009	9A4	
30	A9390	Lương Minh Gia	Nguyên	Nữ	08/08/2009	9A6	
31	A9391	Nguyễn Nhất Thảo	Nguyên	Nữ	20/06/2009	9A13	
32	A9392	Trần Thị Cao	Nguyên	Nữ	13/11/2009	9A14	
33	A9393	Trịnh Công	Nguyên	Nam	16/09/2008	9A9	
34	A9394	Phạm Thị	Nguyệt	Nữ	09/01/2009	9A16	
35	A9395	Đỗ Thị Thanh	Nhàn	Nữ	22/07/2009	9A2	
36	A9396	Lê Thanh	Nhân	Nam	15/08/2009	9A14	
37	A9397	Lê Văn	Nhân	Nam	19/01/2009	9A8	
38	A9398	Lương Thành	Nhân	Nam	11/07/2009	9A3	
39	A9399	Nguyễn Lê Hoàng	Nhân	Nam	22/01/2009	9A5	
40	A9400	Nguyễn Thành	Nhân	Nam	18/08/2009	9A7	
41	A9401	Nguyễn Thiện	Nhân	Nam	09/10/2009	9A6	
42	A9402	Nguyễn Trọng	Nhân	Nam	28/06/2009	9A3	
43	A9403	Quách Thành	Nhân	Nam	16/10/2009	9A16	
44	A9404	Quyền Hoàng	Nhân	Nam	10/09/2009	9A16	
45	A9405	Trần Thiện	Nhân	Nam	21/02/2009	9A6	

Danh sách này có 45 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 10 - Khối 9

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A9406	Huỳnh Khánh	Nhật	Nam	29/12/2009	9A12	
2	A9407	Nguyễn Hồ Long	Nhật	Nam	08/06/2009	9A10	
3	A9408	Trương Phương Hồng	Nhật	Nam	04/12/2009	9A1	
4	A9409	Dương Nguyễn Tuyết	Nhi	Nữ	15/05/2009	9A13	
5	A9410	Hồ Đặng Uyển	Nhi	Nữ	17/08/2009	9A12	
6	A9411	Hồ Thị Ngọc	Nhi	Nữ	10/06/2009	9A15	
7	A9412	Huỳnh Nguyễn	Nhi	Nữ	03/11/2009	9A8	
8	A9413	Lê Phạm Phương	Nhi	Nữ	21/06/2009	9A12	
9	A9414	Nguyễn Giang	Nhi	Nữ	01/01/2009	9A14	
10	A9415	Nguyễn Hoài Bảo	Nhi	Nữ	06/03/2009	9A16	
11	A9416	Nguyễn Hoàng Lan	Nhi	Nữ	18/04/2009	9A1	
12	A9417	Nguyễn Huỳnh Yến	Nhi	Nữ	24/01/2009	9A4	
13	A9418	Nguyễn Linh	Nhi	Nữ	01/01/2009	9A14	
14	A9419	Nguyễn Thanh	Nhi	Nữ	22/01/2009	9A15	
15	A9420	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	12/12/2009	9A9	
16	A9421	Phạm Mai Yến	Nhi	Nữ	26/10/2009	9A16	
17	A9422	Phạm Thiên	Nhi	Nữ	30/03/2009	9A4	
18	A9423	Phạm Yến	Nhi	Nữ	02/07/2009	9A6	
19	A9424	Phan Thị Ngọc	Nhi	Nữ	17/02/2009	9A7	
20	A9425	Thái Thị Yến	Nhi	Nữ	24/01/2009	9A11	
21	A9426	Trịnh Yến	Nhi	Nữ	03/12/2009	9A4	
22	A9427	Nguyễn Thùy	Nhung	Nữ	27/09/2009	9A7	
23	A9428	Trần Thị Hồng	Nhung	Nữ	22/08/2009	9A2	
24	A9429	Dương Thị Quỳnh	Như	Nữ	29/10/2009	9A14	
25	A9430	Đặng Thị Quỳnh	Như	Nữ	15/05/2009	9A5	
26	A9431	Đỗ Huỳnh	Như	Nữ	28/08/2009	9A13	
27	A9432	Hồ Thị Quỳnh	Như	Nữ	04/09/2009	9A14	
28	A9433	Huỳnh Thị Phi	Như	Nữ	02/09/2009	9A4	
29	A9434	Lê Huyền Yến	Như	Nữ	29/06/2009	9A1	
30	A9435	Lê Huỳnh	Như	Nữ	27/07/2007	9A7	
31	A9436	Lê Tâm	Như	Nữ	25/12/2009	9A13	
32	A9437	Lương Quỳnh	Như	Nữ	18/07/2009	9A8	
33	A9438	Ngô Thị Quỳnh	Như	Nữ	09/10/2009	9A13	
34	A9439	Nguyễn Huỳnh Tố	Như	Nữ	21/07/2009	9A4	
35	A9440	Nguyễn Lữ Tâm	Như	Nữ	26/09/2009	9A10	
36	A9441	Nguyễn Lý Tuyết	Như	Nữ	22/01/2009	9A5	
37	A9442	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	Nữ	24/12/2009	9A8	
38	A9443	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	Nữ	12/07/2009	9A9	
39	A9444	Trần Hải Huỳnh	Như	Nữ	01/12/2009	9A1	
40	A9445	Trần Thị Tâm	Như	Nữ	25/05/2009	9A2	
41	A9446	Trương Ngọc Tố	Như	Nữ	19/06/2009	9A7	
42	A9447	Võ Đoàn Tâm	Như	Nữ	01/03/2009	9A10	
43	A9448	Đặng Minh	Nhựt	Nam	20/07/2009	9A11	
44	A9449	Đỗ Thị Kiều	Oanh	Nữ	21/08/2009	9A1	
45	A9450	Lê Thị Kim	Oanh	Nữ	14/07/2009	9A1	

Danh sách này có 45 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 11 - Khối 9

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A9451	Cao Văn	Phát	Nam	07/06/2009	9A3	
2	A9452	Đàm Xuân	Phát	Nam	21/07/2009	9A7	
3	A9453	Lương Hữu	Phát	Nam	26/06/2008	9A9	
4	A9454	Trần Mạnh	Phát	Nam	26/11/2009	9A8	
5	A9455	Trần Ngọc	Phát	Nam	01/08/2008	9A12	
6	A9456	Trần Tấn	Phát	Nam	26/03/2009	9A16	
7	A9457	Vũ Kim	Phát	Nam	16/12/2009	9A11	
8	A9458	Dương Đức Tiến	Phong	Nam	01/01/2009	9A16	
9	A9459	Lê Hùng Đình	Phong	Nam	14/03/2009	9A4	
10	A9460	Lê Nhật	Phong	Nam	22/03/2009	9A9	
11	A9461	Nguyễn Gia	Phong	Nam	01/08/2009	9A16	
12	A9462	Nguyễn Thái	Phong	Nam	27/08/2009	9A14	
13	A9463	Phan Hữu	Phong	Nam	09/09/2009	9A2	
14	A9464	Trần Thanh	Phong	Nam	20/03/2008	9A2	
15	A9465	Huỳnh Thiên	Phú	Nam	27/08/2009	9A12	
16	A9466	Nguyễn Trần	Phú	Nam	11/11/2009	9A1	
17	A9467	Dương Gia	Phúc	Nam	08/09/2009	9A8	
18	A9468	Lại Thanh	Phúc	Nữ	30/03/2009	9A11	
19	A9469	Lê Công	Phúc	Nam	01/07/2009	9A1	
20	A9470	Lê Công	Phúc	Nam	10/09/2009	9A16	
21	A9471	Lê Thiên	Phúc	Nam	14/08/2009	9A15	
22	A9472	Lê Trường Hoàng	Phúc	Nam	06/05/2008	9A9	
23	A9473	Mai Thiên	Phúc	Nam	17/10/2009	9A13	
24	A9474	Nguyễn Hoài	Phúc	Nam	21/06/2009	9A3	
25	A9475	Nguyễn Lê Hoàng	Phúc	Nam	10/10/2009	9A10	
26	A9476	Nguyễn Lê Hồng	Phúc	Nam	27/10/2009	9A4	
27	A9477	Phạm Minh	Phúc	Nam	22/01/2009	9A13	
28	A9478	Phạm Thị Hoàng	Phúc	Nữ	11/08/2009	9A11	
29	A9479	Quyền Đình	Phúc	Nam	17/02/2009	9A7	
30	A9480	Trương Hoàng	Phúc	Nam	01/07/2009	9A7	
31	A9481	Văn Hoàng	Phúc	Nam	30/04/2009	9A2	
32	A9482	Võ Nguyễn Bảo	Phúc	Nam	16/12/2009	9A5	
33	A9483	Huỳnh Thiện	Phước	Nam	09/04/2009	9A8	
34	A9484	Lê Phạm Thiên	Phước	Nam	24/02/2009	9A3	
35	A9485	Lê Trọng	Phước	Nam	28/11/2009	9A5	
36	A9486	Phạm Bình	Phước	Nam	01/04/2009	9A8	
37	A9487	Cấn Thị Ngọc	Phương	Nữ	16/11/2009	9A7	
38	A9488	Đỗ Thị Tuyết	Phương	Nữ	30/12/2008	9A3	
39	A9489	Lê Nguyễn Kim	Phương	Nữ	13/11/2009	9A8	
40	A9490	Nguyễn Bùi Trúc	Phương	Nữ	26/05/2009	9A2	
41	A9491	Trần Hoàng	Phương	Nam	19/11/2009	9A13	
42	A9492	Võ Thị Quỳnh	Phương	Nữ	13/12/2009	9A13	
43	A9493	Huỳnh Đăng	Quang	Nam	16/09/2009	9A10	
44	A9494	Lê Thái Minh	Quang	Nam	03/03/2009	9A7	
45	A9495	Nguyễn Minh	Quang	Nam	09/03/2009	9A6	

Danh sách này có 45 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 12 - Khối 9

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A9496	Hà Văn	Quân	Nam	22/10/2008	9A4	
2	A9497	Hoàng Mạnh	Quân	Nam	19/01/2009	9A16	
3	A9498	Hoàng Minh	Quân	Nam	23/08/2009	9A1	
4	A9499	Nguyễn Minh	Quân	Nam	17/07/2009	9A13	
5	A9500	Phan Mẫn	Quân	Nam	21/03/2009	9A13	
6	A9501	Huỳnh Nguyễn Phú	Quốc	Nam	18/08/2009	9A6	
7	A9502	Mai Đại	Quốc	Nam	16/08/2009	9A11	
8	A9503	Phạm Gia	Quy	Nam	25/01/2009	9A10	
9	A9504	Trần Phước	Quy	Nam	14/04/2009	9A2	
10	A9505	Lê Nguyễn Ngọc	Quý	Nữ	14/02/2009	9A10	
11	A9506	Trần Tứ	Quý	Nam	06/02/2009	9A5	
12	A9507	Đỗ Thị Phương	Quyên	Nữ	09/12/2009	9A9	
13	A9508	Huỳnh Ngọc Trúc	Quyên	Nữ	27/05/2009	9A7	
14	A9509	Lê Hoàng Bảo	Quyên	Nữ	06/09/2009	9A16	
15	A9510	Nguyễn Ngọc Diễm	Quyên	Nữ	10/10/2009	9A13	
16	A9511	Từ Huệ	Quyên	Nữ	24/10/2009	9A8	
17	A9512	Lê Sơn Quý	Quyền	Nam	05/09/2009	9A2	
18	A9513	Nguyễn Văn	Quyến	Nam	20/05/2009	9A1	
19	A9514	Bùi Thị	Quỳnh	Nữ	25/09/2009	9A6	
20	A9515	Lưu Nguyễn Nhã	Quỳnh	Nữ	26/06/2009	9A13	
21	A9516	Nguyễn Mộng	Quỳnh	Nữ	31/08/2009	9A9	
22	A9517	Nguyễn Minh	Sang	Nam	22/12/2009	9A8	
23	A9518	Nguyễn Phước	Sang	Nam	15/08/2009	9A2	
24	A9519	Nguyễn Văn	Sang	Nam	26/08/2009	9A6	
25	A9520	Đào Hồng	Son	Nữ	15/09/2009	9A9	
26	A9521	Phan Trung	Sơn	Nam	23/12/2009	9A5	
27	A9522	Hoàng Dương	Sỹ	Nam	01/05/2008	9A4	
28	A9523	Liên Tấn	Tài	Nam	26/02/2009	9A11	
29	A9524	Ngô Thành	Tài	Nam	14/03/2008	9A15	
30	A9525	Nguyễn Tấn	Tài	Nam	08/05/2009	9A2	
31	A9526	Nguyễn Tấn	Tài	Nam	19/06/2009	9A8	
32	A9527	Nguyễn Thành	Tài	Nam	15/02/2009	9A8	
33	A9528	Vương Tấn	Tài	Nam	24/01/2009	9A7	
34	A9529	Hán Trần Minh	Tâm	Nữ	19/10/2009	9A11	
35	A9530	Nguyễn Ngọc Thanh	Tâm	Nữ	03/03/2009	9A16	
36	A9531	Phạm Thị Thanh	Tâm	Nữ	23/02/2009	9A1	
37	A9532	Nguyễn Nhật	Tân	Nam	26/01/2009	9A11	
38	A9533	Trần Công	Tân	Nam	20/04/2009	9A5	
39	A9534	Lê Hồng	Thái	Nam	18/05/2009	9A3	
40	A9535	Phan Bá	Thái	Nam	24/04/2009	9A12	
41	A9536	Nguyễn Thị Hà	Thanh	Nữ	05/01/2009	9A3	
42	A9537	Phạm Ngọc Mai	Thanh	Nữ	11/08/2009	9A14	
43	A9538	Từ Thiện	Thanh	Nữ	04/02/2009	9A9	
44	A9539	Dương Tiến	Thành	Nam	27/06/2009	9A2	
45	A9540	Huỳnh Vương Tấn	Thành	Nam	15/04/2009	9A13	

Danh sách này có 45 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 13 - Khối 9

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A9541	Nguyễn Huỳnh Nhật	Thành	Nam	16/10/2009	9A8	
2	A9542	Nguyễn Lê Minh	Thành	Nam	26/03/2009	9A5	
3	A9543	Nguyễn Thiện	Thành	Nam	07/07/2009	9A7	
4	A9544	Huỳnh Thanh	Thảo	Nữ	07/02/2009	9A6	
5	A9545	Huỳnh Thị Thu	Thảo	Nữ	04/04/2008	9A7	
6	A9546	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	Nữ	06/01/2009	9A2	
7	A9547	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	01/07/2009	9A3	
8	A9548	Phạm Bé	Thảo	Nữ	01/01/2009	9A13	
9	A9549	Thạch Thị Thanh	Thảo	Nữ	03/10/2009	9A14	
10	A9550	Trần Ngọc Kim	Thảo	Nữ	12/04/2009	9A15	
11	A9551	Trần Phương	Thảo	Nữ	03/08/2008	9A9	
12	A9552	Nguyễn Hữu	Thắng	Nam	27/08/2009	9A15	
13	A9553	Nguyễn Quỳnh Bảo	Thi	Nữ	27/02/2009	9A5	
14	A9554	Phan Ngọc	Thi	Nữ	08/07/2009	9A5	
15	A9555	Đặng Hải	Thiêm	Nam	09/01/2009	9A10	
16	A9556	Huỳnh Đức	Thiện	Nam	23/08/2009	9A4	
17	A9557	Lê Hoàng	Thiện	Nam	01/10/2009	9A12	
18	A9558	Nguyễn Chí	Thiện	Nam	19/05/2009	9A15	
19	A9559	Phạm Tống Minh	Thiện	Nam	20/08/2009	9A15	
20	A9560	Dịp Phạm Cường	Thịnh	Nam	17/11/2009	9A13	
21	A9561	Nguyễn Đỗ Hữu	Thịnh	Nam	23/05/2009	9A7	
22	A9562	Trương Hoài	Thịnh	Nam	28/04/2009	9A16	
23	A9563	Nguyễn Thanh	Thoa	Nữ	25/01/2009	9A16	
24	A9564	Lê Gia	Thoại	Nam	30/01/2009	9A2	
25	A9565	Đoàn Hồng	Thơ	Nữ	24/02/2009	9A6	
26	A9566	Trần Thị Anh	Thơ	Nữ	08/02/2009	9A12	
27	A9567	Hồ Thị Ngọc	Thuận	Nữ	17/02/2009	9A13	
28	A9568	Lê Minh	Thuận	Nam	24/09/2009	9A11	
29	A9569	Lê Thị Hồng	Thuận	Nữ	29/05/2009	9A15	
30	A9570	Phạm Trần Gia	Thuận	Nữ	09/02/2009	9A5	
31	A9571	Tống Thọ	Thủy	Nam	22/06/2009	9A3	
32	A9572	Lê Thị Thanh	Thúy	Nữ	15/12/2008	9A10	
33	A9573	Nguyễn Thanh	Thúy	Nữ	18/10/2009	9A1	
34	A9574	Hồ Hoàng	Thư	Nữ	01/02/2009	9A4	
35	A9575	Lê Ngọc Anh	Thư	Nữ	10/04/2009	9A2	
36	A9576	Nguyễn Lê Anh	Thư	Nữ	09/01/2009	9A9	
37	A9577	Phạm Nguyễn Song	Thư	Nữ	14/12/2009	9A2	
38	A9578	Tô Kiều Anh	Thư	Nữ	30/07/2009	9A12	
39	A9579	Trần Thị Anh	Thư	Nữ	10/12/2009	9A13	
40	A9580	Võ Lê Anh	Thư	Nữ	15/02/2008	9A9	
41	A9581	Vũ Hoàng Anh	Thư	Nữ	22/11/2009	9A15	
42	A9582	Nguyễn Hà Ngân	Thương	Nữ	11/04/2009	9A2	
43	A9583	Nguyễn Thị Minh	Thương	Nữ	03/10/2009	9A16	
44	A9584	Lê Ngọc Bảo	Thy	Nữ	29/12/2009	9A4	

Danh sách này có 44 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 14 - Khối 9

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A9585	Lê Thị Mai	Thy	Nữ	27/08/2009	9A2	
2	A9586	Nguyễn Anh	Thy	Nữ	03/07/2009	9A16	
3	A9587	Võ Minh	Thy	Nữ	23/02/2009	9A11	
4	A9588	Vũ Khánh	Thy	Nữ	30/04/2009	9A16	
5	A9589	Hoàng Thị Mỹ	Tiên	Nữ	15/09/2009	9A1	
6	A9590	Lê Thị Thủy	Tiên	Nữ	05/04/2009	9A3	
7	A9591	Hà Thị	Tiền	Nữ	11/07/2009	9A3	
8	A9592	Vương Thị Thanh	Tiền	Nữ	25/11/2009	9A14	
9	A9593	Trần Nguyễn Đức	Tiến	Nam	11/01/2009	9A13	
10	A9594	Phan Thành	Tín	Nam	24/08/2009	9A15	
11	A9595	Lê Hữu	Tình	Nam	18/03/2009	9A7	
12	A9596	Lê Trọng	Tình	Nam	05/10/2009	9A8	
13	A9597	Nguyễn Minh	Tình	Nam	02/03/2009	9A9	
14	A9598	Nguyễn Lê Điềm	Tĩnh	Nam	16/08/2009	9A9	
15	A9599	Nguyễn Việt	Tính	Nam	17/07/2009	9A3	
16	A9600	Nguyễn Trọng	Toàn	Nam	09/10/2009	9A10	
17	A9601	Trần Quốc	Toàn	Nam	02/08/2008	9A15	
18	A9602	Vũ Đức	Toàn	Nam	01/01/2009	9A10	
19	A9603	Nguyễn Văn	Tony	Nam	20/02/2008	9A2	
20	A9604	Bùi Thị Huyền	Trang	Nữ	26/09/2009	9A5	
21	A9605	Châu Thị Yến	Trang	Nữ	09/09/2009	9A16	
22	A9606	Đặng Thị Huyền	Trang	Nữ	09/01/2009	9A5	
23	A9607	Đỗ Thị	Trang	Nữ	07/10/2009	9A15	
24	A9608	Hà Hoàng Phương	Trang	Nữ	12/06/2009	9A2	
25	A9609	Lê Thị Huỳnh	Trang	Nữ	09/03/2009	9A8	
26	A9610	Nguyễn Hương	Trang	Nữ	14/12/2009	9A4	
27	A9611	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	06/04/2009	9A7	
28	A9612	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	30/04/2009	9A15	
29	A9613	Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	03/05/2009	9A9	
30	A9614	Trần Thị Thùy	Trang	Nữ	21/05/2009	9A11	
31	A9615	Vi Phương	Trang	Nữ	08/05/2009	9A8	
32	A9616	Bùi Thị Bảo	Trâm	Nữ	21/01/2009	9A4	
33	A9617	Đinh Nguyễn Thùy	Trâm	Nữ	01/08/2009	9A12	
34	A9618	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	Nữ	28/11/2009	9A3	
35	A9619	Phùng Nguyễn Quỳnh	Trâm	Nữ	21/08/2009	9A9	
36	A9620	Võ Ngọc Quỳnh	Trâm	Nữ	22/03/2009	9A10	
37	A9621	Vương Bảo	Trâm	Nữ	17/03/2009	9A13	
38	A9622	Hoàng Ngọc Bảo	Trân	Nữ	26/04/2009	9A5	
39	A9623	Nguyễn Thị Bảo	Trân	Nữ	23/08/2009	9A15	
40	A9624	Trần Quỳnh Bảo	Trân	Nữ	12/10/2009	9A10	
41	A9625	Đỗ Ngọc Minh	Trí	Nam	14/11/2009	9A10	
42	A9626	Lê Minh	Trí	Nam	31/07/2009	9A12	
43	A9627	Sú Duy	Trí	Nam	04/09/2009	9A8	
44	A9628	Võ Minh	Trí	Nam	15/01/2009	9A14	

Danh sách này có 44 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 15 - Khối 9

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A9629	Nguyễn Hữu	Triển	Nam	21/11/2009	9A2	
2	A9630	Cao Danh	Triết	Nam	20/09/2009	9A16	
3	A9631	Nguyễn Minh	Triết	Nam	20/01/2009	9A14	
4	A9632	Nguyễn Minh	Triết	Nam	17/08/2009	9A15	
5	A9633	Lê Minh	Triệu	Nam	18/10/2009	9A13	
6	A9634	Lưu Hoàng Thục	Trinh	Nữ	27/03/2009	9A9	
7	A9635	Ngô Tú	Trinh	Nữ	19/11/2009	9A14	
8	A9636	Tăng Thị Ngọc	Trinh	Nữ	14/11/2009	9A13	
9	A9637	Văn Tú	Trinh	Nữ	07/07/2008	9A10	
10	A9638	Đặng Thủy	Trúc	Nữ	04/07/2009	9A7	
11	A9639	Nguyễn Thanh	Trúc	Nữ	24/06/2009	9A12	
12	A9640	Phạm Thị Thanh	Trúc	Nữ	02/07/2009	9A2	
13	A9641	Phan Thị Thanh	Trúc	Nữ	11/10/2009	9A10	
14	A9642	Đỗ Quốc	Trung	Nam	07/09/2009	9A6	
15	A9643	Huỳnh Thiện	Trung	Nam	19/12/2009	9A9	
16	A9644	Lê Minh	Trung	Nam	16/08/2009	9A14	
17	A9645	Nguyễn Hồng	Trung	Nam	08/02/2009	9A2	
18	A9646	Nguyễn Nam	Trung	Nam	21/09/2009	9A11	
19	A9647	Trần Khánh	Trung	Nam	13/03/2009	9A14	
20	A9648	Hà Quốc	Trường	Nam	09/03/2009	9A3	
21	A9649	Trần Minh	Trường	Nam	05/07/2009	9A5	
22	A9650	Nghiêm Hoàng Minh	Tú	Nam	11/11/2009	9A14	
23	A9651	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	Nữ	15/01/2009	9A13	
24	A9652	Nguyễn Thị Minh	Tú	Nữ	01/11/2009	9A5	
25	A9653	Hoàng Thái	Tuấn	Nam	07/05/2009	9A8	
26	A9654	Hồ Minh	Tuấn	Nam	29/11/2009	9A12	
27	A9655	Lê Quang	Tuấn	Nam	20/04/2009	9A1	
28	A9656	Ngô Thanh	Tuấn	Nam	10/07/2009	9A8	
29	A9657	Nguyễn Bùi Đức	Tuấn	Nam	09/03/2009	9A12	
30	A9658	Nguyễn Văn Anh	Tuấn	Nam	26/05/2009	9A14	
31	A9659	Phạm Thanh	Tuấn	Nam	21/04/2009	9A14	
32	A9660	Trần Anh	Tuấn	Nam	10/12/2009	9A11	
33	A9661	Trần Hoàng	Tuấn	Nam	23/11/2009	9A9	
34	A9662	Nhan Thanh	Tùng	Nam	27/09/2009	9A6	
35	A9663	Trần Thanh	Tùng	Nam	26/06/2009	9A3	
36	A9664	Nguyễn Thanh	Tuyền	Nữ	15/07/2009	9A13	
37	A9665	Nguyễn Thị Kim	Tuyền	Nữ	22/11/2009	9A15	
38	A9666	Nguyễn Ngọc Ánh	Tuyết	Nữ	05/10/2009	9A5	
39	A9667	Lê Cát	Tường	Nữ	20/10/2009	9A9	
40	A9668	Lê Hữu	Tường	Nam	11/09/2009	9A8	
41	A9669	Nguyễn Tiến	Tường	Nam	12/02/2009	9A8	
42	A9670	Trương Vĩnh	Tường	Nam	28/05/2009	9A13	
43	A9671	Khổng Ngọc Bích	Uyên	Nữ	13/08/2009	9A9	
44	A9672	Lê Phương	Uyên	Nữ	03/06/2009	9A7	

Danh sách này có 44 học sinh.

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
GIỮA KỲ 1
Khóa ngày: 06/11/2023-10/11/2023

DANH SÁCH HỌC SINH
Phòng 16 - Khối 9

STT	SBD	Họ và tên học sinh		Giới	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	A9673	Kim Thị	Vân	Nữ	03/09/2009	9A10	
2	A9674	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	Nữ	25/12/2009	9A2	
3	A9675	Bùi Thị Yến	Vi	Nữ	19/03/2009	9A5	
4	A9676	Hồ Tường	Vi	Nữ	06/01/2009	9A16	
5	A9677	Nguyễn Đăng	Vĩ	Nam	18/05/2009	9A4	
6	A9678	Đoàn Quốc	Việt	Nam	17/11/2009	9A7	
7	A9679	Nguyễn Quang	Vinh	Nam	14/11/2009	9A3	
8	A9680	Nguyễn Quang	Vinh	Nam	01/03/2009	9A4	
9	A9681	Dương Thành	Vũ	Nam	11/07/2009	9A9	
10	A9682	Hoàng Anh	Vũ	Nam	08/12/2009	9A16	
11	A9683	Nguyễn Đình	Vũ	Nam	22/12/2009	9A4	
12	A9684	Trần Gia	Vũ	Nam	23/01/2009	9A7	
13	A9685	Bùi Lương Khánh	Vy	Nữ	30/07/2009	9A4	
14	A9686	Bùi Trần Thảo	Vy	Nữ	02/02/2009	9A6	
15	A9687	Đỗ Thị Tường	Vy	Nữ	26/10/2009	9A10	
16	A9688	Đỗ Trần Hà	Vy	Nữ	22/08/2009	9A4	
17	A9689	Lê Thảo	Vy	Nữ	19/03/2009	9A14	
18	A9690	Lê Triệu	Vy	Nữ	06/01/2009	9A12	
19	A9691	Lê Tường	Vy	Nữ	15/10/2009	9A12	
20	A9692	Nguyễn Ngọc Lan	Vy	Nữ	14/06/2009	9A6	
21	A9693	Nguyễn Ngọc Yến	Vy	Nữ	18/09/2009	9A11	
22	A9694	Nguyễn Ninh Thảo	Vy	Nữ	04/09/2009	9A4	
23	A9695	Nguyễn Vũ Tường	Vy	Nữ	13/06/2009	9A14	
24	A9696	Phan Khánh	Vy	Nữ	18/08/2009	9A7	
25	A9697	Phan Thị Thảo	Vy	Nữ	20/07/2009	9A8	
26	A9698	Tô Phan Hồng	Vy	Nữ	09/12/2009	9A15	
27	A9699	Trần Hoàng	Vy	Nữ	07/03/2009	9A4	
28	A9700	Trần Nguyễn Khánh	Vy	Nữ	02/09/2009	9A16	
29	A9701	Trịnh Thị Tuyết	Vy	Nữ	09/07/2009	9A3	
30	A9702	Trương Yến	Vy	Nữ	19/04/2009	9A6	
31	A9703	Võ Ngọc Tường	Vy	Nữ	06/08/2009	9A11	
32	A9704	Lê Chí	Vỹ	Nam	10/07/2009	9A15	
33	A9705	Lâm Nguyễn Khánh	Xuân	Nữ	12/09/2009	9A12	
34	A9706	Trần Thanh	Xuân	Nữ	27/10/2008	9A11	
35	A9707	Trần Thị Kim	Xuân	Nữ	06/06/2008	9A7	
36	A9708	Huỳnh Ngọc Như	Ý	Nữ	10/07/2009	9A4	
37	A9709	Nguyễn Ngọc Như	Ý	Nữ	02/01/2009	9A15	
38	A9710	Nguyễn Thị Như	Ý	Nữ	24/04/2009	9A6	
39	A9711	Nguyễn Trần Như	Ý	Nữ	22/07/2009	9A10	
40	A9712	Phạm Lâm Như	Ý	Nữ	15/07/2009	9A8	
41	A9713	Bùi Ngọc Hoàng	Yến	Nữ	05/04/2009	9A15	
42	A9714	Dương Lê Bảo	Yến	Nữ	22/11/2009	9A11	
43	A9715	Đoàn Ngọc Kim	Yến	Nữ	17/04/2009	9A7	
44	A9716	Vương Ngọc Phương	Yến	Nữ	25/11/2009	9A14	

Danh sách này có 44 học sinh.